

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

happy
digital banking!

**HAPPY
DIGITAL
BANKING**

DẪN ĐẦU CÔNG NGHỆ
PHÁT TRIỂN NHÂN VĂN



MỤC LỤC

01
TỔNG QUAN

02
THÔNG TIN CHUNG

03
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

04
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

05
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

06
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

07
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1

TỔNG QUAN

06 THÔNGIỆP CỦA CỔ ĐÔNG LỚN
- PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

08 THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10 THÔNGIỆP CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC

12 TẦM NHÌN - SỨ MỆNH -
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

14 CHỖ THIẾU THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

20 NHỮNG DẤU ẤN VÀ
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NGÂN HÀNG SỐ HOÀ
HẠNH PHÚC LAN TOẢ



THÔNG điệp CỦA CỔ ĐÔNG LỚN PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*"Chúng ta có thể không phải là
những người thông minh nhất
nhưng chúng ta là những người
tuyệt vời nhất. Chúng ta vinh dự
được sống và làm việc tại HDBank,
Happy Digital Bank - ngân hàng Số
hạnh phúc trong thời đại mới."*

Là một trong những cổ đông lớn nhất tại HDBank, tôi tự hào đã được cùng các anh chị em làm việc và cống hiến cho một ngân hàng có lịch sử 30 năm với những bước tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây. Với dấu mốc lịch sử 30 năm xây dựng và trưởng thành, HDBank đã ghi dấu một giai đoạn phát triển đầy bản lĩnh, khẳng định vị thế ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững hàng năm, có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất toàn ngành, chất lượng tài sản tốt, và luôn tích cực trong các hoạt động an sinh xã hội. HDBank có thể tự hào về những đóng góp của mình cho sự phát triển của ngành ngân hàng, của kinh tế - xã hội TP. Hồ Chí Minh và đất nước. Lịch sử, truyền thống hoạt động cũng đã tạo dựng cho HDBank những đặc trưng riêng có về văn hóa, thương hiệu, và là nền tảng và nguồn sức mạnh quan trọng để HDBank tiếp tục vươn xa hơn, sẵn sàng cho một giai đoạn phát triển mới, chính phục

những đỉnh cao mới, đưa thương hiệu HDBank được khách hàng trong nước tin chọn nhiều hơn và hội nhập vững chắc với nền tài chính, kinh tế khu vực và toàn cầu.

HDBank ngày nay đã lớn mạnh, là ngân hàng thuộc top dẫn đầu tại Việt Nam với vốn chủ sở hữu 20.381 tỷ đồng, tổng tài sản gần 230.000 tỷ đồng, thuộc top 20 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam. Là ngân hàng đa năng, HDBank luôn hoàn thành sứ mệnh thực thi chiến lược tài chính toàn diện, cung cấp sản phẩm - dịch vụ phong phú, tối ưu đến mọi đối tượng khách hàng trong nước và đang bước ra thị trường tài chính quốc tế, hội nhập toàn cầu.

Uy tín và vị thế thị trường của HDBank không chỉ được khẳng định trong nước, đã vươn tầm trên thị trường quốc tế. HDBank được cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng tín nhiệm ở mức B1 với triển vọng ổn định. Cổ phiếu HDB của HDBank sau khi niêm yết trên thị trường đã mang lại giá trị tăng trưởng cho nhà đầu tư, với sự tham gia nắm giữ của nhiều tổ chức, định chế hàng đầu và của quỹ đầu tư thuộc Chính phủ nước ngoài, khẳng định niềm tin và lợi ích cổ đông HDBank, đồng thời gia tăng sức hút, góp phần phát triển thị trường vốn Việt Nam.

Tiến phong trong chương trình tín dụng xanh, hỗ trợ phát triển các dự án năng lượng tái tạo và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, chương trình nông nghiệp nông thôn HDBank đang kiến định chiến lược phát triển bền vững, gắn kết mục tiêu giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. HDBank ưu tiên cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính tối ưu nhất, phục vụ kinh tế hộ gia đình, cho các nhu cầu tiêu dùng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. HDBank đầu tư bài bản cho nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ 4.0 trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, chuyển đổi công nghệ số, đi đầu thành toán không dùng tiền mặt hàng tỷ đô la hàng năm, phát triển Fintech, ngân hàng số Digital Bank trên nền tảng an toàn, bảo mật, tiêu chuẩn quốc tế, để mang đến những trải nghiệm hài lòng, tin cậy nhất trên toàn thị trường.

Ngày từ đầu năm 2020, đại dịch Covid -19 đã lây lan nhanh chóng ra nhiều quốc gia trên thế giới. HDBank đã thành lập Ủy ban khẩn cấp phòng chống dịch và đã có những hoạt động hiệu quả. HDBank đã kịp thời ban hành những chương trình tài trợ tín dụng và các ưu đãi thiết thực cho các doanh nghiệp ngành Y tế, chương trình tín dụng cho các doanh nghiệp tham gia bình ổn giá. Cùng với cả nước,

HDBank chung tay phòng chống dịch như đóng góp 10 tỷ đồng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cho chương trình phòng chống Covid -19 và xâm nhập mặn tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long. HDBank đã xây dựng các chương trình cho vay ưu đãi, miễn giảm lãi suất, cho vay bình ổn giá các mặt hàng thiết thực, các đơn vị ngành được và cung ứng vật tư y tế, các doanh nghiệp vay trả lương cho nhân viên.

Năm 2020 dự báo là một năm rất thách thức với ngành ngân hàng trong bối cảnh kinh tế bị tác động lớn bởi dịch bệnh và tình hình kinh tế vĩ mô toàn cầu diễn biến khó lường. HDBank là ngân hàng Xanh phát triển bền vững của nền kinh tế Xanh Việt Nam, là Ngân hàng Số mang đến những sản phẩm, dịch vụ tài chính tiện lợi, văn minh, phục vụ cho hơn 40 triệu khách hàng trong hệ sinh thái. HDBank sẽ tiếp tục thực hiện các kế hoạch hành động để đảm bảo sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai, sự hài hòa trong hiệu quả kinh doanh với trách nhiệm trước kinh tế quốc gia, trước cộng đồng, xã hội.

HDBank, với tinh thần luôn lạc quan tin tưởng, luôn tìm thấy cơ hội trong thách thức ở công việc mình làm, chúng ta sẽ đi qua đại dịch một cách tốt nhất và lớn mạnh hơn nữa. Chúng ta có thể không phải là những người thông minh nhất nhưng ta những người tuyệt vời nhất. Chúng ta vinh dự được sống và làm việc tại HDBank Happy Digital Bank - Ngân hàng Số hạnh phúc trong Thời đại mới!

Thay mặt Nhà sáng lập - Cổ đông lớn



Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị
Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Những mục tiêu xa hơn, trường kỳ hơn, HDBank đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành cùng quý khách hàng, đối tác và quý cổ đông... để xây dựng một HDBank ngày càng phát triển."

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên HDBank,

Năm 2019 ghi nhận năm tăng trưởng vượt trội của kinh tế Việt Nam. Trong đó, đóng góp cho chỉ tiêu tăng trưởng GDP cao nhất trong suốt 10 năm trở lại cũng như nhiều chỉ tiêu tích cực, có sự nỗ lực của ngành ngân hàng.

Đóng góp một phần tích cực cho sự phát triển ổn định, bền vững của nền kinh tế, HDBank đã có một năm bứt phá, kế thừa hiệu quả kinh doanh vượt trội của các năm liền trước, khẳng định vị thế và thương hiệu HDBank cả trong nước lẫn quốc tế, mang lại lợi ích cao cho khách hàng, cổ đông, ngân hàng, các đối tác và toàn xã hội. Điều đó được thể hiện qua hầu hết các chỉ tiêu:

- Tổng tài sản hợp nhất đạt 229.477 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu đạt 20.381 tỷ đồng, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 5.018 tỷ, tăng 25,3% so với năm 2018 và là mức cao nhất từ trước đến nay.
- Hệ số sinh lời trên tài sản bình quân (ROAA) và hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) lần lượt đạt 1,8% và 21,6% - tăng cao hơn so với năm 2018.
- Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ HDBank được kiểm soát chặt ở mức dưới 1% - nằm trong nhóm thấp nhất toàn ngành.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
LÊ THỊ BĂNG TÂM

Cùng với kết quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh, HDBank đã hoàn thành các mục tiêu:

- Củng cố năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng. HDBank là một trong những ngân hàng được Thông đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho áp dụng tiêu chuẩn Basel II trước thời hạn và hiện hệ số CAR theo Basel II đạt 12,2%, cao hơn nhiều mức tối thiểu 8% theo qui định.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái được tạo dựng, liên kết với các công ty thành viên, các đối tác lớn (Vietjet Air, các Tập đoàn doanh nghiệp trong nước, các đối tác nước ngoài) và khai thác hiệu quả mạng lưới những lợi ích đáng kể trong hoạt động đầu tư vốn lẫn phát triển dịch vụ ngân hàng.
- Mở rộng địa bàn trên thị trường quốc tế, từ mạng lưới các đối tác, đại diện tại hơn 400 quốc gia và vùng lãnh thổ, đến chính thức có văn phòng đại diện đầu tiên ở nước ngoài tại Myanmar.
- Đến đầu xu hướng công nghệ, chuyển đổi công nghệ số và quản trị, vận hành; từng bước phát triển các nền tảng sẵn sàng cho Fintech, ngân hàng số Digital Bank trên nền tảng an toàn, bảo mật tiêu chuẩn quốc tế, mang đến những trải nghiệm tối ưu cho khách hàng.

Bên cạnh hiệu quả kinh doanh, sự phát triển của HDBank cũng là hành trình mang đến hạnh phúc cho cộng đồng xã hội. Với mạng lưới 286 điểm giao dịch ngân hàng và hơn 77.000 điểm giao dịch tài chính trên khắp cả nước, cùng với các sản phẩm dịch vụ tài chính tiện lợi, vận hành, HDBank đã, đang lan tỏa mọi niềm vui và hạnh phúc đến hơn 8 triệu khách hàng trên khắp mọi miền đất nước, từ những đô thị lớn tới những vùng nông thôn xa xôi.

Niềm vui, hạnh phúc cũng được lan tỏa đến từng cán bộ nhân viên HDBank. Năm 2019, HDBank được bình chọn "Môi trường làm việc tốt nhất châu Á" - đi cùng cơ hội thăng tiến là sự thụ hưởng thành tựu kinh doanh của mỗi cá nhân.

Hội đồng Quản trị HDBank hai lòng vì đã thực hiện được trách nhiệm mà các cổ đông tin tưởng giao phó. Những mục tiêu xa hơn, trường kỳ hơn, chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành cùng Quý vị, để xây dựng một HDBank ngày càng phát triển.

Năm 2020, năm hoạch định mục tiêu, chiến lược 10 năm tầm nhìn tới 2030, HDBank hướng đến trở thành Ngân hàng hiện đại, đi đầu về

công nghệ số, trở thành tổ chức trong nhóm dẫn đầu về bản lẻ, tiêu dùng, SMEs, vườn ươm khu vực, hội nhập thị trường tài chính quốc tế; phát triển bền vững là điểm đến tin cậy của các nhà đầu tư, của các khách hàng, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế đất nước.

Để đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ của 2020 và hướng về một thập kỷ mới, Hội đồng Quản trị mong muốn toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên HDBank tiếp tục nỗ lực, đoàn kết, phát huy các lợi thế của tổ chức, cá nhân, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, cùng xây dựng thương hiệu HDBank - Ngân hàng Hạnh phúc cho tất cả cán bộ nhân viên, khách hàng, cổ đông, đối tác giao dịch với HDBank.

Sự đồng lòng, tin tưởng và gắn bó của Quý khách hàng, Quý cổ đông, nhà đầu tư là sức mạnh, chấp cánh cho các khát vọng, khẳng định vị thế của HDBank, mang đến các lợi ích to lớn cùng sự hài lòng, hạnh phúc cho chính quý vị và cộng đồng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lê Thị Băng Tâm

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Thưa Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên HDBank, Năm 2019 là năm thứ 3 HDBank hoàn thành nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 2017 - 2021, với nhiều dấu ấn góp phần nâng cao vị thế của HDBank. Trải qua 30 năm xây dựng và trưởng thành, HDBank đã đánh dấu một giai đoạn phát triển vượt bậc, khẳng định vị thế ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững.

Năm 2019 HDBank ghi nhận kết quả lợi nhuận trước thuế đạt 5.019 tỷ đồng, tiếp tục nằm trong top ngân hàng dẫn đầu về chất lượng tài sản và duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp nhất toàn ngành. Tiên phong về phát triển tín dụng xanh, trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất được Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trao tặng giải thưởng Green Deal Award. HDBank đã sớm ứng dụng công nghệ tiên tiến vào công tác quản trị, đảm bảo các chỉ số đáp ứng tốt yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Cuối năm 2019, HDBank khai trương văn phòng đại diện đầu tiên ở nước ngoài tại Myanmar, góp phần đẩy mạnh kết nối thương hiệu HDBank ra khu vực và thế giới.

Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, HDBank định hướng chiến lược phát triển bền vững trong mọi hoạt động. HDBank thực hiện đúng phương châm "Cam kết lợi ích cao nhất" cho cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và là ngôi nhà hạnh phúc của CBNV, gắn kết hài hòa giữa việc phát triển bền vững cùng với bảo vệ môi trường, phát triển hệ sinh thái độc quyền và luôn đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng.

Đứng trước xu thế hội nhập, các cơ hội cũng như thách thức từ kỷ nguyên số, Ngân hàng số là lựa chọn tất yếu của các ngân hàng. Vì thế việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sẽ được HDBank ưu tiên hàng đầu bên cạnh tiếp tục phát triển tín dụng xanh, đa dạng hóa danh mục sản phẩm truyền thống vốn được xem là thế mạnh.

Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU ĐĂNG

Với chiến lược đã hoạch định, HDBank tự tin hướng đến năm 2020 với các mục tiêu:

- Thứ nhất, mở rộng qui mô, mạng lưới đi kèm với nâng cao hiệu quả hoạt động, chủ trọng doanh thu phí dịch vụ. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và các chỉ số tài chính theo chiến lược cam kết với nhà đầu tư, đẩy mạnh thương hiệu HDBank trên thị trường tài chính - ngân hàng trong nước và quốc tế; tiếp tục duy trì HD SAISON là công ty tài chính tiêu dùng lớn nhất tại Việt Nam, hoạt động hiệu quả an toàn, dẫn đầu thị trường về hệ thống mạng lưới và số lượng khách hàng.
- Thứ hai, tập trung huy động vốn dân cư, tổ chức kinh tế, chủ trọng CASA để tăng huy động tại thị trường 1, ổn định nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng yêu cầu thanh khoản; đảm bảo vốn tự có để duy trì hệ số CAR theo quy định của NHNN và Basel II; tiếp tục phát huy lợi thế ngân hàng xanh, tập trung khai thác tốt khách hàng hệ sinh thái và tài trợ chuỗi để phát triển thành sản phẩm dịch vụ đặc thù thương hiệu của HDBank.
- Thứ ba, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi ngân hàng số trong thời đại 4.0, tăng cường ứng dụng công nghệ trên nền tảng Big Data, cung cấp những giải pháp về sản phẩm, dịch vụ phù hợp với từng khách hàng. Khai thác các ứng dụng, công nghệ tiên tiến để thực hiện số hóa quy trình, kênh phân phối, sản phẩm dịch vụ, và toàn bộ hoạt động ngân hàng, hướng đến mô hình ngân hàng số thực thụ (Digital HDBank) bắt nhịp cùng xu hướng công nghệ và cạnh tranh với các ngân hàng.
- Thứ tư, tích cực tham gia tài chính cấu, mua bán, sáp nhập Ngân hàng theo kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Thứ năm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; tiếp tục xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực kế thừa để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của HDBank. Xây dựng ngôi nhà hạnh phúc cho mỗi cán bộ nhân viên với môi trường làm việc lý tưởng, thân thiện.

Quyết tâm thực hiện đồng bộ các mục tiêu trên đồng hành với việc chung tay cùng ngành ngân hàng và cộng đồng tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tôi tin tưởng năm



"HDBank sẽ tiếp tục phát triển bền vững, khẳng định vị thế Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, trong đó số hóa là một trong những giải pháp chiến lược được ưu tiên hàng đầu."

2020 HDBank sẽ tiếp tục phát triển bền vững, khẳng định vị thế Ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, trong đó đẩy mạnh số hóa là một trong những giải pháp chiến lược được ưu tiên phát triển.

Tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của cổ đông và nhà đầu tư, sự hài lòng và đồng hành của khách hàng cùng HDBank. Tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới để cùng HDBank gặt hái những thành công mới.

Thay mặt Ban Điều hành

Tổng Giám đốc
Nguyễn Hữu Đăng

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành một Tập đoàn tài chính hàng đầu với cốt lõi là Ngân hàng Thương mại thuộc Top dẫn đầu tại Việt Nam, có sản phẩm và dịch vụ khách hàng vượt trội, mạng lưới quốc tế, hoạt động hiệu quả và có thương hiệu được các khách hàng tự hào tin dùng.

SỨ MỆNH



Đối với KHÁCH HÀNG

HDBank cam kết mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng bằng các giải pháp tài chính trọn gói và sáng tạo, đáp ứng được nhu cầu đa dạng và luôn thay đổi dựa trên sự thấu hiểu khách hàng.



Đối với NHÂN VIÊN

HDBank tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thú vị và có mức đãi ngộ xứng đáng giúp nhân viên có thể học hỏi, sáng tạo và cống hiến để cùng thành đạt về sự nghiệp.



Đối với ĐỐI TÁC

HDBank cam kết tối đa hóa lợi ích cho cả đồng và các đối tác nhờ lòng trung thành và bền vững đi cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả và quản lý rủi ro chặt chẽ.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1

Trung thực và Trách nhiệm

HDBank là một tập thể đáng tin cậy, trung thực, đảm nghĩ, đảm làm và đảm chịu trách nhiệm.

2

Khách hàng là trọng tâm

HDBank luôn coi khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của Ngân hàng và luôn phấn đấu đáp ứng tốt nhất những mong đợi của khách hàng.

3

Nhất quán và Linh hoạt

HDBank hiểu rõ mục tiêu của mình và nhất quán trong việc theo đuổi các mục tiêu đó. Trong hành động, chúng tôi luôn năng động và linh hoạt để đạt được mục tiêu đã đề ra.

4

Hiệu quả và Sáng tạo

HDBank không ngừng học hỏi, sáng tạo và tự hoàn thiện để hoạt động hiệu quả và vượt trội trong việc phục vụ khách hàng.

5

Chuyên nghiệp và Hợp tác

HDBank làm việc và ứng xử một cách chuyên nghiệp. HDBank chia sẻ và hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và đối tác dựa trên sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.



GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hàng trước

Bà Lê Thị Băng Tâm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Tâm
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Hàng sau

Ông Lê Vinh Quang
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
từ nhiệm từ ngày 23/04/2018

Ông Nguyễn Thành Bô
Phó Chủ tịch, Thành viên
Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Lưu Đức Khánh
Phó Chủ tịch
Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Bằng
Thành viên Hội đồng Quản trị
viêm Tổng giám đốc

Ông Chu Việt Cường
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Phong Khanh
Thành viên
Hội đồng Quản trị

* Theo thứ tự từ sang phải

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Lê Thị Băng Tâm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

Bà rất thành công trong lĩnh vực quản lý tài chính và ngân sách quốc gia và đặc biệt thành công trong công tác tài chính đối ngoại. Bà từng là Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trung ương - Bộ Tài chính; Thủ trưởng, Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Tư vấn cấp cao cho một số tổ chức tài chính nước ngoài. Hiện tại bà cũng đồng thời đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Sửa chữa Nam (Vinamik).

Bà từng nhận được nhiều Huân chương của Chủ tịch nước; Bằng khen của Chính phủ và Bộ trưởng, các danh hiệu về thành tích đối ngoại, xây dựng chính sách, khoa học, phụ nữ.

Bà tham gia vào HDBank từ năm 2010. Bà có đóng góp lớn trong việc quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt HDBank tham gia vào các dự án quốc tế: World Bank, ADB, các dự án lớn của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước. Là người đứng đầu HDBank, bà đã có những đóng góp thiết thực trong các thành quả mà HDBank đạt được trong thời gian qua, cũng như việc hoạch định chiến lược phát triển Ngân hàng trong thời gian tới.

Trình độ học vấn:

Bà tốt nghiệp khóa học Quản lý Kinh tế cao cấp và Tiến sỹ Kinh tế chuyên ngành tài chính tín dụng tại Liên Xô, Chứng chỉ Tài chính quốc tế tại North University London.

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động kinh tế tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là gần 25 năm kinh nghiệm trong Tài chính - Ngân hàng và gần 20 năm gắn bó với HDBank. Bà đã tham gia điều hành một số ngân hàng ở nước ngoài, sáng lập và quản trị một số ngân hàng tại Việt Nam.

Bà tham gia vào HDBank từ những năm đầu chuyển đổi và là người chủ trì các chương trình đổi mới, cải cách tại HDBank, đưa HDBank từng bước vươn lên vị trí dẫn đầu hệ thống ngân hàng. Với cương vị là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị HDBank, bà đã thực hiện nhiều đổi mới, đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của HDBank. Bên cạnh việc kinh doanh hiệu quả, bà tham gia tích cực trong các tổ chức giáo dục đào tạo, xã hội, từ thiện với mục đích gắn kết cộng đồng.

Trình độ học vấn:

Bà là Tiến sỹ Học viện Mendeleev ngành Điều khiển học Kinh tế, Cử nhân Tài chính tín dụng tại Học viện Thương mại Matxcova, Cử nhân ngành Quản lý Kinh tế lao động Trường Kinh tế Quốc dân Matxcova, Ủy viên sáng lập Viện Hàn lâm Nghiên cứu Hệ thống Liên bang Nga.

Ông Lưu Đức Khánh

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

Ông là chuyên gia của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Ông đã từng giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng tại các ngân hàng như HSBC, Techcombank, ABBANK, góp phần giúp các ngân hàng này đạt được những thành công vững chắc tại thị trường Việt Nam.

Tham gia vào Hội đồng Quản trị HDBank, ông đã có nhiều định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, công nghệ nhằm phát triển HDBank trở thành ngân hàng hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế.

Trình độ học vấn:

Ông có bằng Cử nhân tại Đại học Bách khoa Lyon (Liên Xô), Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và bằng MBA của Đại học New England (Mỹ).

**Ông Nguyễn Hữu Đặng**

Thành viên Hội đồng Quản trị,

Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông từng giữ các vị trí Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ông có hơn 20 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những định hướng quan trọng, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ ngành Ngân hàng.

**Ông Nguyễn Thành Đô**Phó Chủ tịch, Thành viên
Hội đồng Quản trị độc lập**Quá trình công tác:**

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính và công tác tài chính đối ngoại. Ông từng là Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính.

Ông gia nhập HDBank với cương vị Cố vấn cấp Hội đồng Quản trị từ tháng 11/2014 - tháng 04/2017 và đã có những đóng góp hiệu quả cho việc hoạch định chiến lược phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn:

Ông là Tiến sĩ ngành Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Tài chính Matxcova.

**Bà Nguyễn Thị Tâm**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

Bà là chuyên gia cao cấp, đã hoạt động hơn 35 năm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Đặc biệt, bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điều hành tổ chức tín dụng và thanh toán quốc tế. Bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Vietcombank, gần đây nhất là cương vị Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng Quản trị và Cố vấn cho Hội đồng Quản trị Vietcombank.

Bà từng nhận được nhiều Huân chương, Bằng khen của Chủ tịch nước, Chính phủ và ngành ngân hàng.

Trình độ học vấn:

Bà là Cử nhân tiếng Anh, Chứng chỉ cao cấp Lý luận ngân hàng, Chứng chỉ Quản trị kinh doanh của Tổ chức hợp tác quốc tế Thụy Điển và Trường Đại học Ames Tuck (Hoa Kỳ), Lý luận cao cấp chính trị.

Ông Chu Việt Cường

Thành viên Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các tổ chức Tài chính - Tín dụng và các doanh nghiệp lớn trong nước và nước ngoài. Ông từng là Tổng Giám đốc BNP Paribas - Prevoir JV, Phó Tổng giám đốc Prudential Assurance Ltd, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đại Á.

Trình độ học vấn:

Ông là Cử nhân, Thạc sĩ Kinh tế Đại học Tổng hợp Khaccop (Liên Xô), Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế Đại học Sussex (Anh Quốc) và Thạc sĩ MIT (Hoa Kỳ)/ NTU (Singapore).



Ông Lý Vinh Quang

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
(từ nhiệm từ ngày 23/04/2019)

Quá trình công tác:

Ông có hơn 30 năm làm việc và giữ vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực giáo dục, thương mại, ngân hàng. Riêng trong ngành Ngân hàng, ông đã từng giữ các chức vụ cao tại Techcombank, BacABank, ARBank. Đặc biệt, ông nguyên là Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc HDBank giai đoạn 1999 - 2003.

Ông trở thành Thành viên HSDQQT Quản trị độc lập HDBank từ tháng 04/2017 và đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua Đơn từ nhiệm tại Đại hội thường niên năm 2019, tổ chức ngày 23/04/2019.

Trình độ học vấn:

Ông là Tiến sĩ kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân Matxcơva mang tên Plekhanov, nay là Viện Hàn lâm Kinh tế Liên bang Nga.



Ông Lim Peng Kheon

Thành viên Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, Chứng khoán và Công nghệ thông tin. Trước khi gia nhập HDBank, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng HSBC Malaysia và HSBC Hong Kong, Ủy ban Chứng khoán Hong Kong, Cơ quan Quản lý tiền tệ Hong Kong, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của một số ngân hàng niêm yết tại Việt Nam và Trung Quốc.

Trình độ học vấn:

Ông có chứng chỉ của Học viện đào tạo chuyên gia ngân hàng tại Anh Quốc, chứng chỉ chuyên viên cấp cao - Học viện Ngân hàng Malaysia.



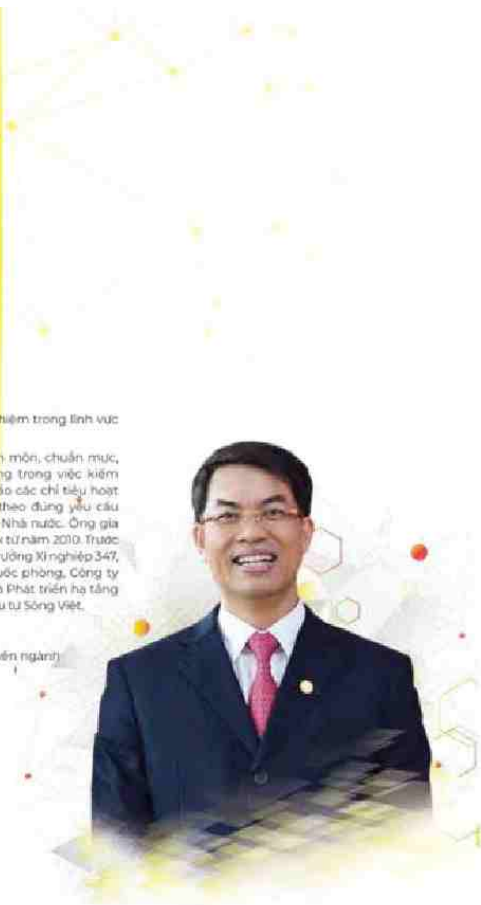


**GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN
BAN KIỂM SOÁT**

Bà Nguyễn Thị Kim
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Đào Duy Tường
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương
Thành viên Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Tích
Thành viên Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:
Bà từng công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai, tỉnh Thái Nguyên, Agribank. Trước khi gia nhập HDBank, bà từng làm việc trong nhiều lĩnh vực nghiệp vụ của ngành ngân hàng và từng giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc tại Techcombank. Bà từng nhận nhiều huy chương của Nhà nước và ngành ngân hàng.

Trình độ học vấn:
Bà là Cử nhân Kinh tế.



Bà Nguyễn Thị Phụng
Thành viên Ban Kiểm soát

Quá trình công tác:
Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng. Bà đã có những đóng góp tích cực trong sự phát triển của HDBank trong những năm qua. Bà gia nhập HDBank từ năm 2003 với vị trí kiểm soát viên và kiểm toán viên nội bộ. Từ năm 2008, bà là thành viên Ban Kiểm soát HDBank.

Trình độ học vấn:
Bà là Cử nhân chuyên ngành Tin tức Tin dụng.





GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Hàng đầu

Bà Nguyễn Đoàn Duy An
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Bằng
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà Trần Thu Hương
Phó Giám đốc Phụ trách Khối văn hành

Hàng đầu

Ông Hoàng Đức Long
Giám đốc Khối Nguồn vốn và
Kinh doanh Tài sản

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phó Giám đốc Phụ trách Khối Khách sạn

Hàng đầu

Ông Trần Quốc Anh
Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Ông Trần Minh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Minh Hải
Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quốc Thanh
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ông Lê Thành Trung
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Tăng
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Chánh văn phòng Lãnh đạo

Ông Phạm Văn Dầu
Giám đốc Tài chính

Ông Trần Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hoàng
Phó Tổng Giám đốc

* Thành viên tự trị sang phía

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Nguyễn Hữu Đặng

Thành viên Hội đồng Quản trị,
Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông từng giữ các vị trí Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ông có hơn 20 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những định hướng quan trọng, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ ngành Ngân hàng.



Ông Phạm Quốc Thanh

Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Quá trình công tác:

Ông đã có hơn 25 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro, xây dựng và điều hành mạng kinh doanh khách hàng doanh nghiệp.

Ông từng nắm giữ nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại các ngân hàng HSBC, ACB, ABBank, Techcombank.

Trình độ học vấn:

Ông là Cử nhân ngành Tín dụng ngân hàng và Cử nhân Ngoại ngữ.

Ông Lê Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc kiểm
Chánh Văn phòng Lãnh đạo

Quá trình công tác:

Ông đã gắn bó với HDBank hơn 20 năm qua các chức vụ như: Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Khu vực. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh, Phòng Giao dịch trong phạm vi khu vực, đóng góp không nhỏ vào công tác mở rộng mạng lưới hoạt động, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua.

Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc, quản lý trong các công ty tài chính, ngân hàng trước khi gia nhập HDBank, hiện là Bí thư Đảng bộ HDBank.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Cử nhân Luật.



Ông Trần Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt trong quản lý các hoạt động về Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính. Ông là một lãnh đạo năng động, có nhiều sáng kiến đổi mới. Hiện tại, ông đang đảm nhiệm việc quản lý và phát triển Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính tại HDBank, đẩy mạnh hợp tác giữa HDBank với những đơn vị lớn, uy tín trong và ngoài nước.

Ông từng nắm giữ các vị trí lãnh đạo tại các đơn vị như: Bộ Khoa học Công nghệ, Citibank và VIB.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ Học viện Kỹ thuật Châu Á (AIT), Cử nhân Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Ông Lê Thành Trung

Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong và ngoài nước. Đặc biệt, ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị điều hành hệ thống, tổ chức bộ máy, quản trị rủi ro, quan hệ khách hàng.

Ông từng giữ các vị trí lãnh đạo cao cấp tại Công ty cho thuê tài chính Vietcombank và các ngân hàng: Vietcombank, Shinhan Vina Bank.

Trình độ học vấn:

Ông là Tiến sĩ Kinh tế và Cử nhân Luật.

**Ông Trần Thái Hòa**

Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông là người giàu kinh nghiệm làm việc và quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng với hơn 20 năm công tác tại các ngân hàng khác nhau. Trước khi gia nhập HDBank, ông đã có 12 năm làm việc tại ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh và tại VietABank với vai trò lãnh đạo như Trưởng phòng, Phó Tổng Giám đốc.

Trình độ học vấn:

Ông là Cử nhân Đại học Ngân hàng TP.HCM.

**Ông Nguyễn Minh Đức**

Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông có trên 25 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tổ chức Tài chính Tín dụng. Ông đã đóng góp vào nhiều thành công của HDBank, đặc biệt là trong lĩnh vực Quản lý rủi ro, Kiểm soát tuân thủ. Ông nguyên là Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng Hải, đã từng giữ chức vụ cao ở một số ngân hàng tại Việt Nam.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ Kinh tế và Cử nhân Luật.

**Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái**

Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Bà là một người phụ nữ năng động, tự tin và giàu kiến thức trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong suốt thời gian gắn bó với HDBank, bà đã có đóng góp không nhỏ vào thành công của ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực Kinh doanh tiền tệ, đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống, đóng góp vào thành công của HDBank hôm nay.

Bà đã từng công tác nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tài chính ngân hàng tại Techcombank, VPBank.

Trình độ học vấn:

Bà là Cử nhân ngành Tín dụng Ngân hàng.



Ông Nguyễn Thanh Phương
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

Ông đã có 20 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có hơn 10 năm gắn bó với HDBank, trải qua các vị trí Phó/Trưởng phòng kinh doanh đến Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc vùng. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã góp phần phát triển hoạt động của các điểm kinh doanh trong phạm vi khu vực quản lý, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Cử nhân Luật.



Ông Phạm Văn Đẩu
Giám đốc Tài chính

Quá trình công tác:

Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong đó, ông am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về tín dụng, kế toán, tài chính, nguồn vốn và kế hoạch. Ông là người nắm giữ nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực tài chính của Ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn:

Ông là Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Trần Quốc Anh
Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Quá trình công tác:

Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Đặc biệt, ông có nhiều kinh nghiệm và đam mê kinh doanh trong lĩnh vực Ngân hàng Bán lẻ hiện đại.

Trước khi gia nhập HDBank, ông đã có nhiều năm làm việc tại ACB với nhiều vị trí quan trọng tại Khối Bán lẻ như Giám đốc Sản phẩm, Giám đốc Trung tâm tín dụng, Phó trưởng Ban Tín dụng Hội sở.

Trình độ học vấn:

Ông là Cử nhân ngành Ngân hàng - Đại học Ngân hàng TP. HCM.



Ông Hoàng Đức Long
Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ

Quá trình công tác:

Ông có quá trình gắn bó với HDBank gần 20 năm và đã trải qua các vị trí công việc khác nhau. Trong suốt quá trình này, ông đã có nhiều kinh nghiệm và đóng góp cho sự phát triển của lĩnh vực nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ của HDBank trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn.

Hiện nay, ông tiếp tục đóng góp vào việc xây dựng cơ cấu tổ chức và phát triển nghiệp vụ kinh doanh, mở rộng thị trường mảng nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ tại HDBank. Ông góp phần tham mưu cho Ban Điều hành quản lý an toàn thanh khoản, tối ưu hóa nguồn vốn và sử dụng vốn, đem lại nhiều thành công cũng như kết quả đóng góp vượt bậc từ mảng hoạt động kinh doanh nguồn vốn và tiền tệ, qua đó góp phần vào sự phát triển, gia tăng hiệu quả kinh doanh của HDBank, nâng cao uy tín của HDBank trên thị trường tài chính.

Trình độ học vấn:

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.





Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phó Giám đốc Phụ trách Khối Nhân sự

Quá trình công tác:

Bà đã có gần 22 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành quản trị nhân sự và từng giữ vị trí Giám đốc Nhân sự tại những Tập đoàn đa quốc gia. Ngoài kinh nghiệm về nhân sự, bà còn tham gia đào tạo cho các tổ chức chuyên nghiệp như Trường Doanh nhân PACE, BCC, Vietleader, LSA, BTG, MTC; tư vấn về cơ cấu và tổ chức nhân sự, khung bảng lương cho các doanh nghiệp.

Trình độ học vấn:

Bà có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - trường Đại học Columbia Southern (Hoa Kỳ); Cử nhân Anh văn - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM.

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyền

Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

Bà có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán. Trong đó, bà am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về kế toán, tài chính. Bà có nhiều năm gắn bó với HDBank với các vị trí thành toán viên, chuyên viên kế toán, kiểm soát viên, Phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính.

Trình độ học vấn:

Bà tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.



Bà Trần Thu Hương

Phó Giám đốc Phụ trách Khối Vận hành

Quá trình công tác:

Bà có 10 năm gắn bó với HDBank và 17 năm kinh nghiệm qua nhiều lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng. Với năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm nghiệp vụ chuyên sâu từ kinh doanh Khách hàng Doanh nghiệp và Khách hàng Cá nhân, bà đã có nhiều đóng góp cho HDBank trong việc điều hành hoạt động kinh doanh trong các năm qua, đặc biệt khai phá và xây dựng khối Khách hàng Cá nhân trong giai đoạn đầu chuyển đổi và thành lập khối từ 2010. Từ tháng 06/2020, bà được giao điều hành Khối Vận hành với mục tiêu đổi mới hoạt động vận hành nhằm nâng cao hiệu quả và đạt chuẩn quốc tế, dựa trên cải tiến chất lượng dịch vụ, triển khai quy trình dựa trên công nghệ số và nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự vận hành của HDBank.

Trình độ học vấn:

Bà là Cử nhân ngành Ngân hàng - Đại học Ngân hàng TP.HCM.



NHỮNG DẤU ẤN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

1 Kỷ niệm 30 năm thành lập



* Bài 14 và bài 15: 30 phút (thời gian). *Cả bài 14 và bài 15 đều có thể làm được ngay sau khi học xong bài 13. *Cả bài 14 và bài 15 đều có thể làm được ngay sau khi học xong bài 13.

**HDBank cùng lúc đón nhận
3 danh hiệu cao quý**

Năm 2019, nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, HDBank đã triển khai chuỗi các hoạt động ý nghĩa như: phát động các phong trào thi đua trong hoạt động kinh doanh; tổ chức các hoạt động đồng hành trao trong nội bộ như Giải Sao Mai HDBank, Văn phòng Xanh, Hành trình Chắp cánh yêu thương... với tinh thần hưng khởi, tự hào lan tỏa khắp hệ thống.

Tại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập HDBank (04/01/1990 - 04/01/2020), niềm vui nhân ba với HDBank khi đồng thời đón nhận Huân chương Lao động của Chủ tịch nước, Cờ thi đua của Chính phủ và Cờ Truyền thống của UBND TP Hồ Chí Minh.





* Từ trái sang: Trưởng Văn phòng đại diện của HDBank tại Myanmar (đứng từ trái sang) kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các thành viên cấp cao của HDBank và các thành viên của Khách sạn Myanmar



* Trưởng ban điều hành Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Mạng phát biểu tại buổi lễ

2 Mở Văn phòng đại diện đầu tiên ở nước ngoài

Đánh dấu chiến lược vươn ra thị trường quốc tế, đồng thời tạo dựng cột mốc quan trọng trước mốc son kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, ngày 19/12/2019, HDBank đã khai trương văn phòng đầu tiên ở nước ngoài tại Thành phố Yangon, Myanmar.

Văn phòng đại diện của HDBank ở Myanmar là đầu mối xúc tiến các hoạt động đầu tư, đàm phán, hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính; góp phần giám sát các khoản vay nước ngoài do HDBank cấp tín dụng; kết nối các doanh nghiệp là đối tác của HDBank với các quan hệ đầu tư, kinh doanh tại thị trường Myanmar.

Sự kiện này đóng góp hiệu quả, thiết thực vào hoạt động đầu tư, giao thương của Việt Nam - Myanmar và sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp hai quốc gia, bên cạnh quảng bá thương hiệu HDBank ra thị trường quốc tế.

3 HDBank tiên phong trong tài trợ Tín dụng xanh

Năm 2019, HDBank là ngân hàng Việt Nam duy nhất và đầu tiên tại Việt Nam nhận giải "Green Deal Award" do Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) trao tặng vì thành tích nổi bật trong tài trợ thương mại xanh.

Chương trình tín dụng xanh được HDBank triển khai với quy mô lên đến 10.000 tỷ đồng, dự kiến tăng thêm 16.000 tỷ đồng trong năm 2020 (tùy theo nhu cầu của thị trường). Ngoài ra, HDBank còn dành riêng 10.000 tỷ đồng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

Chương trình tín dụng xanh của HDBank được khách hàng đánh giá rất cao. Theo đó, sản phẩm tín dụng xanh của HDBank được chuẩn hoá, có thể triển khai đại trà, nhất là điện áp mới. HDBank đáp ứng các tiêu chí "xanh" để liên kết, tiếp nhận các nguồn vốn dài hạn được các định chế tài chính nước ngoài tài trợ cho các dự án điện mặt trời tại Việt Nam. Khách hàng được hưởng ưu đãi lãi suất và chất lượng dịch vụ tối ưu. Các giao dịch được thực hiện trên nền tảng số hoá nhanh chóng và tự động.





4

Dẩy mạnh chuyển đổi số

Năm 2019, HDBank đã hoàn thành việc cải tiến, đổi mới sản phẩm theo hướng Ngân hàng Số, triển khai chương trình thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ tự động hoá trong công tác vận hành và tác nghiệp, tăng cường công tác an ninh, an toàn trong thanh toán, áp dụng tiêu chuẩn an toàn bảo mật theo chuẩn quốc tế ISO 27001:2013. HDBank đã tích cực phát triển kênh giao dịch điện tử như ra mắt ứng dụng Mobile Banking mới với giao diện hiện đại, thân thiện, đem lại cho khách hàng những trải nghiệm mới với tốc độ xử lý giao dịch nhanh chóng; thay thế hệ thống thẻ bằng Way4; tăng cường khai thác hệ sinh thái thông qua kết nối mở, liên tục nâng cao tính tiện ích các kênh giao dịch điện tử; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo cho xác thực sinh trắc học, chatbot trên mBanking.

Xác định năm 2020 là năm bản lề mở đầu cho thập kỷ sáng tạo, HDBank đang triển khai hàng loạt dự án như: chương trình khách hàng thân thiết, phát triển Super Apps để sử dụng cho tất cả các thành viên của Tập đoàn Sovico; công cụ tiếp thị điện tử và doanh nghiệp thông minh; chương trình phát triển công nghệ kết nối giữa khách hàng với quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng để quản lý và khai thác. Các chương trình này sẽ hỗ trợ các sản phẩm, dịch vụ số và phân phối bảo hiểm qua Ngân hàng.

các gói cho vay P2P và bán lẻ P2P; cho phép người dùng truy cập liên mạch và thuận tiện vào tất cả các dịch vụ do HDBank và các thành viên của Tập đoàn Sovico cung cấp; giúp tiếp thị và bán chéo các sản phẩm, dịch vụ giữa các thành viên trong hệ sinh thái của HDBank.



5

Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ



lãi trước thuế	5.018	tỷ đồng
lãi sau thuế	229.477	tỷ đồng
thu nhập	11.388	tỷ đồng
lợi nhuận	21,6%	

Năm 2019, HDBank đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 5.018 tỷ, cao nhất từ trước tới nay và tăng 25,3% so với năm 2018. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) đạt 1,8% và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt 21,6% - thuộc top dẫn đầu toàn ngành. Tính đến ngày 31/12/2019, tổng tài sản hợp nhất của HDBank đạt 229.477 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng mẹ được kiểm soát ở mức 0,98%, thuộc nhóm tốt nhất toàn ngành trong nhiều năm liền.

Tính chung cả năm 2019, thu nhập lãi thuần hợp nhất của HDBank đạt 9.747 tỷ đồng, tăng 27,5% so với năm 2018. Biên lãi thuần (NIM) mở rộng mạnh mẽ, tăng từ mức 4,2% cuối năm 2018 lên 4,8% và là một trong những ngân hàng có NIM tốt nhất trên thị trường. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng 42,8%, đạt 626 tỷ đồng. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của các nguồn thu nhập chính này đã giúp TOI lần đầu tiên trong lịch sử HDBank đạt 11.388 tỷ đồng, tăng 20,6%.

6

Đạt nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế

Năm 2019, HDBank tiếp tục nhận nhiều giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước.

- Giải thưởng uy tín trong nước: ngoài 03 danh hiệu cao quý đón nhận nhân dịp kỷ niệm 30 năm, HDBank tiếp tục nhận các giải thưởng như Top 10 Doanh nghiệp niêm yết vốn hóa lớn có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất; Top 10 Doanh nghiệp Thương mại - Dịch vụ bền vững năm 2019; được Ủy ban Nhận dân Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh là một trong những doanh nghiệp đóng góp ngân sách Nhà nước lớn nhất năm 2019; đạt chuẩn quốc tế Basel II...
- Giải thưởng quốc tế tiêu biểu: lần thứ hai đoạt giải "Nơi làm việc tốt nhất châu Á" do Tạp chí Nhân sự hàng đầu châu Á - HR Asia bình chọn; Giải thưởng Ngân hàng Thực hiện Điện thanh toán Chuẩn năm 2019; Dịch vụ Tài trợ Thương mại dẫn đầu thị trường Châu Á - Thái Bình Dương...

7

HDBank đạt chuẩn Quốc tế Basel II trước hạn

Ngày 12/09/2019, HDBank chính thức được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao quyết định áp dụng đạt chuẩn Basel II từ ngày 01/10/2019. HDBank đã đáp ứng tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro cao do Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững và minh bạch hơn. Với quyết định này, HDBank chính thức áp dụng chuẩn Basel II về an toàn vốn, sớm hơn thời hạn dự kiến của Ngân hàng là cuối năm 2019.



• Ông Phạm Quốc Thành - Chủ tịch Giám đốc Thường trực HDBank nhận giải "Nơi làm việc tốt nhất châu Á" tại HR Asia 2019

8

Lần thứ hai đoạt giải "Nơi làm việc tốt nhất châu Á"

Lần thứ hai liên tiếp, HDBank được đánh giá là "Nơi làm việc tốt nhất châu Á" do Tạp chí Nhân sự hàng đầu châu Á - HR Asia bình chọn. HR Asia đã đánh giá những doanh nghiệp có chính sách, chế độ đãi ngộ nhân sự hấp dẫn, môi trường làm việc lý tưởng và thường xuyên tổ chức các hoạt động nội bộ sôi nổi nhằm gắn kết nhân viên để bình chọn những nơi làm việc tốt nhất.

HDBank đã và đang thực hiện đúng cam kết tạo điểm tựa cho người lao động về phúc lợi và lộ trình nghề nghiệp. Theo kết quả khảo sát, nhân viên HDBank bày tỏ mức độ hài lòng

và mong muốn gắn bó lâu dài với Ngân hàng khi được Ngân hàng đánh giá đúng về chuyên môn, tôn trọng ý kiến cá nhân, đào tạo bài bản và năng cao, tham gia những hoạt động nội bộ năng động. Bên cạnh đó, HDBank còn dành nhiều phúc lợi cho nhân viên như: cho vay tín chấp, chăm sóc cá nhân với bảo hiểm sức khỏe, chăm sóc sức khỏe y tế qua chương trình liên kết khám chữa bệnh với các bệnh viện uy tín.

Hàng năm, HDBank tổ chức các hoạt động nội bộ sôi nổi như: chương trình đào tạo Cán bộ nguồn, Sao Mai HDBank, Hội thao toàn quốc...



9

Giải Cờ vua Quốc tế HDBank lần thứ 9 - Chủ tịch Liên đoàn Cờ vua thế giới tham dự

Năm 2019 là năm thứ 9 liên tiếp HDBank đồng hành cùng Giải Cờ vua Quốc tế HDBank. Đây là Giải Cờ vua duy nhất tại Việt Nam có quy mô, chất lượng tầm châu lục. Giải năm 2019 thu hút 304 kỳ thủ từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới tham dự, trong đó có 142 kỳ thủ quốc tế đến từ các cường quốc cờ vua như: Nga, Đức, Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Ukraine, Indonesia... Giải vinh dự đón Chủ tịch Liên đoàn Cờ vua thế giới - ông Arkady Dvorkovich đến tham dự.

2019 cũng là năm thứ ba HDBank tài trợ kinh cương cho Giải Futsal Vô địch Quốc gia và Giải Futsal Cup Quốc gia; năm thứ hai đồng hành cùng Giải Futsal Vô địch Đông Nam Á.

Với việc sát cánh cùng bộ môn cờ vua và bóng đá futsal, HDBank đã đóng góp tích cực vào nền thể thao nước nhà với các môn thể thao phù hợp với thể chất và trí tuệ của người Việt Nam. Qua những giải thể thao quốc tế chuyên nghiệp, HDBank hi vọng đóng góp vào việc kiến tạo hình ảnh Việt Nam tươi đẹp, hiếu khách trong lòng bạn bè quốc tế, góp phần đưa Việt Nam ra gần hơn với thế giới và đưa thế giới đến với Việt Nam.



10

Hành trình Chắp cánh yêu thương

Thuyền thong sương thân tương ái đã trở thành nét văn hóa doanh nghiệp đặc sắc của HDBank. Năm 2019, HDBank tiếp tục đồng hành cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM thực hiện 1.170 ca phẫu thuật mắt miễn phí cho bệnh nhân nghèo được thủy tinh thể có hoàn cảnh khó khăn. Ngân hàng cũng đã tặng 7.400 thẻ bảo hiểm y tế cho Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM và Quỹ vì người nghèo TP.HCM cùng 1.000 suất học bổng cho Quỹ

Bảo trợ Trẻ em Việt Nam; trao kinh phí xây 05 căn nhà tình thương trên cả nước; tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo thường niên. Bên cạnh đó, HDBank cũng thường xuyên tổ chức các chuyến thăm và tặng quà cho người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc đời sống tinh thần cho những hoàn cảnh kém may mắn tại các trung tâm bảo trợ xã hội; hỗ trợ xây cầu, nhà tình thương tại nhiều địa phương trên cả nước.

NHỮNG DẤU ẤN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Giải thưởng Tài trợ Thương mại
bởi châu Á năm 2019



Giải thưởng Quản lý Tài trợ
vốn năm 2019



Giải thưởng Dịch vụ Tài trợ
Thương mại xuất sắc nhất
(Hạng mục Châu Á - Bắc Á và Đông Á)



Giải thưởng tiêu biểu về Tín dụng kinh



Giải thưởng Ngân hàng tốt nhất từ khách hàng 2019



Giải thưởng Ngân hàng - Ngân hàng có
giao dịch tốt nhất và thưởng nhân viên
xuất sắc nhất năm 2019



Giải thưởng tiêu biểu về Tín dụng kinh



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại Cổ phần
tốt nhất về tín dụng năm 2019



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại - Dịch vụ tài trợ
vốn xuất sắc nhất



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại - Dịch vụ tài trợ năm 2019



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại
Đầu tiên năm 2019 (Hạng mục Châu Á)



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại
Đầu tiên năm 2019 (Hạng mục Châu Á)



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại - Dịch vụ tài trợ
vốn xuất sắc nhất năm 2019



Giải thưởng Ngân hàng Thương mại - Dịch vụ tài trợ
vốn xuất sắc nhất năm 2019

2

THÔNG TIN CHUNG

- 34** TỔNG QUAN VỀ HDBANK
- 36** TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 38** BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG QUÁ CÁC NĂM
- 40** NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- 42** MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA HDBANK
- 45** MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC
- 48** CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
- 50** CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DIGITAL BANKING



HOÀ NHỊP ƯỚC MƠ
TƯƠNG LAI RỰC RỠ

TỔNG QUAN VỀ HDBANK

Tên Doanh nghiệp:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên tiếng Anh:	HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
Tên viết tắt:	HDBank
Giấy CN ĐKDN:	Số 0300608092 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và thay đổi lần thứ 26 ngày 11/12/2017
Vốn điều lệ hiện tại:	9.810 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu:	20.380 tỷ đồng
Trụ sở chính:	Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-28) 6291 5006
FAX:	(84-28) 6291 5001
Website:	www.hdbank.com.vn
Giấy phép hoạt động:	Số 00019/NH-CP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992
Logo:	
Mã cổ phiếu:	HDB

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT THUỘC HDBANK

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON	100% 50%
Công ty liên kết HDBank không có công ty liên kết	
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (AMC HDBank)	Địa chỉ: Tầng 3-4, Tòa nhà 519 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Lịch sử hình thành:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên
Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng
Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ
Chí Minh (AMC HDBank) tiền thân là công ty
con thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại
Cổ phần Á Á, chính thức đi vào hoạt động từ
ngày 13/01/2011 với số vốn điều lệ ban đầu là 20
tỷ đồng và đến tháng 08/2011 tăng lên thành
150 tỷ đồng.

Sau khi hoàn tất việc sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á từ tháng 11/2013, AMC HDBank trở thành Công ty con của HDBank và chuyển trụ sở từ Biên Hòa, Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11/2014.

Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn
HD SAISON (HD SAISON)

Lịch sử hình thành:

HD SAISON là Công ty Tài chính tiêu dùng. Tiền thân Công ty có tên gọi tắt là SCVF, thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Societe Generale. Sau khi được HDBank mua lại, SCVF đổi tên thành HDFinance. Đến tháng 03/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay.

Quy mô:

17.101 điểm giao dịch tài chính tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Sản phẩm dịch vụ

Chủ đồng xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các hình thức: Tái tư cho các công khai trên thị trường, bán qua trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, bán cho công ty mua bán nợ của nhà nước theo quy chế mua, bán nợ.

Mua bán nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng khác của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ:	Tầng 8-9-10, Tòa Nhà GiliMex, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ:	1.400 tỷ đồng

Sản phẩm dịch vụ:

HD SÀI GÒN thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay để mua trả góp hàng điện máy, xe máy, xe tải nhẹ, du lịch và cho khách hàng thân thiết vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng cá nhân.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch



TỔNG TÀI SẢN (DVT: Tỷ đồng)

QUÁ TRÌNH TĂNG TRƯỞNG ẨM TƯỢNG



Thành lập với tên gọi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

Đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

- Mua lại SGVF (Société Générale Viet Finance là công ty con của SOCIÉTÉ GÉNÉRALE)
- Nhận sáp nhập DaiA Bank

Được Moody's xếp hạng tín nhiệm đầu mức B2

Được Moody's nâng bậc xếp hạng tín nhiệm lên B1

CREDIT SAISON

IPO thành công và được phê duyệt niêm yết cổ phiếu HDB tại HOSE

Giai đoạn hình thành

Triển khai chiến lược phát triển 5 năm lần thứ nhất

Triển khai chiến lược phát triển sau IPO

(*) Bao gồm Hội sở, Chi nhánh, Phòng giao dịch và các Văn phòng đại diện.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1989

HDBank được thành lập năm 1989 với tên gọi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.

2011

Ngân hàng chính thức đổi tên gọi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh như hiện nay.

2013

HDBank mua lại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tài chính tiêu dùng Societe Generale Viet Finance (SGVF), công ty con 100% vốn của tập đoàn Societe Generale (Cộng hòa Pháp). Sau khi được HDBank mua lại, SGVF được đổi tên thành HDFinance. Cũng trong năm 2013, Ngân hàng thực hiện sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á.

2015

HDBank chuyển nhượng 49% vốn tại HDFinance cho đối tác Credit Saison (Nhật Bản) và Công ty được đổi tên thành HD SAISON.

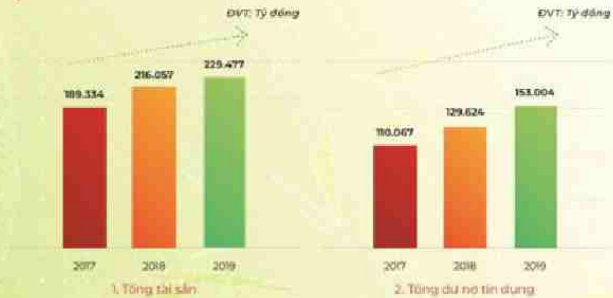
2016

HDBank được cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng tín nhiệm lần đầu ở mức B2.

2018

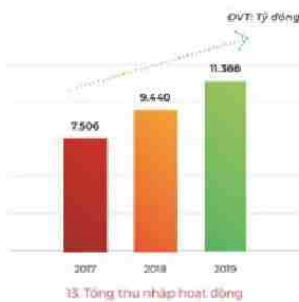
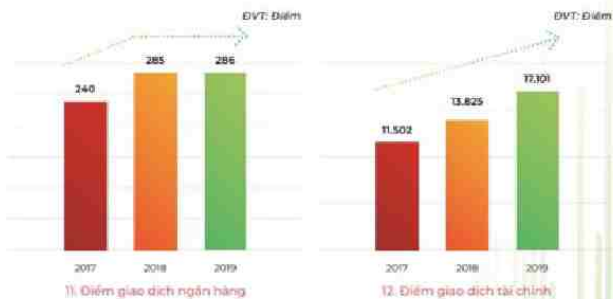
Moody's đã nâng bậc xếp hạng tín nhiệm của HDBank lên B1. Cũng trong năm 2018, Ngân hàng đã chính thức đưa cổ phiếu lên giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi hoàn tất IPO cuối năm 2017.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG QUA CÁC NĂM





(*) Hệ số CAR năm 2019 tính theo chuẩn Basel II



10 Báo cáo thường niên

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 02 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-CP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06 tháng 06 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện đầy đủ các giao dịch của một ngân hàng thương mại theo quy định Pháp luật hiện hành, trong đó bao gồm: huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trả phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

HDBank có 01 Hội sở chính tại Thành Phố Hồ Chí Minh, 01 Văn phòng đại diện tại Hà Nội, 01 Văn phòng đại diện tại Myanmar và 283 Chi nhánh, Phòng giao dịch trải rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

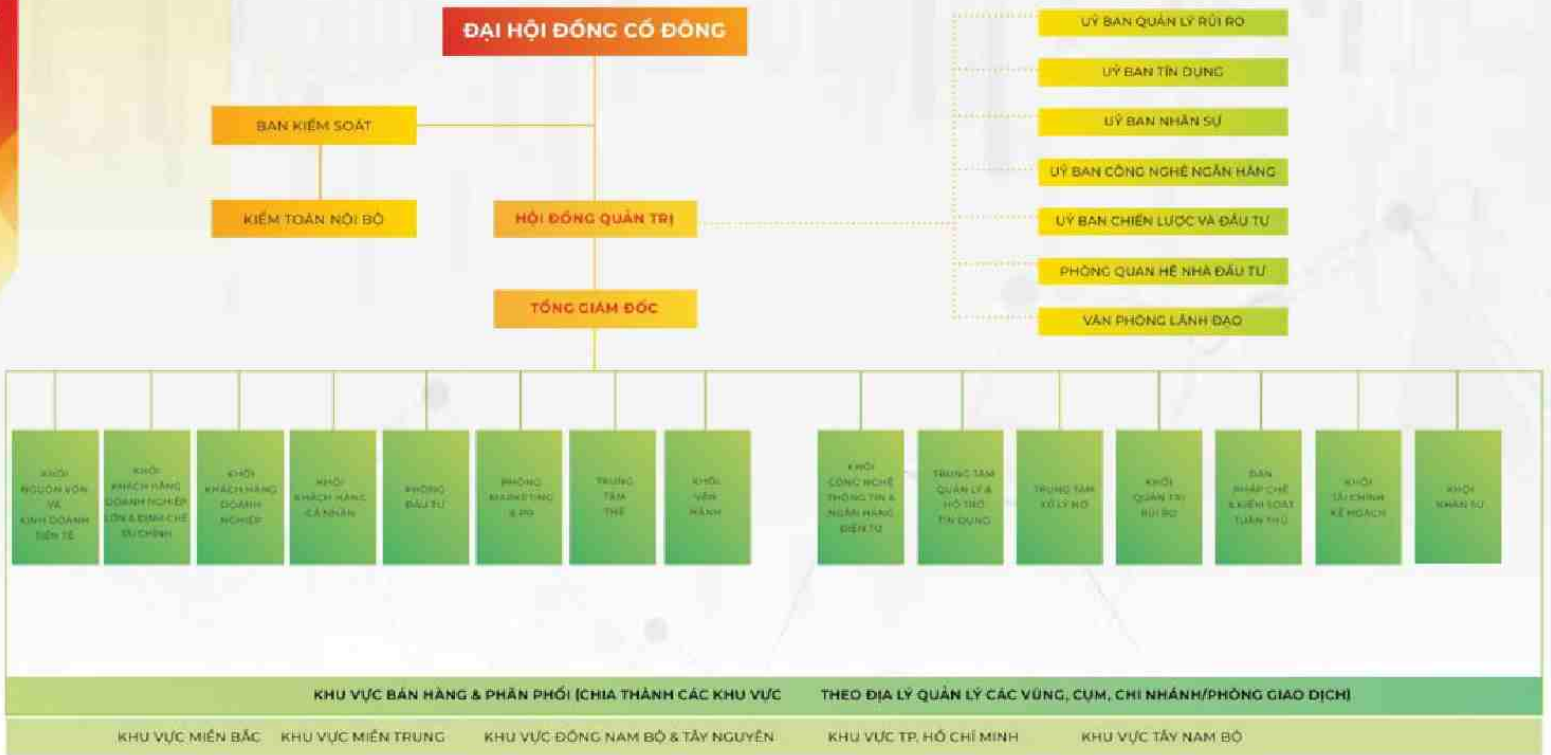
Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh/thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh thành phố trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân vay tiêu dùng đến các hộ gia đình sản xuất kinh doanh và các tổ chức, doanh nghiệp.

Vị trí địa lý	Số lượng Chi nhánh / Phòng giao dịch
Thành phố Hồ Chí Minh	61 (Bao gồm Hội sở chính)
Hà Nội	57 (Bao gồm Văn phòng đại diện miền Bắc)
Miền Bắc	32
Miền Trung	35
Đông Nam Bộ - Tây Nguyên	65
Tây Nam Bộ	35
Myanmar	01 Văn phòng đại diện

Báo cáo thường niên 11

5.

**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU
BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA HDBANK**



MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Tổng quan kinh tế thế giới 2019

Kinh tế thế giới bắt đầu chu kỳ suy giảm. Các tác động từ căng thẳng thương mại Mỹ-Trung ngày một sâu sắc hơn. Thuế quan áp lực hàng hóa xuất khẩu giữa Mỹ và Trung Quốc đã tăng mạnh khiến giá thành sản phẩm tăng, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của các nhà sản xuất. Ngành công nghiệp sản xuất của các quốc gia có độ mở của nền kinh tế lớn như Đức, Nhật, Hàn Quốc bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Sản xuất tại các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, EU và Nhật Bản đều đang ở mức yếu nhất kể từ năm 2012. Căng thẳng thương mại khiến rủi ro suy thoái kinh tế tăng cao, các Ngân hàng Trung ương đồng loạt áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng và tung các gói QE để kích thích nền kinh tế.

Kinh tế Mỹ đang cho thấy những dấu hiệu của giai đoạn cuối chu kỳ kinh tế bao gồm chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng, đường cong lợi suất đảo ngược và lợi nhuận doanh nghiệp suy giảm. Nền kinh tế Trung Quốc đang trong xu hướng giảm dài hạn do các vấn đề về cấu trúc nền kinh tế như nợ gia tăng, bong bóng tài sản và lực lượng lao động đang già đi. Căng thẳng thương mại và thuế quan làm tăng chi phí sản xuất, chi phí máy móc thiết bị, khiến các doanh nghiệp tại Trung Quốc thận trọng hơn trong kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất. Kinh tế khu vực EU vẫn đang gặp khó khăn khi môi trường sản xuất suy yếu, tăng trưởng kinh tế chậm lại. Lâm phát vẫn tiếp tục thấp cho thấy sức cầu khá yếu.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Tổng quan kinh tế Việt Nam 2019

Tăng trưởng kinh tế

GDP năm 2019 tăng trưởng 7,02% vượt mục tiêu Quốc Hội đề ra (6,6 - 6,8%). Kinh tế Việt Nam duy trì xung lực tăng trưởng mạnh mẽ sau khi tăng trưởng trên 7% năm thứ hai liên tiếp.

Tăng trưởng khởi sắc 6 tháng cuối năm 2019 được xem là điểm nhấn tích cực trong bối cảnh tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu do tác động tiêu cực của căng thẳng thương mại Mỹ - Trung và bất ổn địa chính trị, đi kèm với dòng chảy thương mại và đầu tư suy yếu. Trong bối cảnh đó, Việt Nam là điểm sáng khi tiếp tục nằm trong nhóm các quốc gia có mức tăng trưởng tốt nhất khu vực ASEAN và Châu Á - Thái Bình Dương. Kim ngạch xuất khẩu trong năm 2019 ước tính đạt 283,5 tỷ USD, tăng 8,1% so với 2018. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 60,7 tỷ USD, tăng 27,8% so với cùng kỳ 2018.

Nhập khẩu trong năm 2019 ước tính đạt 253,5 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm ngoái. Sản xuất công nghiệp năm 2019 ước tính tăng 8,9% so với năm ngoái, trong đó ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn tiếp tục là động lực tăng trưởng với mức tăng 11,3%, đóng góp 2,3% vào mức tăng chung.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ trong năm 2019 tăng 11,8%, mức cao nhất trong 4 năm. Trong năm 2019, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 11,8% so với cùng kỳ lên mức 4,94 triệu tỷ đồng. Doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm 76% tổng mức,

đạt 3,75 triệu tỷ đồng (+12,7%), trong khi doanh thu từ dịch vụ ăn uống đạt 587 nghìn tỷ (+9,8%), chiếm tỷ trọng 12% và doanh thu từ dịch vụ du lịch là 46 nghìn tỷ đồng (+12,1%).

Đầu tư

Vốn FDI đăng ký trong năm 2019 tăng 7,1% yoy lên mức 38 tỷ USD, vốn FDI giải ngân đạt 20,4 tỷ USD (+6,7% yoy). Số lượng dự án cấp mới tăng 27,5%, với 3.883 dự án và tổng số vốn đăng ký là 16,75 tỷ USD. Trong đó, ngành công nghiệp sản xuất chế biến chế tạo thu hút lượng vốn FDI lớn nhất với 24,6 tỷ USD, tương đương với 69% tổng số vốn FDI đăng ký. Xu hướng dòng vốn đầu tư vào Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng tích cực. Các hiệp định FTA được ký kết giúp cải thiện môi trường kinh doanh, cơ chế chính sách tạo điều kiện thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Hoạt động ngành ngân hàng

Ngân hàng Nhà nước đã điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để điều tiết tiền tệ, ổn định thị trường và kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước triển khai quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các Tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn hoạt động của các Tổ chức tín dụng. Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các Tổ chức Tín dụng triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng đặc thù phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng trên nền tảng công nghệ số.

Cơ hội

Tiểu dụng trong nước vẫn duy trì đà tăng vững chắc

Tăng trưởng kinh tế cao thúc đẩy tạo việc làm và tăng thu nhập người dân với thu nhập bình quân đầu người tăng gấp đôi trong 10 năm qua, qua đó thúc đẩy niềm tin tiêu dùng tích cực. Hạ tầng bán lẻ hiện đại, như hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích và thương mại điện tử tăng trưởng nhanh chóng. Ngành du lịch bùng nổ với lượng khách quốc tế duy trì đã tăng trưởng 2 chữ số (>10%), thúc đẩy ngành du lịch.

FDI cao thúc đẩy tăng trưởng sản xuất và chế biến

Cảng thẳng thường mai tiếp tục leo thang thúc đẩy quá trình dịch chuyển một phần các cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam. PMI kết thúc năm 2019 đạt 50,8 điểm, cho thấy sức khỏe lĩnh vực sản xuất của Việt Nam vẫn trong trạng thái tích cực và số lượng đơn đặt hàng mới vẫn tăng liên tiếp.

Tăng trưởng xuất khẩu

Thị trường Mỹ trở thành động lực tăng trưởng chính. Bên cạnh đó, ngày 12 tháng 02 năm 2020, Nghị viện châu Âu đã bỏ phiếu phê chuẩn Hiệp định EVFTA, khi có hiệu lực sẽ xóa bỏ 99% các mức thuế quan giữa Việt Nam và EU, là một trong các nhân tố thu hút dòng vốn đầu tư sản xuất xuất khẩu khi EU là một trong 3 đối tác thương mại và nhà đầu tư lớn nhất của Việt Nam. Tính đến nay, hàng hóa của Việt Nam đã có mặt tại trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó nhiều thị trường có yêu cầu quy chuẩn, chất lượng cao như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc... Chỉ tiêu xuất khẩu trong năm 2020 phải chạm mốc 300 tỷ USD.

Việt Nam duy trì nền kinh tế lãnh mạnh

Lạm phát bình quân năm 2020 được dự phóng tăng trong khoảng 3,5% nhờ giá hàng hóa cơ bản duy trì ổn định trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu ở mức thấp cùng với chính sách tiền tệ nới lỏng ở mức vừa phải. Tỷ giá VND/USD gần như không thay đổi trong năm 2019. Thị trường RFX ổn định tiếp tục được hỗ trợ bởi mức thịnh dư thương mại cao, nguồn cung ngoại tệ tiếp tục dồi dào nhờ nguồn vốn FDI, FII và kiều hối mạnh.

Dự báo tăng trưởng tín dụng - Huy động

Các tỷ lệ an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng sẽ có xu hướng thất chặt theo lộ trình để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Tăng trưởng tín dụng của các Tổ chức Tín dụng phụ thuộc vào chất lượng tài sản và mức độ đáp ứng các yêu cầu về an toàn hoạt động. Những ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước công nhận đáp ứng chuẩn Basel II theo TT 41/2016 sẽ tiếp tục được ưu tiên trong việc cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng. Với các ngân hàng còn lại, do vốn tự có chưa đủ lớn để đáp ứng nhu cầu tăng của tín dụng, nhu cầu tăng vốn là cấp thiết để đáp ứng Basel II và các tỷ lệ an toàn khác. Theo đó, tín dụng sẽ tập trung phần lớn vào các Tổ chức Tín dụng có chất lượng tài sản tốt, và tín dụng sẽ kém khả quan đối với các Tổ chức Tín dụng chưa xử lý xong nợ tồn đọng. Quy định về tỷ lệ LDR và tỷ lệ vốn ngân hàng cho vay trung dài hạn có thể tác động tới huy động vốn của các ngân hàng trong năm 2020. Tỷ lệ LDR tối đa đã được Ngân hàng Nhà nước đưa về một mức quy định chung 85% cho cả ngành ngân hàng, mặt khác, tỷ lệ vốn ngân hàng cho vay trung dài hạn tối đa sẽ giảm từ 40% về 37% vào 01/01/2020. Điều này đòi hỏi các Ngân hàng Thương mại đang có những tỷ lệ an toàn sát mức quy định thực hiện phương án điều chỉnh thích hợp về nguồn vốn huy động.

Thách thức

10 rủi ro địa chính trị trong năm 2020

Theo Morgan Stanley Wealth Management, 10 rủi ro địa chính trị trong năm 2020 bao gồm:

- "Cơn bão hoàn hảo" khiến các vị trí lãnh đạo của nhiều nền kinh tế lớn bị xáo trộn;
- Sự nổi lên của những khối thương mại cạnh tranh với nhau khốc liệt;
- "Củ hạ cánh" của Trung Quốc cả về kinh tế và chính trị;
- Những bất ổn xung quanh bầu cử Mỹ;
- Gợi kích thích kinh tế ở châu Âu được đưa ra muộn màng và đồng euro bị bán tháo;
- Chủ nghĩa dân túy, tình trạng chênh lệch giàu nghèo và lợi ích của cổ đông;
- Thị trường xáo trộn vì hiện tượng "Nhật Bản hóa" (bãi suất âm lây lan toàn cầu);
- Nguy cơ chiến tranh AI và AI và chiến tranh mạng;
- "Quả bóng" Iran bị bóp nghẹt;
- Công nghệ chỉnh sửa gene di chuyển hướng.

Những rủi ro lớn nhất đối với kinh tế vĩ mô

Những rủi ro bao gồm:

- Trung Quốc hoặc các Ngân hàng Trung ương lớn khác trên thế giới đảo ngược chính sách tiền tệ hiện tại có thể dẫn đến dòng vốn đầu tư vào Việt Nam biến động mạnh.
- Mỹ áp dụng các biện pháp trừng phạt lên Việt Nam: Việt Nam là quốc gia nằm trong Top quốc gia Mỹ có thâm hụt thương mại lớn và liên tục có xu hướng tăng. Việt Nam sẽ chịu nhiều ảnh hưởng trong trường hợp Mỹ gia tăng sức ép lên nền kinh tế Việt Nam thông qua một số động thái như: mở rộng danh mục hàng hóa Việt Nam bị điều tra về bán phá giá (thực chất là hàng hóa Trung Quốc thông qua Việt Nam để xuất khẩu sang Mỹ), tiến hành điều tra Việt Nam về thao túng tiền tệ.
- Giá dầu thô, giá vàng có những diễn biến khó lường ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của nền kinh tế.
- Các thông tin liên quan đến hoạt động xếp loại tín nhiệm và nâng hạng thị trường của Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể chậm lại hơn nữa

Theo Reuters, kinh tế toàn cầu năm 2020 sẽ tiếp tục giảm tốc sâu hơn thay vì một sự phục hồi đồng loạt, ngay cả khi các Ngân hàng Trung ương đồng loạt triển khai các giải pháp nới lỏng tiền tệ. Dự báo tăng trưởng kinh tế đối với các nước mới nổi cũng bị hạ thấp bất chấp các dự báo các quốc gia này sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Kinh tế Việt Nam vẫn đang chịu 1 số thách thức lớn như:

- Nhu cầu toàn cầu suy yếu làm thu hẹp tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu.
- Nông nghiệp duy trì đà tăng trưởng thấp do tác động bởi biến đổi khí hậu và dịch tả lợn châu Phi.
- Giải ngân vốn đầu tư công thấp tại diện.
- Chính sách bảo hộ thương mại lan rộng dẫn đến rủi ro bị trả đũa thương mại.
- Diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng rất lớn tới tổng thể cả nền kinh tế, đảo lộn xã hội, và có nguy cơ đe dọa đến triển vọng kinh tế toàn cầu. Sự bùng phát virus corona dẫn đến thiếu nguồn cung do việc sử dụng thiết bị gia tăng trên toàn cầu để chống dịch, mua tích trữ và hoạt động nhà máy và hậu cần gián đoạn do dịch. Do thiếu nguồn cung và tâm lý hoảng loạn nên nhiều nơi trên thế giới chứng kiến các kệ hàng chứa nhu yếu phẩm như thực phẩm, giấy vệ sinh và thiết bị y tế... trống trơn. Vì Trung Quốc đại lục là một nền kinh tế lớn và là trung tâm sản xuất của thế giới, sự bùng phát virus đã được coi là một mối đe dọa gây bất ổn lớn cho nền kinh tế toàn cầu. Một ước tính Covid-19 tác động hơn 300 tỷ đô-la cho chuỗi cung ứng của thế giới có thể kéo dài tới hai năm. Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa "tranh giành" thị phần do nhu cầu thấp hơn từ Trung Quốc khiến giá dầu giảm mạnh. Thị trường chứng khoán toàn cầu liên tục chìm trong sắc đỏ do sự gia tăng đáng kể số lượng người nhiễm Covid-19 bên ngoài Trung Quốc đại lục. Tác động của Covid-19 đến giáo dục được xem là khủng khiếp khi hàng trăm triệu trẻ em và thanh thiếu niên không được đến trường vì chính phủ đóng cửa trường học để ngăn ngừa sự lây lan của virus. Sự gián đoạn học tập ảnh hưởng đến mọi thành viên của cộng đồng, đặc biệt là trẻ em và gia đình có hoàn cảnh khó khăn; học tập bị gián đoạn, chế độ dinh dưỡng bị ảnh hưởng, vấn đề chăm sóc trẻ em và hậu quả kinh tế đối với các gia đình không thể đi làm trong mùa dịch. Một tác động rất lớn nữa của Covid-19 là tâm lý sợ hãi, nghi ngờ, thù địch, bài ngoại và phân biệt chủng tộc xuất hiện nhiều quốc gia.



QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA HDBANK

Hệ thống quản lý rủi ro

Hoạt động quản lý rủi ro năm 2019

Năm 2019, HDBank đã đánh dấu sự hoàn thiện các hệ thống kiểm soát nội bộ (Internal Control System) – trong đó có công tác quản lý rủi ro, thông qua việc trở thành 1 trong 10 ngân hàng đầu tiên đã được Ngân hàng Nhà nước phê chuẩn triển khai, áp dụng Basel tiêu chuẩn – phù hợp với Thông tư 41 và Thông tư 13.

Chính vì vậy, các tỷ lệ an toàn hoạt động của HDBank luôn nằm trong giới hạn cho phép của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, HDBank thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm hoàn thiện kiến thức về quản lý rủi ro, cập nhật quy định mới và nâng cao ý thức quản lý rủi ro từ cấp quản lý đến nhân viên thông qua các chương trình đào tạo.

Bên cạnh đó, HDBank cũng tiếp tục nâng cao hơn nữa hệ thống kiểm soát nội bộ nêu trên, thông qua việc triển khai Basel Roadmap (bộ trình đạt Basel nâng cao - Advanced), với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, cam kết lợi ích cao nhất cho khách hàng.

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro

HDBank tổ chức triển khai quản lý rủi ro theo mô hình 3S tuyên bố về theo Thông tư 13, bao gồm: Thực hiện và kiểm soát giao dịch tại các đơn vị kinh doanh; Xây dựng và triển khai hệ thống quy định/kiểm soát của các Phòng ban Hội sở và Kiểm toán nội bộ.

Cơ cấu quản trị rủi ro của HDBank được chia làm ba cấp:

Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng Quản trị

Quản lý rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc

Quản lý rủi ro thuộc các Chi nhánh, cụ thể như sau:

- Hội đồng Quản trị giám sát về quản lý rủi ro với sự tham mưu của Ủy ban Quản lý Rủi ro.
- Tổng Giám đốc triển khai và giám sát quản lý rủi ro, với sự tham mưu của các đơn vị sau:
 - + Các Hội Đồng tín dụng do Tổng Giám đốc thành lập;
 - + Các Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng Quản lý vốn do Tổng Giám đốc thành lập;

+ Một số phòng ban Hội sở, bao gồm: Phòng Quản lý rủi ro (thuộc Khối Quản lý rủi ro); Bộ phận Quản lý tài sản nợ & có (ALM); Phòng Kiểm soát tuân thủ; Phòng Pháp chế; Phòng Kế toán tài chính;

+ Các Trung tâm Hội sở, bao gồm: Trung tâm Tài chính định tín dụng cá nhân/doanh nghiệp; Trung tâm Thẩm định giá tài sản bảo đảm; Trung tâm Giải ngân; Trung tâm Pháp lý chứng từ tín dụng; Trung tâm Xử lý nợ quá hạn...

+ Quản lý rủi ro thuộc các Chi nhánh/Phòng giao dịch: Bao gồm Ban tín dụng Chi nhánh; Phòng Quản lý và hỗ trợ tín dụng và các kiểm soát viên tại Chi nhánh/Phòng giao dịch.

Hệ thống quy định, giới hạn, chỉ số an toàn

Hệ thống các quy định, giới hạn và chỉ số an toàn tiếp tục được Ngân hàng xây dựng và hoàn thiện. Hệ thống các quy định được tổ chức theo ba cấp: Quy chế (do Hội đồng Quản trị ban hành để ra các định hướng, chính sách chung); Quy định và Hướng dẫn/Sản phẩm (do Tổng Giám đốc ban hành, triển khai phù hợp trong từng thời kỳ), bao gồm tất cả các nghiệp vụ, nhằm chuẩn hóa hoạt động và đảm bảo an toàn cho Ngân hàng.

Từ năm 2013, Ngân hàng đã triển khai thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và tiêu chuẩn SS (Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng - Sẵn sàng).

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng và điều chỉnh thường xuyên hệ thống các giới hạn liên quan đến các nghiệp vụ tín dụng, kinh doanh tiền tệ, đầu tư và các chỉ số an toàn hoạt động (KRI) liên quan về thanh khoản, tính cân đối của tài sản Nợ và Có..., phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và với đặc thù hoạt động của HDBank.

Hệ thống kiểm tra, giám sát

Hệ thống giám sát, kiểm soát, kiểm tra được HDBank đặc biệt chú trọng và làm cơ sở để phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn rủi ro. Hệ thống này áp dụng đồng thời nhiều phương pháp: Tự động thông qua hệ thống Công nghệ thông tin, định kỳ (hàng ngày, hàng tháng...), thực hiện bởi các Phòng ban kiểm soát chuyên trách hoặc ngay trong từng giao dịch phát sinh, trong đó HDBank đã triển khai công tác giám sát các giao dịch đáng ngờ nếu có phát sinh tại các đơn vị.

Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra thực tế với số liệu, phân tích, cảnh báo, đề xuất cụ thể được gửi kịp thời đến Ban Điều hành; Hội đồng Quản trị để có chỉ đạo xử lý phù hợp, kịp thời.

Các hoạt động quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro tín dụng

HDBank đã thiết lập hệ thống cấp tín dụng chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các đơn vị kinh doanh bao gồm đầy đủ các bộ phận ở tất cả các khâu: Ban hàng, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, thu nợ. Quy trình cấp tín dụng được áp dụng theo nguyên tắc độc lập ở các khâu để xuất - thẩm định/đánh giá - phê duyệt, trong đó xác định rõ từng bước và trách nhiệm của từng đối tượng tham gia.

HDBank cũng đã xây dựng các quy định khá chặt chẽ về cấp tín dụng, tài sản bảo đảm, xây dựng các giới hạn về cơ cấu cho vay theo ngành nghề, mục đích, loại tài sản bảo đảm..., nhằm hạn chế các rủi ro tập trung.

Bên cạnh đó, HDBank đã xây dựng thành công (với sự tư vấn của Công ty Kiểm toán hàng đầu) hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và đã trình Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính thức kể từ năm 2011, làm cơ sở quan trọng trong quá trình xem xét cấp tín dụng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro. HDBank cũng đã thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng này.

HDBank đang triển khai, hoàn thiện nhiều hệ thống, công cụ nhằm cải tiến cũng như kiểm soát tốt hơn, trong đó có hệ thống quản lý khởi tạo khoản vay (Loan Origination), hệ thống quản lý giới hạn (Limit Control), hệ thống phê duyệt tập trung tại các Trung tâm phê duyệt, hệ thống giải ngân & thực hiện thủ tục hợp đồng, công chứng tập trung tại các Trung tâm quản lý hỗ trợ tín dụng...

Công tác xử lý nợ quá hạn tiếp tục được chú trọng thông qua hoạt động thường xuyên của Ủy Ban chỉ đạo xử lý nợ quá hạn với tham gia của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và phối hợp của các khu vực, áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả, phù hợp với chính sách Nhà nước.

Trong năm 2019, HDBank đã triển khai rất tốt công tác xử lý nợ xấu phù hợp với chính sách chung của Ngân hàng Nhà nước, và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp là 0,98%.

Quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường

HDBank tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất (với sự tư vấn của Công ty kiểm toán hàng đầu) phù hợp với chuẩn mực quốc tế như phân tích chênh lệch kỳ hạn, chênh lệch kỳ thay đổi lãi suất, độ nhạy biến động NII, phân tích kích bản, thủ tục chịu đựng... và các chỉ số theo Basel III như chỉ số đảm bảo thanh khoản (LCR), chỉ số đảm bảo nguồn vốn (NSFR).

Bộ phận Quản lý Rủi ro Thanh khoản và Thị trường đã thực hiện giám sát, cảnh báo thường xuyên các giới hạn trong kinh doanh ngoại hối, đầu tư chứng khoán nợ và vốn. Các chỉ số an toàn thanh khoản, an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (Thông Tư 36) luôn được đảm bảo.

Quản lý rủi ro hoạt động

Chức năng Quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện thông qua chính sách quản lý rủi ro hoạt động và từng bước triển khai giám sát các chỉ số rủi ro liên quan đến nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin...

HDBank đã từng bước triển khai hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất (LDC- Loss Data Collection), hoạt động tự đánh giá chốt kiểm soát & rủi ro (RCSA), Kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục (BCP) phù hợp với thông lệ quốc tế.

Quản lý rủi ro tập trung

HDBank tiếp tục hoàn thiện quản lý rủi ro tập trung theo 02 nghiệp vụ chính (phù hợp với Thông tư 13): tập trung trong cấp tín dụng và tập trung trong tư doanh ngoại hối, trái phiếu, thông qua việc xây dựng, triển khai hệ thống hạn mức rủi ro khá chặt chẽ như hạn mức cho vay tối đa 01 khách hàng, 01 nhóm khách hàng liên quan, tỷ trọng tối đa cho vay 01 ngành nghề/linh vực, tỷ trọng tự doanh một số sản phẩm ngoại hối, trái phiếu...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn phát triển mới, HDBank đặt mục tiêu và tầm nhìn chiến lược trở thành ngân hàng hàng đầu về bán lẻ, SME và tiêu dùng, là một trong những tập đoàn tài chính ngân hàng lớn của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, đóng góp cho sự phát triển, hồi nhập của thị trường tài chính toàn cầu.

Đi đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển ngân hàng số, fintech... tiếp tục cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội và ngày càng tiện lợi, văn minh, trở thành ngân hàng của người dân - Ngân hàng hạnh phúc.

Chủ trương phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng, đồng thời, hoàn thiện và thúc đẩy khai thác hiệu quả hệ sinh thái tài chính - hàng không - bán lẻ - tiêu dùng - năng lượng - viễn thông - bất động sản, hướng đến mục tiêu phục vụ khoảng hơn 40 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong nền kinh tế, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên.

Kiên định với chiến lược phát triển bền vững, tiếp tục phát triển mạnh ngân hàng Xanh, góp phần vào tăng trưởng kinh tế Xanh, vì sự phát triển của cộng đồng, môi trường, tương lai bền vững của Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN – TIẾP TỤC HÀNH TRÌNH CHINH PHỤC CHÂN TRỜI MỚI

Trong năm 2019, HDBank cơ bản hoàn thành những mục tiêu lớn của chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021.

Ngân hàng tiếp tục đạt kết quả kinh doanh tăng trưởng đột phá với lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay. Kết quả này có sự đóng góp tích cực từ các mảng ngân hàng bán lẻ, SME và tài chính tiêu dùng. Hiệu quả hoạt động ngày càng được nâng cao, chất lượng tài sản luôn duy trì ở mức tốt nhất thị trường.

Tháng 10/2019, Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trao quyết định áp dụng đạt chuẩn Basel II cho HDBank. Ngân hàng đã đáp ứng tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro cao do Ngân hàng Nhà nước đưa ra nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững và minh bạch hơn.

Tiếp tục đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số sang mô hình Ngân hàng số, đầu tư công nghệ hiện đại và đồng bộ thực hiện cùng định hướng phát triển Ngân hàng Xanh trong mọi hoạt động của ngân hàng từ công tác quản trị, văn hành và cung cấp các sản phẩm dịch vụ.

Năm 2019 cũng đánh dấu chặng đường 30 năm hình thành và phát triển của HDBank với vị trí là một trong những ngân hàng niêm yết hàng đầu tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong thời gian tới, HDBank sẽ tiếp tục kiên định triển khai các kế hoạch hoạt động nhằm hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược đã đề ra.

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG BÁN LẺ, SME VÀ TIÊU DÙNG

Từ năm 2017 đến năm 2019, HDBank đã gặt hái những thành công đáng tự hào với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, đồng thời duy trì chất lượng tài sản tốt nhất toàn ngành, tạo đà để thực hiện đạt và vượt các mục tiêu đến năm 2021.

HDBank dự kiến tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao thông qua khai thác hệ sinh thái khách hàng với hơn 40 triệu khách hàng của HDBank, HD SAISON, Vietjet Air, Phú Long và các đối tác như Vinamilk, Saigon Coop...

Đối với mảng tài chính tiêu dùng, HD SAISON tiếp tục chiến lược kinh doanh hiệu quả với các sản phẩm chủ lực tập trung vào cho vay mua hàng tiêu dùng (POS loan) và cho vay khách hàng hiện hữu đã có lịch sử thanh toán tốt. Cùng với đó, tiếp tục phát triển các sản phẩm cho vay mua hàng hóa trong thương mại điện tử. Song song với việc ứng dụng công nghệ để giảm chi phí hoạt động và gia tăng sự hài lòng của khách hàng.

Không ngừng gia tăng thị phần thông qua việc phát triển hệ thống mạng lưới và cơ sở khách hàng

Tính đến 31/12/2019, HDBank có 286 điểm giao dịch ngân hàng và 17.101 điểm giao dịch tài chính tiêu dùng phủ khắp 63 tỉnh thành, khẳng định vị trí số 1 về hệ thống mạng lưới phân phối. Hầu hết các điểm giao dịch được mở mới tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa - nơi người dân chưa có nhiều điều kiện tiếp cận các sản phẩm tài chính, ngân hàng hiện đại.

HDBank sẽ tiếp tục gia tăng thị phần thông qua phát triển mạng lưới và mở rộng cơ sở khách hàng, tăng cường khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng hiện hữu, thu hút khách hàng mới. Mục tiêu đến năm 2021, HDBank sẽ có 400 chi nhánh và phòng giao dịch, phục vụ khoảng 15 triệu khách hàng, nếu tính cả trong hệ sinh thái cùng HD SAISON, hàng không, bán lẻ, bất động sản thì khoảng 40 triệu khách hàng.

Mở rộng cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng

Năm 2019, với định hướng Ngân hàng Xanh, HDBank đã triển khai các gói tín dụng xanh dành cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, các ngành kinh tế có ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ngân hàng đã tài trợ triển khai hơn 17 dự án điện mặt trời áp mái với tổng dự nợ đạt 7.392 tỷ đồng. Các chương trình này đã đem lại hiệu quả tài chính và cả ý nghĩa lớn về mặt kinh tế, xã hội, khẳng định cam kết của HDBank trong đồng hành cùng sự phát triển bền vững của đất nước.

Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng có tính tiện ích cao, phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng, HDBank hướng đến mỗi khách hàng sẽ sử dụng nhiều hơn các sản phẩm dịch vụ theo gói "n trong 1", nhờ đó, tăng phí dịch vụ, tăng tỷ lệ CASA và tăng doanh thu.

Ngân hàng cũng tăng cường ứng dụng công nghệ vào phát triển và cung cấp các sản phẩm dịch vụ. Cung cấp dịch vụ kết nối mở (OpenAPI) để khai thác khách hàng trong hệ sinh thái phối hợp với Vietjet Air triển khai ứng dụng Vietjet SkyClub phục vụ cho khách hàng thanh toán vé máy bay.

Tới đây, HD SAISON sẽ triển khai thêm sản phẩm thẻ tín dụng, với sự hỗ trợ về kỹ thuật và chuyên môn của cổ đông chiến lược Credit Saison - nhà phát hành Thẻ tín dụng hàng đầu ở Nhật Bản; sản phẩm cho vay mua vé máy bay với Vietjet Air...

Nâng cao năng lực vốn

Trong nhiều năm qua, HDBank được chỉ định làm ngân hàng phục vụ, cơ quan cho vay lại nhiều dự án sử dụng vốn ODA do Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Tài thiết Đức (KfW), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ; khẳng định năng lực tài chính và uy tín của HDBank.

Ngân hàng tiếp tục nâng cao năng lực vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và đảm bảo các chỉ số an toàn vốn ở mức tốt nhất thị trường.

HDBank dự kiến hoàn tất sáp nhập một ngân hàng khác đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về nguyên tắc; lựa chọn nhà đầu tư nước ngoài phù hợp để phát hành trái phiếu/trái phiếu chuyển đổi nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Đồng thời, tiếp tục tìm kiếm và tham gia các chương trình cung cấp vốn vay ưu đãi quốc tế, vốn vay chi phí thấp từ các tổ chức như World Bank, ADB, IFC... nhằm đa dạng hóa nguồn vốn giá rẻ, giảm chi phí huy động và hỗ trợ hiệu quả hoạt động của khách hàng.

Tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế tốt nhất

HDBank quan tâm đến quản trị rủi ro và luôn định hướng phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu Pháp luật và phù hợp với thông lệ tốt nhất của quốc tế trong mọi hoạt động. Theo đó, HDBank đã sớm đầu tư vào nhân lực, công nghệ và năng lực tổ chức. Kết quả của những nỗ lực này được ghi nhận với công nhận ngân hàng đạt chuẩn Basel II từ ngày 01/10/2019.

Cùng với quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, riêng trong năm 2019, HDBank đã rà soát, sửa đổi, ban hành mới 47 quy định nội bộ đáp ứng theo Thông tư 41 và Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước.

HDBank cũng tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trên khung cơ bản, nâng cao năng lực phòng ngừa tốt hơn mọi loại rủi ro, giảm thiểu tổn thất, đồng thời quản lý hiệu quả nguồn vốn hoạt động, hiệu quả kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận.

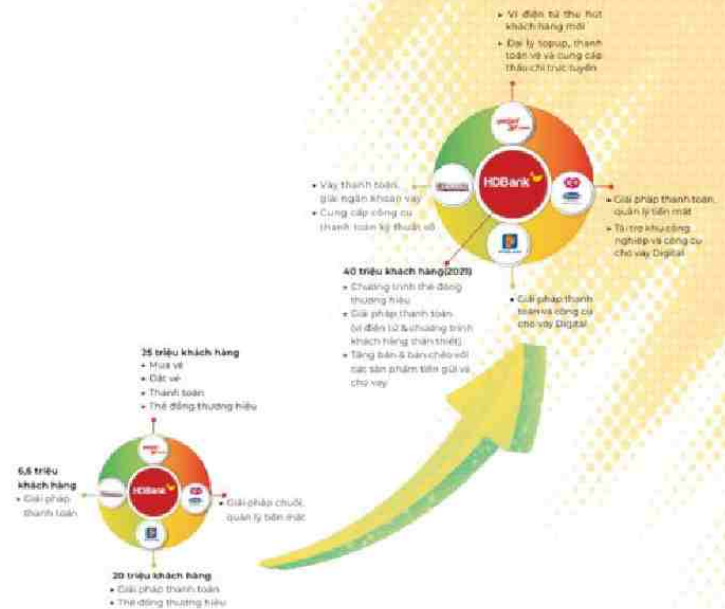


CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DIGITAL BANKING

Công cuộc số hóa đang đổi mới cả thế giới. Chúng ta đang chứng kiến sự chuyển đổi số, là chính phủ số, ngân hàng số, quốc gia số, nền kinh tế số, công dân số. Thế giới đang thay đổi rất nhanh, nhu cầu và thị trường luôn đòi hỏi sự đổi mới. HDBank đã khởi đầu cho xu hướng tiên phong công nghệ số. Đây không chỉ là dấu mốc của sự bắt nhịp công cuộc đổi mới mà còn là sự kế thừa, tiếp nối thành tựu của HDBank trong 30 năm lịch sử.

Với thế mạnh có hệ sinh thái hàng đầu Việt Nam, HDBank có cơ hội thuận lợi để phát triển hệ sinh thái khách hàng. HDBank đang tập trung thực hiện kế hoạch khai thác hệ sinh thái đặc quyền gồm Vietjet Air, HD SAISON, Phú Long và các đối tác chiến lược khác.

Trong kỷ nguyên số hóa 4.0, HDBank đã cập nhật, đón đầu mọi xu hướng bao gồm chuyển đổi số, để trở thành một ngân hàng năng động, hiện đại, tích hợp mọi kênh số hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của một tổ chức tín dụng hàng đầu về bản lẻ, tài chính tiêu dùng và SMEs. HDBank đang "xanh" hóa mọi hoạt động bằng việc chăm lo ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ, đi trước, đón đầu công nghệ để mang đến những trải nghiệm hài lòng, tin cậy nhất trên toàn thị trường. HDBank tập trung triển khai các giải pháp phát triển từ lợi thế của hệ sinh thái sẵn có.



Ngân hàng điện tử

- Chuyển đổi không dùng tiền mặt (Internet Banking/Mobile Banking).
- Triển khai số hóa thủ tục giấy tờ.
- Nâng cao hiệu quả, lợi nhuận và cơ hội bán hàng.



Đổi mới công nghệ

- Triển khai QR-Pay, sinh trắc học, AI, Chatbot, e-KYC.
- Thực hiện RPA (quy trình tự động hoá robot).
- Nghiên cứu và triển khai công nghệ Blockchain, Open API.



Ngân hàng Số

- Hệ sinh thái dữ liệu lớn (Big Data).
- Kéo dài thời gian dịch vụ với điểm truy cập tiện lợi và dịch vụ 24/7.
- Hệ sinh thái thanh toán dựa trên nền tảng khách hàng thân thiết.
- Cho vay kỹ thuật số & tài trợ khi công nghiệp.

PHÁT TRIỂN "DI HDBANK"



HDBank sẽ tiếp tục nỗ lực phát triển và đầu tư vào nền tảng dữ liệu và các chương trình có liên quan như Chương trình khách hàng thân thiết, phát triển Super Apps để sử dụng cho tất cả các thành viên của Tập đoàn Sovico; công cụ tiếp thị điện tử và doanh nghiệp thông minh. Nền tảng Di HDBank sẽ:

- Hỗ trợ các sản phẩm, dịch vụ số và phân phối bảo hiểm qua Ngân hàng, các gói cho vay P2P và bán lẻ P2P;
- Cho phép tiếp thị và bán chéo các sản phẩm và dịch vụ giữa các thành viên trong hệ sinh thái đặc quyền;
- Cho phép người tiêu dùng có quyền truy cập liền mạch và thuận tiện vào tất cả các dịch vụ do HDBank và các thành viên của Tập đoàn Sovico cung cấp.

CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN SỐ

Hiện tại, khách hàng của HDBank mBanking đã có quyền truy cập vào mạng lưới thanh toán lớn trong nước để thanh toán các giá trị nhỏ hàng ngày. Trong năm 2020, các dịch vụ sẽ tiếp tục được tăng cường để tạo điều kiện thanh toán cho khách hàng bao gồm: liên kết với TrueMoney, hỗ trợ POS tại các cửa hàng xăng dầu trên toàn quốc và mở rộng hỗ trợ thưởng mại cho các công ty dịch vụ thanh toán quốc tế lớn. Việc mở rộng phạm vi thanh toán điện tử sẽ cho phép người tiêu dùng tăng nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, và cho phép HDBank gia tăng số lượng khách hàng.



CHUYỂN ĐỔI SỐ

Với chiến lược xây dựng ngân hàng số đa năng, hiện đại, bắt nhịp cùng những xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế, HDBank tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng số. Ngân hàng đã và đang triển khai nhiều chương trình cụ thể nhằm phát triển kênh giao dịch điện tử, nâng cao trải nghiệm cho người dùng cũng như thiết lập các kết nối mở nhằm hỗ trợ khai thác hệ sinh thái khách hàng. Bên cạnh đó, các chương trình số hóa hoạt động vận hành nhằm nâng cao năng suất và giảm chi phí hoạt động đã có những tiến triển đáng ghi nhận. Việc xây dựng đội ngũ nhân lực có tư duy số cũng được lưu ý đặc biệt nhằm chuẩn bị cho những bước đi mạnh mẽ hơn trong việc chuyển đổi Ngân hàng số trong giai đoạn 2020 - 2021.

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ VÀ SẢN PHẨM SỐ

HDBank đã tham gia thảo luận tích cực, liên tục với các đối tác chiến lược quan trọng để cùng phát triển các sản phẩm và dịch vụ công nghệ số nhằm mang lại lợi ích của số hóa cho các khách hàng.

Trong năm 2020, Ngân hàng sẽ tăng cường tập trung vào mảng này, đặc biệt là trong lĩnh vực tài trợ chuỗi cung ứng để cải thiện dòng tiền của khách hàng doanh nghiệp và đối tác kinh doanh, và giải pháp quản lý tiền mặt giúp khách hàng quản lý thu hộ (chủ yếu dưới dạng tiền mặt) và tài khoản phải trả. Chúng tôi tin rằng các sáng kiến chiến lược năm 2020 sẽ nâng cao vị thế HDBank trên thị trường.

Song song việc nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới, HDBank liên tục phát triển các chức năng tiện ích của các kênh giao dịch điện tử để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong hoạt động thanh toán điện tử. Ngân hàng đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi nhằm thu hút và hỗ trợ khách hàng dẫn chuyển đổi việc tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng từ kênh truyền thống sang kênh truyền thống số, kênh giao dịch điện tử, kênh giao dịch tự phục vụ. Đây là tiền đề quan trọng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số trong các năm tiếp theo.



3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2019

56

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2019

70

VỊ THẾ HDBANK TRÊN THỊ TRƯỜNG

79

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ
THÀNH VIÊN



HOÀ NHỊP ƯỚC MƠ
TƯƠNG LAI RỰC RỠ



TỔNG QUAN KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2019

TỔNG QUAN KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019 là năm thứ ba HDBank thực hiện chiến lược 05 năm (2017 – 2021), tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, giữ vững vị thế là một trong những ngân hàng dẫn đầu về bản lề và tiêu dùng, tạo nền tảng vững chắc trong những năm tiếp theo.



HDBank nằm trong Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2019

Lợi nhuận trước thuế năm 2019 của HDBank đạt 5.018 tỷ đồng, tăng 25,3% so với năm 2018. Đây là mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay của HDBank. Trong đó:

- Thu nhập lãi thuần đạt 9.747 tỷ đồng, tăng 27,5% so với năm 2018.
- Biên lãi thuần (NIM) tăng mạnh từ mức 4,2% cuối năm 2018 lên 4,8% và HDBank là một trong những ngân hàng có NIM tốt nhất trên thị trường.
- Thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh 42,8%, đạt 626 tỷ đồng.
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được kiểm soát ở mức thấp nhờ chất lượng tài sản thuộc nhóm tốt nhất toàn ngành.
- Hệ số chi phí hoạt động trên tổng thu nhập (CIR) tiếp tục được cải thiện, đạt 44,6%.

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) đạt 1,8% và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt 20,6%. HDBank thuộc Top ngân hàng dẫn đầu về tỷ suất sinh lời.

Tổng tài sản đạt 229.477 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu đạt 20.381 tỷ đồng, tăng 21,7% so với năm 2018.

Tổng dư nợ tín dụng đạt 153.004 tỷ đồng, tăng trưởng cao hơn mức bình quân của toàn ngành. Trong đó, dư nợ tín dụng của riêng HDBank đạt 140.422 tỷ đồng. Năm 2019, HDBank tiếp tục tập trung tăng trưởng tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, với rủi ro được kiểm soát tốt và hiệu quả cao như nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh, tài trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mảng tài chính tiêu dùng, một trong ba động lực tăng trưởng của Ngân hàng, bên cạnh các mảng bán lẻ và SME, cũng ghi nhận sự bứt phá với tăng trưởng dư nợ trên 18,0%.

Tổng vốn huy động đạt 203.869 tỷ đồng.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh tích cực, trong năm 2019, HDBank tiếp tục áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất về quản trị và là một trong những ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho áp dụng tiêu chuẩn Basel II trước thời hạn. Hệ số CAR theo Basel II của HDBank đạt 11,2%, cao hơn mức tối thiểu 8,0% theo quy định.

TÌNH HÌNH THỰC TẾ SO VỚI KẾ HOẠCH

Với sự định hướng đúng đắn của Hội đồng Quản trị cũng sự đồng lòng, quyết tâm của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, HDBank đã đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2019.

Tổng tài sản đạt 229.477 tỷ đồng, đạt 91,8% kế hoạch.

Tổng dư nợ của HDBank đạt 153.004 tỷ đồng, đạt 95,1% kế hoạch, tăng trưởng theo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng Ngân hàng Nhà nước cho phép nhằm hướng ứng chủ trương của Chính phủ về kiểm soát tăng trưởng tín dụng, giảm áp lực lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Tổng huy động đạt 203.669 tỷ đồng, đạt 90,9% kế hoạch, đảm bảo tốt thanh khoản và cân đối giữa nguồn vốn, sử dụng vốn theo định hướng tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.

Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,4%, thấp hơn mức 2,0% do kế hoạch đề ra. Trong đó, tỷ lệ nợ xấu nặng HDBank đạt 0,98%.

Lợi nhuận trước thuế đạt 5.018 tỷ đồng, đạt 98,9% kế hoạch.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2019, Ngân hàng không thực hiện đầu tư vào các dự án lớn nào ngoài trừ đầu tư tài chính vào các công ty con hiện hữu.

TÊN CÔNG TY CON	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý Nhà và Khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	56-3602376-446 ngày 13/01/2015	Quản lý Tài sản	100
Công ty tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON	56-0304990133 ngày 10/04/2015	Tài chính Ngân hàng	50

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC KHỐI NĂM 2019

Hoạt động Khối Khách hàng Cá nhân

Sản phẩm tín dụng

Kiến định chiến lược phát triển HDBank trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, năm 2019, HDBank tiếp tục ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ trong mảng bán lẻ và Khối Khách hàng Cá nhân.

HDBank đã không ngừng cải tiến sản phẩm, áp dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động tín dụng nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, đơn giản hóa thủ tục vay vốn. Đồng thời gia tăng việc quản lý hoạt động tín dụng, đảm bảo an toàn trong cho vay.

Trong năm 2019, tăng trưởng tín dụng của sản phẩm lãi cho khách hàng Cá nhân đạt gần 48% so với năm 2018. Thực hiện theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ, HDBank tiếp tục cho ra đời những sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với tình hình thị trường và quy định của Pháp luật để đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu của khách hàng.

— Cho vay nông nghiệp

Đây là một trong những sản phẩm chủ lực của HDBank, đạt mức tăng trưởng 56% so với năm trước. HDBank không ngừng cải tiến sản phẩm, chương trình hỗ trợ thúc đẩy phát triển nông nghiệp nhằm tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong việc tiếp cận vốn ngân hàng của các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực này. HDBank tiếp tục xây dựng mối quan hệ bền vững với các đối tác lớn nhằm hỗ trợ vốn đến từng cá nhân, hộ gia đình theo Chuỗi hợp tác nông nghiệp. Bên cạnh đó, HDBank vẫn tiếp tục gia tăng triển khai các hội thảo nông thôn xuyên suốt từ Bắc vào Nam nhằm tiếp cận và hỗ trợ các hộ nông dân mọi lúc mọi nơi trong các mùa vụ cao điểm của năm.

— Cho vay sản xuất kinh doanh

Với con số tăng trưởng ấn tượng trong năm 2019, sản phẩm cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khách hàng cá nhân luôn được cải tiến, áp dụng công nghệ vào quy trình cho vay nhằm xử lý nhanh chóng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể. Ngoài ra, với lợi thế liên kết chặt chẽ các đơn vị phân phối ngành hàng thực phẩm, thức uống, tiêu dùng với các tập đoàn lớn thuộc nhiều ngành nghề khác nhau tại Việt Nam như Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Coca-Cola Việt Nam, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam... HDBank đã hỗ trợ vốn đến từng cá nhân và hộ kinh doanh thông qua việc tài trợ chuỗi hợp tác trên.

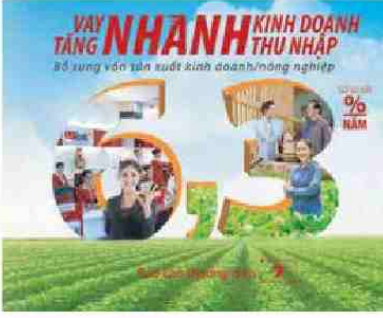
— Cho vay mua nhà ở

Năm 2019, dư nợ cho vay mua nhà tăng trưởng tốt. HDBank cải tiến các chính sách, chủ trương phù hợp với các cá nhân có nhu cầu mua nhà ở, tránh trường hợp đầu cơ, kinh doanh bất động sản trái phép gây ra rủi ro cho khách hàng. HDBank và nền kinh tế. Ngoài ra, HDBank liên kết với các đối tác lớn uy tín chuyên cung cấp các dự án chất lượng, phù hợp với nhu cầu của người dân.

— Cho vay tiêu dùng

Đáp ứng mọi nhu cầu đời sống hàng ngày của cá nhân như mua ô tô, du lịch, trị bệnh... HDBank luôn tìm cách đổi mới dịch vụ, tăng tính tiện ích của sản phẩm này để nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt Nam.

Ngoài các sản phẩm nêu trên, HDBank đồng thời cung cấp các dịch vụ tài chính khác cả trong và ngoài nước.



Sản phẩm huy động

Huy động

HDBank hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững thông qua chất lượng phục vụ và đa dạng hóa dịch vụ, mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng.

Năm 2019, HDBank thực hiện chiến lược tăng trưởng huy động vốn bền vững, chú trọng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, xây dựng chính sách ưu đãi bám sát vào nhu cầu khách hàng và đa dạng các sản phẩm tiết kiệm đáp ứng phân khúc khách hàng cũng như xu hướng thời đại, đặc biệt phát triển sản phẩm tiết kiệm trực tuyến. Nhờ đó, trong năm 2019, số lượng khách hàng tham gia gửi tiền qua các kênh trực tuyến tăng 40% so với năm 2018. Số lượng tài khoản thanh toán của khách hàng tăng 30%, số dư tăng 40% so với năm 2018. Kết quả tăng trưởng tài khoản thanh toán như vậy là hiệu quả của các chính sách phù hợp dành cho đối tác liên kết "Chỉ hoa hồng giới thiệu", dành cho khách hàng "Nhận chỉ lương - Trao ưu đãi".

Bên cạnh đó, khách hàng của Ngân hàng có nhiều sự lựa chọn với những sản phẩm tiết kiệm sinh lời cao như: tiết kiệm online, tiết kiệm linh hoạt cuối kỳ, định kỳ; sản phẩm tiết kiệm tích lũy (Gửi góp linh hoạt; Bảo ngân tương lai...). HDBank còn xây dựng các chính sách ưu đãi tăng trưởng bền vững "Gửi tiền nhỏ - Lợi ích to", chính sách dành cho khách hàng hiện hữu như "Trì ân vàng - Nhận lãi cao", chính sách ưu đãi áp dụng theo độ tuổi khách hàng "Bách niên - Phát tài" với độ tuổi càng cao được nhận ưu đãi càng lớn; ưu đãi nhân dịp sinh nhật/ ngày lễ dành cho khách hàng "Sinh nhật vàng - Ngân lợi ích", "Chương trình Phụ nữ Việt Nam 20-10". Đặc biệt chương trình tri ân dịp sinh nhật HDBank 30 năm "30 năm sinh nhật vàng" miễn

giảm phí cho khách hàng khi giao dịch.

Tất cả những chương trình ưu đãi của HDBank không chỉ nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh mà còn mang lại lợi ích cao nhất đến với các khách hàng gần gũi lâu dài, vừa nhằm chăm sóc khách hàng hiện hữu đồng thời thu hút khách hàng mới.

Dịch vụ ngân hàng

Năm 2019, HDBank đẩy mạnh thực hiện các dịch vụ kiểu hời dịch vụ thu hộ. Kết quả, phí dịch vụ tăng trưởng 30% so với năm 2018, trong đó dịch vụ thu hộ doanh số đạt 130%; phí thu dịch vụ vượt 50% so với chỉ tiêu năm 2018; dịch vụ kiểu hời doanh số tăng trưởng hơn 40%; thu nhập phí tăng 60% so với năm 2018. Được sự tin tưởng của khách hàng, các dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân của HDBank đáp ứng được mọi nhu cầu, thị hiếu, cả về quy cách phục vụ, chất lượng sản phẩm. Dịch vụ thanh toán được mở rộng với công nghệ ứng dụng thanh toán hiện đại, góp phần tăng doanh số phí dịch vụ ngân hàng tăng gần gấp hai lần so với năm trước.

Ngân hàng điện tử

Năm 2019 đánh dấu sự chuyển mình của HDBank trong việc chuyển đổi thành công ngân hàng số (Digital Banking).

Hướng tới một xã hội không dùng tiền mặt, HDBank triển khai ứng dụng Ngân hàng Số - Di HDBank mang đến trải nghiệm mới tích hợp nhiều tiện ích thông minh, tốc độ xử lý giao dịch nhanh chóng, an toàn và bảo mật cho khách hàng.

Bên cạnh những chức năng chính, quen thuộc như chuyển khoản, thanh toán hóa đơn, ứng dụng Ngân hàng Số - Di HDBank mang đến cho khách hàng các tính năng được cải tiến, mới mẻ và tiện lợi. Nổi bật là tiện ích trợ lý ảo (chatbot) hiện đại hỗ trợ trực tuyến 24/7, hướng dẫn khách hàng một cách nhanh chóng.

Chức năng QRPay giúp khách hàng thanh toán trong tích tắc chỉ với một thao tác quét mã QRcode trên ứng dụng Ngân hàng Số - Di HDBank.

Chức năng tiết kiệm online giúp khách hàng dễ dàng quản lý tài chính bằng việc gửi tiết kiệm trực tiếp trên ứng dụng, với lãi suất ưu đãi cộng thêm từ 0,1%. Ngoài ra, khung lãi suất ngắn hạn cũng đang được HDBank áp dụng hấp dẫn nhất thị trường.

Cùng với việc mở rộng khai thác thêm nhiều tiện ích phục vụ đời sống hàng ngày khác như đặt vé máy bay, đặt vé tàu, đặt phòng khách sạn, đặt vé xem phim, bắt kịp theo xu hướng và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, HDBank cũng chú trọng đầu tư vào tính an toàn, bảo mật cho khách hàng. Theo đó, khách hàng có thể xác thực đăng nhập vào Di HDBank bằng sinh trắc học (vân tay, nhận diện khuôn mặt). Đồng thời, phương thức xác thực giao dịch bằng Smart OTP, mã xác thực được sinh ra ngay trên thiết bị di động và chỉ sử dụng 01 lần, hoàn toàn bảo mật, mang đến sự an tâm trong mỗi giao dịch trên ứng dụng.

Dịch vụ thẻ

Năm 2019, HDBank tập trung gia tăng tiện ích cho khách hàng sử dụng thẻ, phát triển các giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển khách hàng thuộc hệ sinh thái tập đoàn.

Các thành tựu trong năm 2019 của dịch vụ thẻ:

- Nâng cấp hệ thống thẻ mới nhằm phát triển và mang các sản phẩm dịch vụ tốt nhất đến cho khách hàng;
- Hợp tác với các công ty xăng dầu triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, mua xăng dầu bằng thẻ mới địa tại các cửa hàng xăng dầu bán lẻ;
- Liên kết với các chuỗi siêu, thực phẩm, mỹ phẩm, nước giải khát, tài trợ cho vay các cửa hàng bán lẻ và cung cấp dịch vụ thanh toán qua POS cho các đại lý;
- Hợp tác với các chuỗi bán lẻ thương mại điện tử hàng đầu Việt Nam, hợp tác với các thương hiệu bán lẻ lớn thường xuyên triển khai các chương trình ưu đãi khuyến khích khách hàng thanh toán qua thẻ nhằm gia tăng lợi ích cho khách hàng cũng như tạo thói quen không dùng tiền mặt.

Năm 2019, dịch vụ thẻ của HDBank đã đạt được những kết quả tích cực:

- Số lượng thẻ quốc tế phát hành của HDBank tăng 137% so với năm 2018;
- Doanh số sử dụng thẻ để thanh toán tăng 87% so với năm 2018;
- Lợi nhuận thẻ tăng 93% so với năm 2018.



Hoạt động Khởi Khách hàng Doanh nghiệp



Lần sống công nghệ từ cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 mang đến cơ hội lớn cho tất cả các định chế tài chính nói chung và HDBank nói riêng, trên nhiều mặt: từng bước chuyển dịch hình thức kênh phân phối truyền thống từ hệ thống chi nhánh, quầy giao dịch vật lý sang các kênh số hóa, tương tác khách hàng với khối lượng lớn và hiệu quả hơn; qua đó chuyển đổi mô hình kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, cấu trúc sản phẩm, dịch vụ theo hướng số hóa, giúp các ngân hàng từng bước trở thành Ngân hàng Số, qua đó cung cấp những tiện ích, trải nghiệm mới mẻ và đem lại lợi ích thiết thực và mới mẻ hơn cho khách hàng.

Năm bắt và thích ứng nhanh trong kỷ nguyên số 4.0, trong năm qua, Khởi Khách hàng Doanh nghiệp đã chủ động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý và kinh doanh để góp phần thực hiện mục tiêu kinh doanh hiệu quả, bền vững của toàn ngân hàng: từng bước xây dựng HDBank trở thành Ngân hàng Số, mang lại niềm vui, hạnh phúc cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.

Khởi Khách hàng Doanh nghiệp hoàn thành 107% kế hoạch lợi nhuận được giao. Phí dịch vụ tăng 143%. Quy mô khách hàng đạt gần 38.000 khách hàng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước. Quy mô dư nợ, tiền gửi tăng trưởng lần lượt 20% và 12% so với năm 2018. Tiền gửi thanh toán thường xuyên chiếm tỷ trọng 26 - 30% tổng huy động. Hoạt động tài trợ chuỗi tiếp tục gặt hái những thành tựu đáng khích lệ: tổng số khách hàng nhân là tập đoàn - doanh nghiệp lớn tăng thêm 12, với số lượng khách

hàng chuỗi lũy kế đạt gần 1.400; số lượng khách hàng khu công nghiệp, khu chế xuất, FDI đạt gần 2.000 khách hàng với tổng dư nợ tín dụng đến 6.000 tỷ đồng. Doanh số TTQT tăng gần 150% so với năm liền kề; tài trợ cho các LƯC nhập khẩu nông phẩm từ Hoa Kỳ triển khai theo chương trình GSM 12 với tổng hạn mức đạt 20 triệu USD.

Hoạt động tài trợ xanh đột phá vượt bậc, được thị trường, khách hàng và các đối tác đánh giá cao. Trong năm 2019, HDBank đã cấp tín dụng gần 12.000 tỷ đồng cho các dự án điện lớn của 17 khách hàng doanh nghiệp với tổng công suất thiết kế đạt 810 MWp. Bên cạnh, HDBank cũng đã tài trợ được xấp xỉ 800 tỷ cho gần 100 dự án điện nhỏ đến cuối năm. Với những thành tựu đó, HDBank đã được Ngân hàng Phát triển Hà Lan (IFMO) cấp hạn mức tài trợ thương mại 40 triệu USD giúp tăng cường nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các dự án năng lượng tái tạo xanh.



Chiến lược Ngân hàng Số trong kỷ nguyên 4.0

— Giải pháp ứng trước cho nhà cung cấp thuộc chuỗi siêu thị thông qua ứng dụng platform

Kỷ kết với đối tác công nghệ triển khai giúp các siêu thị và nhà cung cấp tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ, công nợ. Nhà cung cấp thông qua platform có thể biết được hóa đơn của mình đã được bên mua chấp nhận thanh toán, từ đó đưa ra yêu cầu vay, biết được trạng thái phê duyệt và quản lý việc thanh toán từ bên mua. Các siêu thị có thể dễ dàng quản lý công nợ, được nhắc lịch thanh toán, và thực hiện yêu cầu ứng trước thanh toán tự động cho nhà cung cấp.

— Tương tác với các đối tác công ty cung cấp Điện, nước, thuế, hải quan, trường Đại học

Thường xuyên nâng cấp kết nối, đa dạng hóa kênh thanh toán tại quầy, Internet banking, tự động, thuế điện tử, hải quan điện tử, hỗ trợ tốt hơn cho trải nghiệm của khách hàng sử dụng dịch thanh toán tại Ngân hàng.

— Nâng cấp tính bảo mật cho các giao dịch Internet Banking

Chính thức triển khai 02 phương thức xác thực mới là HDBank OTP và Hard Token CR - phương thức xác thực giao dịch loại D theo xếp loại của Ngân hàng Nhà nước, tương đương với chứng thư số. Hạn mức giao dịch cũng được phân cấp lại theo loại giao dịch, phương thức xác thực và nhu cầu thực tế của người dùng nhằm mang lại sự thuận tiện, an toàn.



— Triển khai cấp tín dụng online: trên kênh Website, Facebook để khách hàng có thể dễ dàng nhanh chóng tiếp cận sản phẩm tín dụng của HDBank.

— Công cụ quản lý dòng tiền khách hàng: giúp có thể kiểm soát dòng tiền để có thể chủ động ra quyết định phù hợp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn; đồng thời cũng giúp Ngân hàng đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của khách hàng

— Dữ liệu Big Data: thỏa thuận, kết nối với các công ty fintech để tăng cường cơ hội tiếp cận thành công danh mục khách hàng định hướng, kỳ kết với công ty tư vấn tài chính lớn, có uy tín trên thị trường để hỗ trợ xây dựng các mô hình đánh giá hành vi khách hàng tiền gửi, tiền vay để từ đó có chiến lược tiếp thị và chăm sóc khách hàng theo từng thời kỳ và từng phân khúc một cách phù hợp.

— Triển khai tờ trình online: thay vì nộp hồ sơ cứng (giấy) như trước đây, đơn vị kinh doanh có thể gửi tờ trình và nhận kết quả phê duyệt qua online. Việc này góp phần giảm thiểu việc sử dụng giấy, thời gian và công sức đi lại.

Hoạt động Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính

Định hướng chiến lược kinh doanh khối khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính: tập trung phát triển hệ sinh thái đặc quyền Vietjet, HD SAISON, Petrolimex... tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các công ty lớn để làm nền tảng cho phát triển hệ sinh thái, Big Data, chuyển đổi số, tăng trưởng lợi nhuận, tăng trưởng thanh toán quốc tế so với năm trước, duy trì chất lượng tín dụng không có nợ xấu. HDBank không ngừng nỗ lực, nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm - dịch vụ đặc biệt dành cho các Tập đoàn, Tổng Công ty và các Doanh nghiệp lớn. Sản phẩm dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp lớn được phát triển theo

phương thức "may đo" trên cơ sở tập trung đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các Tập đoàn lớn, Tổng Công ty đặc biệt trong các ngành Điện, Dầu khí, Bưu điện Viễn thông, Giao thông, Dệt may, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu... Các sản phẩm dịch vụ dành cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn luôn được thiết kế riêng biệt theo gói sản phẩm, gói giải pháp một cách linh hoạt và phù hợp, tập trung vào các sản phẩm dịch vụ tiêu biểu như Tín dụng, Bảo lãnh, Dịch vụ tài khoản thanh toán, Đầu tư tiền gửi và Thanh toán quốc tế, Kinh doanh ngoại tệ.

Năm 2019, đánh dấu mốc một năm thành công của Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính và đạt được một số kết quả tiêu biểu như sau:



HDBank nhận Giải thưởng Ngân hàng xanh do ADB trao tặng.

Giải thưởng Green Deal Award của ADB

Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính là đơn vị đầu tiên trong việc thu xếp và đàm phán với các ngân hàng đối tác, các định chế tài chính nước ngoài để thiết lập các hạn mức giao dịch tài trợ cho các dự án xanh, góp phần thực hiện thành công các giao dịch tài trợ có tầm ảnh hưởng lớn và mang lại các giá trị phát triển bền vững cho cộng đồng.

Khối khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính là đầu mối triển khai, kết nối với ADB giúp HDBank trở thành ngân hàng

Việt Nam đầu tiên và duy nhất nhận Giải thưởng Xanh "Green Deal Award" từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

Giải thưởng "Green Deal Award" lần đầu tiên này nhằm vinh danh các ngân hàng có thành tích nổi bật trong tài trợ thương mại xanh khi tham gia chương trình Tài trợ Thương mại của ADB. HDBank đã đóng một vai trò quan trọng không chỉ trong việc hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp xanh mà còn góp phần vào việc bảo vệ môi trường, đồng hành cùng chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam.



HDBank là ngân hàng Việt Nam đầu tiên được FMQ cấp hạn mức 40 triệu USD để tài trợ cho các dự án xanh

Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính là đơn vị đầu tiên trong việc thu xếp và đàm phán với Định chế Tài chính Phát triển của Chính phủ Hà Lan - FMQ giúp HDBank là ngân hàng Việt Nam đầu tiên được FMQ cấp hạn mức 40 triệu USD để tài trợ cho các dự án xanh.

HDBank được FMQ lựa chọn là đối tác đầu tiên tại Việt Nam tham gia chương trình khung hợp tác đa phương của FMQ với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cùng một số ít các ngân hàng đối tác hàng đầu trên thế giới. Theo đó, FMQ đã cấp cho HDBank hạn mức tài trợ thương mại trị giá 40 triệu USD để tài trợ cho các dự án xanh tại Việt Nam.

Với việc cấp hạn mức này cho HDBank, FMQ đã quay trở lại thị trường tài chính Việt Nam và đồng thời đánh dấu bước đi chiến lược đầu tiên nhằm phát triển danh mục tài chính xanh của tổ chức này, giúp cụ thể hóa chương trình hành động - hướng đến mục tiêu phát triển bền vững "SDG 13" của Liên Hiệp Quốc và góp phần cùng HDBank mang lại những giá trị bền vững cho cộng đồng.

HDBank - Viettel Global

Ngày 18/12/2019, trong khuôn khổ sự kiện khai trường Văn phòng đại diện đầu tiên ở Myanmar, HDBank cũng đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cùng Viettel Global. Hợp tác

chiến lược giữa HDBank - một ngân hàng thuộc nhóm dẫn đầu tại Việt Nam và Viettel Global - Tập đoàn viễn thông lớn mạnh tầm quốc tế, có nhiều mạng lưới nước ngoài - sẽ giúp các bên khai thác và phát huy thế mạnh trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh, cùng nhau mang đến nhiều dịch vụ thuận tiện, phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

Theo đó, HDBank và Viettel Global sẽ hợp tác lâu dài trên các lĩnh vực: Tín dụng, sản phẩm tiền gửi và các dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin. Viettel Global sẽ hỗ trợ tài trợ cho HDBank và các đối tác, khách hàng các dịch vụ, giải pháp viễn thông và công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho HDBank tham gia các dự án mà Viettel Global là chủ đầu tư tại các thị trường viễn thông; hợp tác với HDBank trong các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế...

HDBank - Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC)

Ngày 08/08/2019, EVNNPC ký thỏa thuận mở rộng địa bàn thu tiền điện với HDBank. Việc ký thỏa thuận này nhằm tạo điều kiện cho khách hàng trên toàn địa bàn thanh toán tiền điện một cách thuận lợi nhất. Đây cũng là giải pháp nhằm thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn 21 tỉnh, thành phố phía Bắc.

HDBank được lựa chọn làm Ngân hàng phục vụ dự án hiện đại hóa hệ thống thuế (RARS)

Năm 2019, HDBank tiếp tục được Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn làm Ngân hàng phục vụ cho Dự án "Hiện đại hóa Hệ thống thuế" do Chính phủ Nhật Bản tài trợ thông qua Chương trình Phát triển nguồn nhân lực và chính sách do Ngân hàng Thế giới quản lý. Hoạt động chính của dự án là xây dựng lộ trình hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin quản lý thuế.

Tính đến nay, HDBank được giao làm cơ quan cho vay lại và ngân hàng phục vụ tổng số 10 dự án, với tổng trị giá vốn quản lý tương đương 755 triệu đô-la. Việc HDBank tiếp tục được lựa chọn làm cơ quan cho vay lại và ngân hàng phục vụ các dự án sử dụng nguồn vốn QDA đã khẳng định sự tin tưởng của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đối với HDBank, nâng cao vị thế và uy tín thương hiệu của HDBank trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của đất nước.

Hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ của HDBank là một trong các khối kinh doanh có hiệu quả cao, đóng góp tích cực vào tổng lợi nhuận của HDBank hàng năm. Chức năng, nhiệm vụ chính của khối là: chịu trách nhiệm quản lý thanh khoản, tham mưu chính sách lãi suất tỷ giá trong quá trình hoạt động hàng ngày cho Tổng Giám đốc và Ủy ban ALCO; đồng thời thực hiện các chức năng kinh doanh nguồn vốn, ngoại hối, giấy tờ có giá và các công cụ nợ trên thị trường tiền tệ, ngoại hối, vốn để tìm kiếm lợi nhuận. Hoạt động kinh doanh tiền tệ và ngoại hối của Khối Nguồn vốn khá tích cực, quy mô giao dịch lớn và có uy tín cao trên thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Thông qua hoạt động của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ trên thị trường, HDBank là thành viên của thị trường Trái phiếu Chính phủ thứ cấp, là một trong những nhà tạo lập thị trường trên thị trường tiền tệ và ngoại hối liên ngân hàng.

Năm 2019 là năm tiếp tục khẳng định sự mở rộng và phát triển của hoạt động quản lý nguồn vốn, kinh doanh tiền tệ và đầu tư. HDBank không ngừng khẳng định vị thế, uy tín trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn; duy trì vai trò chủ động và tích cực trong hoạt động giao dịch về nguồn vốn, đầu tư và kinh doanh tiền tệ. HDBank luôn nằm trong top 10 các thành viên giao dịch Trái phiếu Chính phủ lớn nhất theo kết quả xếp loại của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội năm 2019.

Kết quả hoạt động của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ tiếp tục được duy trì và phát huy mạnh mẽ trong năm 2019; lợi nhuận của Khối đóng góp quan trọng vào tổng lợi nhuận của toàn ngân hàng, trong đó đều có sự đóng góp tích cực từ các mảng hoạt động kinh doanh như: kinh doanh vốn, kinh doanh ngoại hối và kinh doanh giấy tờ có giá.



Hoạt động quản lý nguồn vốn

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ thực hiện quản lý toàn bộ nguồn vốn và sử dụng vốn của HDBank, đồng thời thực hiện quản lý và điều hành thanh khoản của toàn hệ thống, đảm bảo khả năng chi trả và khả năng thanh khoản trong suốt quá trình hoạt động của HDBank. Việc cân đối vốn cho phát triển tín các chương trình tín dụng tài trợ cho lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng xanh được ưu tiên thực hiện.

Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng

Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng không chỉ chú trọng đến việc đa dạng sản phẩm, nghiệp vụ và tăng trưởng về quy mô, thị phần trên thị trường tiền tệ, HDBank còn luôn đảm bảo sự uy tín, hỗ trợ đối tác, cạnh tranh lành mạnh, góp phần điều tiết cung - cầu tiền tệ và sự ổn định trên thị trường liên ngân hàng theo chủ trương chính sách của Ngân hàng Nhà nước.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Thị trường ngoại hối năm 2019 ít có biến động, nguồn cung ngoại tệ khá dồi dào. Trong điều kiện thị trường như vậy, hoạt động kinh doanh ngoại hối tập trung vào đẩy mạnh doanh số giao dịch, đa dạng hóa sản phẩm giao dịch trên thị trường, tận dụng cơ hội kinh doanh trong biên độ hẹp để tối đa hóa lợi nhuận.

Năm 2019, HDBank đã chính thức đưa vào kinh doanh và cung ứng các sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ để là sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa nhằm đa dạng hóa sản phẩm, hoạt động kinh doanh, mang lại tiện ích cho khách hàng.

Kết quả năm 2019, hoạt động kinh doanh ngoại hối vẫn nâng cao được doanh số giao dịch, đã đạt được tốc độ tăng trưởng mạnh trong bối cảnh nhu cầu mua bán ngoại tệ của các doanh nghiệp vẫn chưa thật sự cao và cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng về thị phần giao dịch. HDBank đã tích cực duy trì, mở rộng và đa dạng hóa khách hàng, đẩy mạnh kinh doanh tư doanh, mua bán cho khách hàng định chế trên thị trường quốc tế.

Đến 31/12/2019, doanh số mua và bán ngoại tệ đạt 25,2 tỷ USD, tăng 10,7 % so với năm 2018, đóng góp tích cực vào thành quả chung của Khối.



Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Năm 2019 tiếp tục là một năm thành công của hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán, HDBank đã hoạt động rất tích cực trên thị trường trái phiếu chính phủ, hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo và chiếm tỷ lệ đáng kể trong kết quả kinh doanh của HDBank, đặc biệt là hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu chính phủ và Trái phiếu các Tổ chức Tín dụng.

Nhờ việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên thị trường. HDBank đã lọt vào Top 10 thành viên giao dịch lớn nhất Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội năm 2019. Danh mục năm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán giấy tờ có giá của HDBank đã gia tăng mạnh mẽ, đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị trí và uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu doanh nghiệp và chứng khoán vốn cũng đã được cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng trong danh mục đầu tư.

Định hướng kế hoạch hành động trong năm 2020 về hoạt động quản lý, kinh doanh tiền tệ và đầu tư

• Đảm bảo cân đối an toàn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn trên toàn hệ thống, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu vốn và đảm bảo khả năng thanh khoản, thanh toán tại mọi thời điểm; đặc biệt ưu tiên cân đối nguồn vốn cho những chương trình tài trợ tín dụng xanh (lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời). Tiếp cận chương trình phát hành "Trái phiếu xanh" theo thông lệ thị trường quốc tế, với phương châm "Nguồn vốn xanh cho tín dụng xanh".

• Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn vốn liên ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng; phát huy vai trò và tầm ảnh hưởng trên thị trường thông qua quy mô doanh số giao dịch, sự tích cực uy tín và tín cậy của của thị trường; tham gia hỗ trợ thị trường khi cần thiết.

• Nâng cao năng lực quản trị nguồn và quản lý rủi ro về lãi suất, tỷ giá; chủ trọng công tác thu thập, phân tích thông tin và dự báo thị trường nhằm nắm bắt và tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh.

• Sử dụng hiệu quả nguồn vốn sẵn có thông qua hoạt động bán chéo sản phẩm và sản phẩm phái sinh giữa kinh doanh vốn và kinh doanh ngoại tệ.

• Tổ chức bộ phận phát triển sản phẩm thị trường tiền tệ và phát triển đội ngũ bán các sản phẩm thị trường tiền tệ và sản phẩm phái sinh; phát triển nguồn khách hàng sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa.

• Sử dụng hiệu quả và tối ưu hóa hạn mức giao dịch trên cả hai chiều; mở rộng thị phần và đa dạng khách hàng giao dịch.

• Đẩy mạnh hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu Chính phủ, duy trì vai trò chủ đạo trong hoạt động kinh doanh toàn hệ thống, duy trì vị thế là một trong 10 thành viên giao dịch lớn nhất thị trường.

• Tăng cường năng lực bán hàng của đội ngũ chuyên viên kinh doanh ngoại hối, nguồn vốn; phát triển cơ cấu theo mô hình hiện đại, củng cố phát triển đội ngũ nhân sự kinh doanh.

• Tiếp tục phát hành trái phiếu HDBank trung dài hạn nhằm tăng cường năng lực và tính ổn định của nguồn vốn.

• Tiếp tục cải tiến và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào hoạt động Treasury một cách hiệu quả.

Khởi Công nghệ Thông tin và Ngân hàng Điện tử

Trong năm 2019, HDBank đã tập trung, triển khai, cải tiến các sản phẩm theo hướng ngân hàng số, triển khai chương trình thanh toán không dùng tiền mặt. Tổng số lượng người dùng hệ thống Ngân hàng trực tuyến năm 2019 là hơn 200.000, tăng 65% so với năm 2018 (trong đó số lượng người dùng trên điện thoại tăng 91%). HDBank cũng tăng cường công tác an ninh, an toàn trong thanh toán, áp dụng tiêu chuẩn an toàn bảo mật quốc tế. Các chương trình trong điểm mà HDBank đã triển khai thành công trong năm 2019 như sau:

• Ra mắt ứng dụng mBanking mới với giao diện hiện đại, thân thiện, đem lại cho khách hàng những trải nghiệm mới với tốc độ xử lý giao dịch nhanh chóng; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo cho xác thực sinh trắc học, chatbot trên mBanking, hỗ trợ thanh toán hoá đơn điện, nước, nạp tiền điện thoại, đặt vé máy bay Vietjet, chuyển khoản;

• Chuyển đổi thành công hệ thống thẻ sang Way4 để hỗ trợ tốt hơn cho nhu cầu phát triển kinh doanh thẻ; triển khai chấp nhận thẻ Visa/Master, phát hành thẻ Master Card; triển khai phát hành thẻ theo chuẩn chip nội địa.

• Hỗ trợ tự động hóa trong các hoạt động của ngân hàng, giúp giảm thiểu các thao tác thủ công và nâng cao chất lượng dịch vụ; Trung tâm Hỗ trợ tín dụng, Khối Vận hành và các Khối nghiệp vụ;

• Đạt tiêu chuẩn bảo mật theo chuẩn quốc tế (ISO 27001:2013 làm nền tảng cho việc quản lý và kiểm soát an toàn bảo mật thông tin tại Ngân hàng. Triển khai thành công dịch vụ xác thực cho toàn bộ các kênh thanh toán online tuân thủ theo Công văn 630 của Ngân hàng Nhà nước;

• Triển khai các hàng mục quản lý theo lộ trình đáp ứng tiêu chuẩn Basel II;

• Triển khai phần mềm Treasury; hệ thống quản lý và hỗ trợ kinh doanh trái phiếu Doanh nghiệp; thay đổi hệ thống Website bằng công nghệ hiện đại giúp nâng cao tính tương tác cho người dùng.

Bên cạnh việc nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới, HDBank cũng liên tục phát triển các chức năng tiện ích của các kênh giao dịch điện tử để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong hoạt động thanh toán số. Ngân hàng đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi nhằm thu hút và hỗ trợ khách hàng dần chuyển đổi việc tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tại chính ngân hàng từ kênh truyền thống sang kênh giao dịch số, kênh giao dịch tự phục vụ. Hiệu quả của các chương trình này trong là rất tích cực. Đây là tiền đề quan trọng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh doanh số trong các năm tiếp theo.



VỊ THẾ HDBANK TRÊN THỊ TRƯỜNG

Trong các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, HDBank nằm trong Top dẫn đầu về các chỉ tiêu tài chính và mô hình quản trị.

HDBank là một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng vượt bậc về tổng tài sản đạt 223.477 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 5.018 tỷ đồng, đưa HDBank vào Top những ngân hàng hoạt động hiệu quả trên thị trường, với sức mạnh tài chính và uy tín vượt trội.

Với định hướng tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững, quản trị rủi ro hiệu quả, nhiều năm qua, HDBank luôn duy trì chất lượng tài sản thuộc nhóm tốt nhất toàn ngành; tỷ lệ nợ xấu riêng HDBank được kiểm soát chặt ở mức thấp nhất toàn ngành 0,98%.

Chỉ số sinh lời luôn ở mức cao so với toàn ngành với ROAA đạt 1,8%, ROAE đạt 21,6%.

HDBank là một trong những ngân hàng tiên phong đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro và được Ngân hàng Nhà nước công nhận đạt chuẩn Basel II về an toàn vốn trước thời hạn quy định. Mô hình hoạt động của HDBank năm 2019 tiếp tục duy trì theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Trong năm, HDBank đạt tiêu chuẩn bảo mật ISO 27001:2013 làm nền tảng vững chắc cho việc bảo mật an toàn thông tin khách hàng, thông tin thanh toán thẻ.

HDBank là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam được trao giải thưởng "Green Deal Award" do ADB bình chọn nhằm vinh danh các ngân hàng có thành tích nổi bật trong tài trợ thường mại-xanh khi tham gia Chương trình tài trợ thường mại của ADB.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ NƠI & KHAI THÁC TÀI SẢN - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (AMC HDBANK)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

Năm 2019, lợi nhuận trước thuế của AMC HDBank đạt 18 tỷ đồng, tăng gần 200% so với kế hoạch. Trong đó, doanh thu chủ yếu của AMC HDBank từ việc khai thác kinh doanh và cho thuê tài sản ở các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang,... và bước đầu triển khai tại khu vực phía Bắc. Trong năm, AMC HDBank triển khai mới hoạt động mua bán nợ và thực hiện đầu tư tài sản có khả năng sinh lời làm tiền đề cho việc phát triển trong năm 2020.

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng tài sản	182	189	190
Doanh thu thuần	67	12	36
Lợi nhuận trước thuế	12	9	18

ĐVT: Tỷ đồng

Định hướng kinh doanh năm 2020

Năm 2020, AMC HDBank định hướng tập trung đẩy mạnh mảng kinh doanh, khai thác tài sản chủ đạo và hoạt động mua bán nợ theo ủy thác của HDBank, đồng thời phối hợp kiểm tra toàn bộ tài sản và thẩm định chặt chẽ các khoản nợ thực hiện mua, bán.

CÔNG TY TÀI CHÍNH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HD SAISON

Mô hình hoạt động

Từ khi thành lập đến nay, HD SAISON phục vụ hơn 6,6 triệu khách hàng tại Việt Nam. Phân khúc khách hàng mục tiêu của HD SAISON hướng đến nhóm khách hàng chưa được các ngân hàng chú ý và nhóm khách hàng có thu nhập thấp đến trung bình với mức thu nhập hàng tháng là từ 2 - 7 triệu đồng. Hai phân khúc này phần lớn là khách hàng hiện tại của HD SAISON dưới 30 tuổi và đang đi làm, nhưng chưa được các ngân hàng phục vụ do các khoản vay của các đối tượng này thường có quy mô nhỏ lẻ và các ngân hàng chưa có hệ thống quản lý hoàn chỉnh cũng như công nghệ có tính chuyên biệt để phục vụ phân khúc này một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng và hiệu quả.

Sản phẩm và dịch vụ chính:

HD SAISON hiện là một trong những công ty tài chính tiêu dùng có thị phần lớn nhất tại Việt Nam tập trung các dòng sản phẩm chính như sau:

- Cho vay mua xe máy ("TW")
- Cho vay mua thiết bị gia dụng ("GD")
- Cho vay bằng tiền mặt cho các khách hàng TW hoặc GD có lịch sử trả nợ tốt.

Tính đến ngày 31/12/2019, danh mục cho vay của HD SAISON bao gồm 42% cho vay xe máy, 25% cho vay thiết bị gia dụng, 33% cho vay tiền mặt và 0,002% cho vay các sản phẩm mới khác như vay trực tuyến mua vé máy bay Vietjet Air. Đối với các khoản vay bằng tiền mặt, không giống như hầu hết các công ty tài chính tiêu dùng khác trên thị trường, HD SAISON tuân theo một tiêu chuẩn nghiêm ngặt về quản lý rủi ro. Cụ thể, HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt đối với khách hàng hiện tại có hồ sơ tín dụng đã được chứng minh có lịch sử trả nợ tốt.

Hiệu quả hoạt động

Hoạt động kinh doanh của HD SAISON qua các năm:

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	10.907	12.141	14.818
Dư nợ cho vay (Tỷ đồng)	9.449	10.653	12.582
Tổng huy động (Tỷ đồng)	8.380	8.604	10.552
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	2.895	3.477	3.841
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	416	719	831
ROAA	4,0%	6,2%	6,2%
ROAE	31,8%	38,3%	33,2%

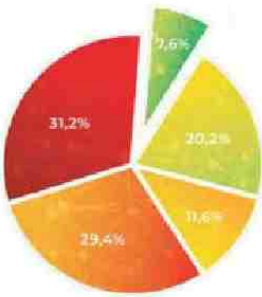
Hoạt động kinh doanh của HD SAISON trong năm 2019 đạt kết quả khả quan với mức tăng trưởng thu nhập hoạt động và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 10,5% và 15,6% tương ứng với giá trị tuyệt đối là 3.841 tỷ đồng và 831 tỷ đồng.

HD SAISON đạt được kết quả trên nhờ vào việc đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ cho vay lên đến 18,1%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 33,2%, khá cao trong ngành tài chính tiêu dùng. Tỷ lệ nợ xấu của HD SAISON đạt 5,4% thấp so với nhiều công ty tài chính cùng ngành, do ban lãnh đạo công ty xác lập chiến lược phát triển lâu dài và bền vững là không

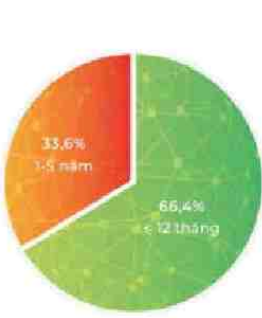
theo đuổi lợi nhuận trước mắt bằng cách hy sinh các nguyên tắc chuẩn mực về quản trị rủi ro tín dụng. Cụ thể, danh mục cho vay của HD SAISON cho thấy sự đa dạng hóa giữa các sản phẩm vay mua xe máy, thiết bị gia dụng và cho vay bằng tiền mặt.

Chiến lược của HD SAISON là phân tán rủi ro giữa các khách hàng, tập trung tăng trưởng cho vay bằng cách tiếp nhận thêm nhiều khách hàng mới, và gia tăng giá trị khoản vay cho khách hàng trung thành có lịch sử thanh toán tốt. Việc duy trì số lượng khách hàng ở quy mô lớn và giá trị trung bình khoản vay cho mỗi nhóm khách hàng được điều chỉnh phù hợp sẽ giúp làm giảm rủi ro đối với HD SAISON.

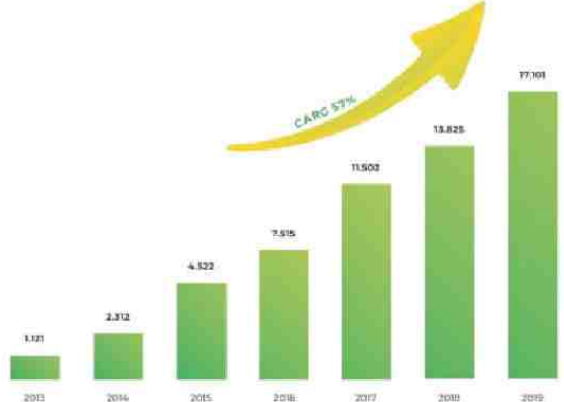
Thêm vào đó, HD SAISON tập trung vào các khoản vay giá trị nhỏ và thời hạn ngắn, phân lớn các khoản vay có giá trị dưới 30 triệu đồng và thời hạn dưới một năm. Việc này giúp Công ty kiểm soát được rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng và giảm thiểu rủi ro tập trung của danh mục cho vay của Công ty. HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt dành các khách hàng hiện hữu có lịch sử thanh toán tốt nhằm đa dạng danh mục cho vay và gia tăng lợi nhuận.



Giá trị khoản vay



Thời hạn cho vay



DVT: Điểm

Tăng trưởng điểm bán hàng

Thị phần

Là một công ty hàng đầu trong ngành tài chính tiêu dùng, HD SAISON có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với các dòng sản phẩm chủ đạo như: Cho vay mua xe máy và xe tải nhỏ, cho vay mua hàng điện máy và mua các hàng hóa dịch vụ đời sống như các gói du lịch, các gói học tập... và cho vay tiền mặt phục vụ tiêu dùng.

Mạng lưới phân phối rộng khắp toàn quốc với độ bao phủ lớn là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn của HD SAISON. Mạng lưới phân phối rất quan trọng đối với hoạt động cho vay tiêu dùng vì đa phần công ty tài chính tiêu dùng

phục vụ cho những người có thu nhập trung bình thấp và chưa được các ngân hàng chú ý khai thác, chủ yếu là công nhân nhà máy, sinh viên học sinh, và người lao động - những đối tượng được chi trả bằng tiền mặt thay vì chuyển khoản. Để tiếp cận được phân khúc khách hàng này thì chiến lược kinh doanh tốt nhất là mở rộng các điểm giao dịch tài chính.

Tính đến ngày 31/12/2019, HD SAISON có 17.101 điểm giao dịch tài chính trên 63 tỉnh thành Việt Nam với hơn 6,6 triệu khách hàng. HD SAISON đứng đầu Việt Nam về mạng lưới điểm giao dịch tài chính và số lượng khách hàng.

Vị thế thị trường của HD SAISON thời điểm 31/12/2019

HD SAISON đã phát triển và tăng trưởng các kênh bán hàng thông qua nhân viên bán hàng trực tiếp tại các điểm bán hàng hợp tác với các đối tác kinh doanh. Sắp tới, HD SAISON có kế hoạch tiếp tục thiết lập các kênh phân phối mới bao gồm các sản phẩm thẻ tín dụng đồng thương hiệu. Bên cạnh đó, HD SAISON sẽ chú trọng tối đa hóa doanh thu từ việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm cùng như mở rộng danh mục các sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho người vay, bao gồm những không giới hạn các dòng sản phẩm chăm sóc y tế cho gia đình...



HD SAISON phát triển bền vững

Thị trường tài chính tiêu dùng Việt Nam được đánh giá là có nhiều tiềm năng tăng trưởng trong tương lai, nhưng tình cảnh tranh ngày càng cao và đồng thời cũng ẩn chứa nhiều rủi ro khó lường. Trải qua hơn 12 năm phát triển và không ngừng đổi mới, HD SAISON đã xây dựng, tích lũy nhiều uy tín, bản lĩnh và kinh nghiệm của một doanh nghiệp lớn, sẵn sàng tận dụng các cơ hội và vượt qua những thách thức để tiếp tục dẫn dắt thị trường.

Nội lực vững chắc, văn hóa kinh doanh có trách nhiệm và mô hình kinh doanh dựa trên điểm cân bằng giữa lợi ích của doanh nghiệp và

khách hàng đảm bảo cho HD SAISON tiếp tục phát triển bền vững. Công ty luôn tiên phong trong việc hỗ trợ khách hàng tại khu vực vùng sâu, vùng xa, địa bàn còn khó khăn về kinh tế, khách hàng là người dân tộc thiểu số có nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống. Điều này được minh chứng ở mạng lưới bán hàng tồn nhất trong các công ty tài chính của HD SAISON với hơn 17.000 điểm giới thiệu dịch vụ, đã được mở rộng về tất cả trung tâm các huyện trên khắp 63 tỉnh, thành phố. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đào tạo và sử dụng lao động tại địa phương, tạo ra nhiều công ăn việc làm, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội tại các địa bàn này phát triển.



HD SAISON với trách nhiệm xã hội

Không chỉ nắm giữ vị thế là một trong 03 công ty tài chính tiêu dùng lớn nhất Việt Nam, HD SAISON còn được biết đến là doanh nghiệp có nhiều đóng góp tích cực cho xã hội và cộng đồng.

Từ khi sáp nhập về HDBank, trong đội ngũ lãnh đạo và nhân viên HD SAISON lan tỏa một tinh thần "Hành động là yêu thương". Nhiều hoạt động xã hội thiết thực đã được HD SAISON tổ chức và duy trì thường xuyên. Điển hình như "Ngày hội Hiến máu tình nguyện HD SAISON" đã trở thành sự kiện thường niên không thể thiếu của công ty kể từ năm 2015. Ngày hội được tổ chức tại 04 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, mỗi năm tiếp nhận hàng nghìn đơn vị máu từ nhân viên HD SAISON, người thân và đối tác để cứu sống nhiều bệnh nhân hiếm bệnh.

Vào tháng Tám mỗi năm, hàng trăm nhân viên HD SAISON đều nhiệt tình góp mặt trong chương trình "Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam và người khuyết tật nghèo" do Hội Chữ thập đỏ Thành phố Hồ Chí Minh phát động nhân ngày "Vì nạn nhân chất độc da cam Việt Nam" ngày 10/08.

Công ty cũng cam kết đồng hành lâu dài với Quỹ Nhip tim Việt Nam bằng cách tham gia giải chạy thường niên "Chạy vì Trái Tim" nhằm gây quỹ hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim cho các bệnh nhi nghèo trên cả nước. Bên cạnh đó, HD SAISON đã xây dựng nhà tình nghĩa cho người có công với cách mạng và nhà tình thương cho người nghèo tại các tỉnh Bến Tre, Quảng Bình và Tây Ninh, trao gần 400 suất học bổng cho học sinh nghèo hiếu học tại Thành phố Hồ Chí Minh và Cà Mau, giúp đỡ đóng góp miễn phí thuốc Bắc và thuốc Trung khắc phục hậu quả của thiên tai, bão lũ, thực hiện chương trình "Chấp cánh ước mơ" trực tiếp hỗ trợ các gia đình nghèo... Riêng chương trình "Chấp cánh ước mơ" do HD SAISON và Bảo Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi xướng từ năm 2017 đến nay đã sử dụng hiệu quả sẽ tiến hơn một tỷ đồng để hỗ trợ hơn 100 hộ gia đình khó khăn có phương tiện mưu sinh vươn lên thoát nghèo.

Kinh phí để HD SAISON duy trì các hoạt động cộng đồng giàu ý nghĩa đều do cán bộ, nhân viên và khách hàng của công ty cùng nhau đóng góp thông qua Quỹ Ước mơ HD SAISON.



Hơn nữa, số lượng danh mục cho vay trả góp của HD SAISON cũng đứng đầu thị trường, từ các sản phẩm điện máy, xe ô tô, tài nhe, cho tới các dịch vụ như tổ chức tiệc cưới, đi du lịch, học tập... Năm 2019, HD SAISON đã hợp tác với VietjetAir trở thành công ty tài chính đầu tiên ra mắt dịch vụ cho vay mua vé máy bay tại Việt Nam và nhận được sự ủng hộ tích cực từ người tiêu dùng, đặc biệt là đối tượng khách hàng lần đầu có cơ hội đi máy bay. Có thể nói các sản phẩm, dịch vụ của HD SAISON đã đáp ứng hầu hết các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống của người dân.

HD SAISON hiểu rằng nếu công ty tài chính chỉ quan tâm tới lợi nhuận và thị phần mà bỏ qua các quy định về cho vay và chấp nhận rủi ro cao thì sẽ dẫn đến hệ lụy kép là khách hàng có thể mất khả năng chi trả và nợ xấu của công ty sẽ tăng mạnh. Do đó, tôn chỉ hoạt động của HD SAISON là "Cho vay có trách nhiệm", luôn thấm đẫm kỷ luật bảo đảm vay trả góp, không trở thành gánh nặng tài chính cho khách hàng mà là một phương thức mua sắm hiện đại. HD SAISON cũng tự hào là công ty tài chính có phương thức thu hồi nợ chuẩn mực, văn minh và lịch sự.

4

BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

78 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

88 ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

happy
digital banking!

CÔNG NGHỆ CHUYỂN MÌNH
HOÀN THIỆN TIỆN ÍCH



**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

**THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG
NĂM 2019**

Năm 2019, mặc dù đối diện với nhiều khó khăn, thách thức từ diễn biến phức tạp, xung đột của khu vực và thế giới, tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu giảm, những tác động tiêu cực do thiên tai, dịch bệnh, những kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt được những chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, là năm thứ hai có tốc độ tăng trưởng khá, đạt đồng bộ các mục tiêu tổng quát đã được Quốc hội đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP đạt 7,02%, lạm phát đạt 2,79% và bội chi ngân sách đạt 3,4% GDP, vượt toàn bộ 12/12 chỉ tiêu đề ra.

Với định hướng đường dẫn của Hội đồng Quản trị và sự quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên, năm 2019, HDBank đã hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ trong mục tiêu chiến lược 05 năm 2017 - 2021 với những thành tựu nổi bật:

- HDBank được bình chọn trong Top 10 Doanh nghiệp niềm yết thuộc nhóm vốn hóa lớn có Báo cáo thường niên xuất sắc nhất và Top 10 Doanh nghiệp Thương mại - Dịch vụ bền vững của Việt Nam;



- HDBank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất được Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vinh danh qua giải thưởng Green Deal Award và được Ngân hàng Phát triển Hà Lan (FMO) cấp hạn mức 40 triệu USD để tài trợ cho các dự án xanh;
- HDBank đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro và được Ngân hàng Nhà nước công nhận đạt chuẩn Basel II về an toàn vốn trước thời hạn quy định;
- Thay đổi hệ thống Website bằng công nghệ hiện đại giúp nâng cao tính tương tác cho người dùng;
- Thực thi chiến lược nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng trên nền tảng kỹ thuật số, HDBank đã dẫn đầu trong một số nghiệp vụ để đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ ngân hàng bằng việc cho ra mắt ứng dụng HDBank mBanking mới với giao diện hiện đại, thân thiện, đem lại cho khách hàng những trải nghiệm mới với tốc độ xử lý giao dịch một cách nhanh chóng. Đồng thời việc chuyển đổi hệ thống thẻ sang W4Y4 giúp quá trình chuyển đổi số của HDBank diễn ra thuận tiện và nhanh chóng hơn;
- Khai trương Văn phòng đại diện đầu tiên ở nước ngoài đặt tại thành phố Yangon, Myanmar;
- Đạt tiêu chuẩn bảo mật ISO 27001:2013 làm nền tảng cho việc quản lý và kiểm soát an toàn bảo mật thông tin tại Ngân hàng;
- Đạt 17 giải thưởng lớn, uy tín trong và ngoài nước, 41 danh hiệu thi đua khen thưởng cấp nhà nước và ngành.



Đàn lãnh đạo HDBank tại hội nghị Tổng kết năm 2019 và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020.

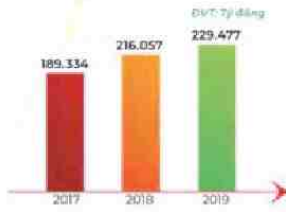


Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi lễ khai trương Văn phòng đại diện HDBank tại Myanmar.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

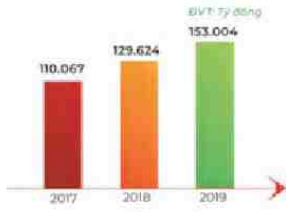
Tổng tài sản

Năm 2019, quy mô tổng tài sản HDBank đạt 229.477 tỷ đồng. Tài sản của HDBank tiếp tục tăng trưởng với cấu trúc bền vững nhờ sự đóng góp tích cực của các hoạt động kinh doanh cốt lõi, trong đó tổng dư nợ tín dụng tăng 18,0% so với năm 2018. Nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, trong năm, HDBank có cấu tài sản theo hướng tăng tỷ trọng các tài sản sinh lợi chiếm 92,0%. Chiến lược tăng trưởng hiệu quả đã giúp HDBank trở thành một trong những ngân hàng thương mại có phần lớn tại Việt Nam về tổng tài sản.



Hoạt động tín dụng

Thực hiện theo định hướng 05 lĩnh vực ưu tiên của Ngân hàng Nhà nước và định hình chiến lược trở thành Ngân hàng Xanh trong môi trường hoạt động, HDBank luôn chú trọng đến chương trình phát triển bền vững khi "xanh hóa" dòng tín dụng trong năm 2019. Quy mô tổng dư nợ tín dụng đạt 153.004 tỷ đồng, tăng 18,0% so với năm 2018, trong đó, riêng HDBank đạt 140.422 tỷ đồng và nằm trong định hướng tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nhà nước.



Trong năm, HDBank đã dành khoảng 10.000 tỷ đồng tài trợ cho các dự án điện mặt trời thương mại và điện mặt trời áp mái với tổng quy mô dự án đạt 725 MWp. Ngoài ra, HDBank còn dành riêng 10.000 tỷ đồng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch với mong muốn thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo bước phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng 4.0, đồng thời góp phần kiến tạo một quốc gia khỏe mạnh hơn, hội nhập hơn.

Tài trợ chuỗi đã và đang là dòng sản phẩm khẳng định thương hiệu của HDBank trên thị trường, với nhiều gói giải pháp tài trợ chuỗi khép kín, từ nhà phân phối, đại lý đến nhà cung cấp,

nhà cung ứng của nhiều doanh nghiệp có uy tín và có kênh phân phối trong và ngoài nước (chuỗi công nghiệp phụ trợ, chuỗi chăn nuôi các nhà máy thức ăn gia súc có thương hiệu, cung ứng vật tư nông nghiệp, phân bón, chuỗi phân phối xăng dầu, chuỗi nhà cung ứng siêu thị...) giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng, góp phần định hướng doanh nghiệp Việt Nam theo xu hướng xanh của thế giới, giảm khí thải ra môi trường, nâng cao lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.



Hoạt động huy động

Với định hướng trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, phân khúc khách hàng của HDBank chủ yếu tập trung vào khách hàng cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Quy mô tổng huy động vốn năm 2019 của HDBank đạt 203.869 tỷ đồng, tăng tích cực so với năm 2018.

Để đạt được kết quả trên, bên cạnh việc triển khai các sản phẩm huy động với lãi suất hấp dẫn, HDBank còn mang đến cho khách hàng nhiều trải nghiệm trên các nền tảng công nghệ hiện đại như gửi tiết kiệm online và các chương trình khuyến mãi thay lợi trị ân dành cho khách hàng luôn đồng hành cùng sự phát triển của HDBank. Gói tiết kiệm xanh cùng HDBank tỷ phú, Bách niên - Phát tài, Gửi tiền nhỏ - Lợi ích to, Gửi lại - Lãi cao, 30 năm sinh nhật vàng và các chương trình chăm sóc khách hàng nhân dịp quốc tế phụ nữ, quốc tế thiếu nhi, sinh nhật khách hàng...



Tỷ lệ nợ xấu

Với định hướng chính sách cấp tín dụng thận trọng, hiệu quả, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên nên HDBank kiểm soát tốt các khoản nợ xấu phát sinh cùng với việc triển khai hệ thống nhắc và thu hồi nợ tự động, tỷ lệ nợ xấu năm 2019 đạt 1,4%, trong đó, riêng HDBank đạt 0,98%.



Lợi nhuận trước thuế

Năm 2019 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ của HDBank với lợi nhuận trước thuế đạt 5.018 tỷ đồng, tăng 25,3% so với năm 2018, đây là mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay của HDBank.

Đóng góp vào lợi nhuận năm 2019 của HDBank chủ yếu từ thu nhập lãi tăng mạnh 27,5%, thu dịch vụ tăng 42,8% so với năm 2018, biên lãi thuần (NIM) tăng mạnh từ mức 4,2% cuối năm 2018 lên 4,8% và là một trong những ngân hàng có NIM tốt nhất trên thị trường.

Bên cạnh đó, chi phí hoạt động được kiểm soát tốt, chỉ tăng 14,4% so với năm 2018, thấp hơn nhiều so với mức tăng thu nhập (TOI) 20,6%, tỷ lệ chi phí trên tổng thu nhập thuần (CIR) giảm từ 47,0% năm 2018 xuống còn 44,6% trong năm 2019.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng được kiểm soát ở mức thấp nhờ chất lượng tài sản thuộc nhóm tốt nhất toàn ngành.



Tỷ lệ an toàn vốn

Năm 2019, HDBank đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là một trong những ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước công nhận đạt chuẩn Basel II về an toàn toàn vốn trước thời hạn quy định. Tỷ lệ an toàn vốn năm 2019 của HDBank đạt 11,2%, cao hơn mức tối thiểu 8,0% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Hoạt động quản lý nguồn vốn và kinh doanh, đầu tư trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn

Hoạt động quản lý nguồn vốn và thanh khoản đã đảm bảo được các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thanh khoản và khả năng chi trả của HDBank và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Hoạt động kinh doanh và đầu tư trên thị trường tiền tệ, ngoại hối và thị trường vốn của HDBank trong năm 2019 tiếp tục đạt được nhiều thành công, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. HDBank là đối tác lớn trong giao dịch nguồn vốn, góp phần nâng cao tính thanh khoản và phát triển thị trường. Hoạt động kinh doanh ngoại hối đã đạt ưu được các hạn mức với các đối tác trên thị trường, đặc biệt là các

đối tác giao dịch lớn trên thị trường trong nước và quốc tế, tiếp tục duy trì vị thế Top 10 thành viên lớn nhất trong giao dịch trái phiếu chính phủ. Các sản phẩm dịch vụ khá đa dạng và đầy đủ, đặc biệt là đã triển khai được các sản phẩm phái sinh hiện đại. Thông qua các hoạt động kinh doanh hiệu quả, HDBank đã nâng cao được uy tín, hình ảnh và mức độ ảnh hưởng trên thị trường tiền tệ, ngoại hối và thị trường vốn, được đối tác đánh giá tốt và tin cậy, tạo tiền đề cho việc tiếp tục khẳng định và phát triển trong những năm tiếp theo.

Ngân hàng Số HDBank

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tạo ra những thay đổi rõ rệt trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, đặc biệt làm thay đổi kênh phân phối và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng truyền thống. Nhận diện được cơ hội và thách thức, năm 2019, HDBank đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào thực tiễn quản trị hoạt động, phát triển kinh doanh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. HDBank đi đầu trong một số nghiệp vụ để đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ ngân hàng. Với nền tảng hơn 40 triệu khách hàng trong hệ sinh thái đa dạng, việc ứng dụng công nghệ giúp HDBank tiếp cận từng cá nhân dựa trên nền tảng Big Data, nắm bắt nhu cầu giao dịch ngân hàng, tiêu dùng của từng khách hàng, từ đó cung cấp những giải pháp về sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất.

Người dùng được đảm bảo an toàn, bảo mật, tốc độ xử lý nhanh, rút ngắn thời gian nhờ ứng dụng công nghệ hiện đại như trợ lý ảo (chatbot), Face ID, sinh trắc học dấu vân tay để đăng nhập Mobile Banking; bảo mật thông qua mã PIN trên ứng dụng... Trong tháng 09/2019, HDBank khai trương Ngân hàng Số 24/7 nhằm mang đến những trải nghiệm và gia tăng giá trị, tiện ích cho khách hàng sử dụng các dịch vụ trong hệ sinh thái đa dạng.

Bên cạnh việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ công nghệ đến khách hàng, HDBank triển khai tự động hóa trong hoạt động ngân hàng: nghiên cứu công nghệ tự động hóa RPA (Robotic process automation), triển khai hệ thống trình ký và phê duyệt trực tuyến để giảm thiểu các thao tác thủ công, nâng cao chất lượng dịch vụ và cải thiện môi trường hoạt động theo mục tiêu Ngân hàng Xanh.



Hoạt động thẻ và ngân Hàng Điện tử

Năm 2019, HDBank đã chuyển đổi thành công hệ thống thẻ (CMS) giúp nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của HDBank trong giai đoạn mới cũng như nâng cao tính bảo mật thẻ theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước, gia tăng tính tiện lợi trong thanh toán thẻ. Trong năm, HDBank triển khai các sản phẩm thẻ mới và dịch vụ eStatement và ePIN cùng các tiện ích thẻ như trả góp qua thẻ tín dụng, chương trình tích lũy điểm thưởng hoàn tiền tự động... cũng với các chương trình khuyến mãi tại các đối tác lớn như Nguyễn Kim, Cơm rơm chiều phim Galaxy, và các trang thương mại điện tử lớn như Lazada, Shopee, Tiki.

Đối với khách hàng trong hệ sinh thái, HDBank phối hợp với Vietjet Air triển khai ứng dụng Vietjet SkyClub phục vụ cho khách hàng gia tăng kênh tiền chi thanh toán và máy bay, triển khai chương trình Cashback dành riêng cho chủ thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu HDBank – Vietjet.

Năm bắt đầu xu hướng ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng, HDBank đã luôn nỗ lực cải tiến tập trung phát triển dịch vụ Ngân hàng điện tử. Năm 2019 là cột mốc đánh dấu sự đổi mới của HDBank mBanking. Với nhu cầu tích hợp các tiện ích vào điện thoại, HDBank đã cho ra mắt ứng dụng HDBank mBanking mới với giao diện hiện đại, thân thiện với người dùng, đem lại cho khách hàng những trải nghiệm với tốc độ xử lý giao dịch một cách nhanh chóng. Năm 2019, đồng hành với việc ra mắt ứng dụng điện thoại HDBank mBanking mới, HDBank cũng triển khai nhiều chương trình khuyến mãi thu hút khách hàng, như "Tải App liền tay - Nhận ngay ưu đãi", "Tải HDBank mBanking - Vì vụ Có Trốn". Các chương trình diễn ra liên tục trong năm, đã đang hấp dẫn dành cho cả khách hàng nội bộ và bên ngoài với tổng số tiền gửi trực tuyến đạt hơn 600 tỷ đồng hàng tháng.



Nơi làm việc hạnh phúc

Năm 2019, HDBank là ngân hàng duy nhất của Việt Nam tiếp tục được Tổ chức HR Asia bình chọn là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất châu Á trong 02 năm liên tiếp. Được đánh giá cao về môi trường làm việc, lộ trình thăng tiến và chế độ đãi ngộ, HDBank được ví như một ngôi nhà thứ hai của mỗi cán bộ nhân viên. Với thu nhập luôn ổn định và hàng loạt các chính sách, chế độ phúc lợi như ưu đãi lãi suất cho vay, cho vay tín chấp, bảo hiểm sức khỏe, tai nạn, chăm sóc sức khỏe y tế qua chương trình liên kết khám chữa bệnh tại các bệnh viện uy tín,... đã nâng cao mức độ hài lòng và mong muốn gắn bó lâu dài của cán bộ nhân viên.



Biểu thị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh Nguyễn Thiện Nhân phát biểu tại Lễ Kỷ niệm 30 năm thành lập HDBank.



Trong năm, HDBank tổ chức nhiều hoạt động nội bộ với mục đích gắn kết cán bộ nhân viên thành một ngôi nhà hạnh phúc với hàng loạt các chương trình đồng hành cùng đơn vị kinh doanh, teambuilding, Sao Mai HDBank,... đã thu hút đông đảo cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống tham gia.

Công tác đào tạo của HDBank cũng luôn được quan tâm và chú trọng, bên cạnh việc thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo từ cơ bản đến nâng cao, tiếp tục duy trì các chương trình đào tạo lớn như: Cán bộ nguồn, Học giống lãnh đạo, đào tạo trực tuyến, thi online,... nhằm giúp cán

bộ nhân viên tham gia được nhiều chương trình đào tạo, học tập phát triển bản thân một cách thuận lợi nhất nhưng không ảnh hưởng đến thời gian làm việc, nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự trong thời đại công nghệ, nhân sự công nghệ thông tin của HDBank được tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước, tham quan thực tế các mô hình hoạt động dựa trên thành quả phát triển công nghệ tại các nước tiên tiến, đồng thời thực hiện các lớp đào tạo nhận thức về công nghệ cho toàn hệ thống.

Vận hành xanh

Với định hướng tối ưu hóa chi phí vận hành, nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát tốt rủi ro, trong năm 2019, công tác vận hành của HDBank tiếp tục duy trì hoạt động theo mô hình quản lý tập trung, tự động hóa các quy trình, giảm thủ tục, giấy tờ, tiết kiệm giấy, điện nước, đáp ứng tốt theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Chất lượng dịch vụ có nhiều thay đổi mạnh mẽ, dịch vụ thanh toán quốc tế trở thành một trong những hoạt động mũi nhọn, mang lại nguồn thu lớn và được các ngân hàng lớn, có uy tín trên thế giới như JP Morgan Chase trao tặng nhiều giải thưởng quốc tế. Trong đó liên tiếp 02 năm liên HDBank nhận giải thưởng Ngân hàng Thực hiện Điện thành toán Chuẩn, góp phần khẳng định chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế HDBank cùng nền tảng công nghệ hiện đại. Các giao dịch thanh toán quốc tế của khách hàng qua hệ thống HDBank được phục vụ nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm thiểu rủi ro. Trong năm 2019, HDBank đã đang hòa các kênh tiếp nhận khách hàng VIP và khách hàng thông thường, phát triển chương trình chăm sóc khách hàng và giới thiệu sản phẩm dịch vụ.

Chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, triển khai các phần mềm nhằm giảm thủ tục giấy tờ, rút ngắn thời gian xử lý. Từng bước hoàn thành kho cơ sở dữ liệu thông tin thị trường về giá, thông tin quy hoạch, địa chính, ứng dụng xem nhanh giá sơ bộ để phục vụ cho công tác thẩm định, triển khai thành công mô hình front - back trên tablet, ứng dụng bản đồ giả, biểu đồ giả. Năm 2019, HDBank triển khai thành công hệ thống thẩm định tín dụng tự động góp phần đẩy nhanh quá trình cấp tín dụng, tăng khả năng cạnh tranh, giúp khách hàng tiếp cận nhanh các khoản vay tín dụng với giá trị thấp nhất do chi phí vận hành đã được tối ưu hóa.



Bên cạnh các sản phẩm, dịch vụ mang đậm dấu ấn của một ngân hàng xanh, để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, năm 2019 HDBank triển khai chương trình "Văn phòng Xanh" nhằm tạo môi trường làm việc thân thiện, xanh sạch đẹp và lồng ghép việc thực hiện 5S thành một phần không thể thiếu trong văn hóa làm việc tại HDBank, góp phần vào quá trình xây dựng và giữ vững hình ảnh, thương hiệu của HDBank.



An toàn, bảo mật thông tin khách hàng và kiểm soát tốt rủi ro hoạt động

Với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, năm 2019 HDBank tiên phong áp dụng các chuẩn mực quốc tế tốt nhất về quản trị và là một trong những ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho áp dụng tiêu chuẩn Basel II trước thời hạn. Với hệ số CAR theo Basel II đạt 11,2%, cao hơn mức tối thiểu 8,0% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Bên cạnh đó, công tác quản lý rủi ro và kiểm soát an toàn bảo mật thông tin của khách hàng được HDBank triển khai theo hướng tự động hóa nhằm phát hiện kịp thời và cảnh báo sớm các rủi ro hoạt động. Khung quản trị rủi ro hoạt động của HDBank không những tuân thủ tốt các quy định của Ngân hàng Nhà nước, tiệm cận nhanh hơn với các chuẩn mực Quốc tế mà còn là một môi trường trải nghiệm dịch vụ tin tưởng của khách hàng khi đến giao dịch tại HDBank. Năm 2019, HDBank đạt tiêu chuẩn bảo mật ISO 27001:2013 làm nền tảng vững chắc cho việc bảo mật an toàn thông tin khách hàng, thông tin thanh toán thẻ.

**ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG
NĂM 2020**

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2020 được nhiều tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới và Quỹ tiền tệ Quốc tế dự báo đối diện nhiều thách thức. Cảng thông thương mại Mỹ - Trung Quốc chưa hoàn toàn chấm dứt. Đại dịch Covid-19 đã lây lan nhanh chóng ra nhiều quốc gia trên thế giới, buộc Chính phủ các nước phải ban bố các biện pháp để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất, thương mại, du lịch, đầu tư và nhu cầu tiêu dùng trên thế giới. Ngân hàng Trung ương nhiều quốc gia buộc phải nới lỏng chính sách tiền tệ và triển khai các gói hỗ trợ kinh tế quy mô lớn nhằm giảm bớt tác động của dịch bệnh, ngăn đà suy thoái.

Tại Việt Nam, Chính phủ và các cơ quan chức năng đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nhanh chóng kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo đời sống của người dân và hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Là nền kinh tế có độ mở cao, gắn kết ngày một chặt chẽ với chuỗi cung ứng toàn cầu, dịch bệnh Covid-19 và thách thức từ môi trường bên ngoài nêu trên sẽ tác động nhất định tới kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh đó, HDBank kiên định thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra theo chiến lược phát triển 2017-2021, cụ thể như sau:

**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ
NĂM 2020**

- Mở rộng quy mô, mạng lưới đi kèm với nâng cao hiệu quả hoạt động, chú trọng doanh thu phí dịch vụ. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và các chỉ số tài chính theo chiến lược cam kết với nhà đầu tư, đẩy mạnh thương hiệu HDBank trên thị trường tài chính - ngân hàng trong nước và quốc tế;
- Tập trung huy động vốn dân cư, tổ chức kinh tế, chủ trọng CASA để tăng huy động tại thị trường 1, ổn định nguồn vốn kinh doanh, đáp ứng yêu cầu thanh khoản; đảm bảo vốn tự có để duy trì hệ số CAR theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Basel II;
- Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi ngân hàng số trong thời đại 4.0, từ quy trình nội bộ cho tới sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng và thị trường;
- Tiếp tục phát huy lợi thế ngân hàng xanh, tập trung khai thác tốt khách hàng hệ sinh thái và tái tạo chuỗi để phát triển thành sản phẩm dịch vụ đặc thù thương hiệu của HDBank;
- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương nâng cao trách nhiệm người dùng đầu, tiếp tục xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực kế thừa để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của HDBank.



- Tích cực tham gia tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam, thực hiện chương trình tái cơ cấu, mua bán, sáp nhập Ngân hàng theo kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Tiếp tục duy trì HD SAISON là công ty tài chính tiêu dùng lớn nhất tại Việt Nam, hoạt động hiệu quả an toàn, dẫn đầu thị trường về hệ thống mạng lưới và số lượng khách hàng.



Chủ tịch Quốc hội đến thăm và làm việc tại Hội sở HDBank

**MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG
KẾ HOẠCH KINH DOANH
TRUNG VÀ DÀI HẠN**

Năm 2020 là năm thứ tư HDBank thực hiện chiến lược 05 năm (2017 - 2021), với mục tiêu đạt vị thế dẫn đầu trong hệ thống Ngân hàng thương mại có phần Việt Nam, hiện diện tại Khu vực Đông Nam Á. Chiến lược của HDBank tập trung vào các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững, phát triển vì sự hạnh phúc của khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông, cán bộ nhân viên và cộng đồng. Các mục tiêu được triển khai cụ thể:

- Tiếp cận thị trường vốn trong nước và nước ngoài;
 - Tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
 - Công khai, minh bạch thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng, chống rửa tiền và phù hợp với tiêu chuẩn Basel II;
 - Xây dựng ngân hàng số đa năng, hiện đại, chuyển đổi mô hình hoạt động sang sử dụng công nghệ nhằm giảm thiểu thời gian thao tác, thủ tục, giấy tờ, bắt nhịp cùng xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế;
 - Xây dựng ngôi nhà hạnh phúc cho mỗi cán bộ nhân viên với môi trường làm việc lý tưởng, thân thiện với môi trường;
 - Tăng trưởng kinh doanh kết hợp với phát triển xã hội, môi trường nhằm đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.
- Tập trung phát triển phân khúc khách hàng bán lẻ, SME và tài chính tiêu dùng;
 - Không ngừng gia tăng thị phần thông qua việc phát triển hệ thống mạng lưới và cơ sở khách hàng;
 - Đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là các sản phẩm, dịch vụ xanh, thỏa mãn tối đa sự hài lòng của khách hàng;

HỢP LỰC KHÁT VỌNG
VƯỢT TRỘI THÀNH CÔNG



5

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

106 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

108 ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã bám sát định hướng hoạt động mà Đại hội đồng Cổ đông thông qua; thực hiện vai trò chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh, đảm bảo Ngân hàng phát triển ổn định và an toàn.

HĐBank đã hoàn thành tốt kế hoạch trình tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019, trong đó:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 5.016 tỷ đồng, tăng 25,3% so với năm 2019 và hoàn thành 98,9% kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông giao;
- Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng mẹ (không bao gồm phần lợi nhuận chuyển về từ HD SAISON) đạt 4.259 tỷ đồng;
- Tổng nguồn vốn huy động đạt 203.869 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 229.477 tỷ đồng;
- Tín dụng tăng trưởng đạt 18,0%, phù hợp với chỉ tiêu được Ngân hàng Nhà nước giao

VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG

Trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông về việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển HĐBank, Hội đồng Quản trị đã nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng và đưa ra những quyết định trích hợp, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để phát triển, nâng cao vị thế Ngân hàng, mở rộng mối quan hệ với các đối tác. Kết quả thu được cụ thể như sau:

- Tháng 1 năm 2019, cổ phiếu HĐBank (mã cổ phiếu: HDB) đã được chọn vào chỉ số VN30 - tập hợp 30 cổ phiếu tốt nhất tại 50 giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE);
- Năm 2019, HĐBank tiếp tục thực hiện chương trình tài chính cho vay, mua bán, sáp nhập Ngân hàng theo kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Về công tác quản lý rủi ro: HĐBank đã hoàn thành các công tác triển khai Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước về việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ. HĐBank đã hoàn thành trước thời hạn việc áp dụng Thông tư 41 của Ngân hàng Nhà nước về việc áp dụng tính toán, quản lý chỉ số an toàn vốn CAR trở thành một trong 10 ngân hàng Việt Nam đầu tiên triển khai áp dụng Basel II. HĐBank cũng đã xây dựng thành công hệ thống quản lý an toàn, bảo mật về công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2013

và tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, có rủi ro được kiểm soát tốt và hiệu quả cao như nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn, năng lượng tái tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng mẹ được kiểm soát ở mức 0,98%, thuộc nhóm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất toàn ngành. Thêm vào đó, năng suất lao động của Ngân hàng gia tăng mạnh mẽ trong khi chi phí hoạt động được kiểm soát hiệu quả, đời sống người lao động được đảm bảo, với mức thu nhập tiếp tục tăng;
- Ngân hàng cũng đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà nước gần 1.000 tỷ đồng.

và tuân thủ theo Thông tư 18 của Ngân hàng Nhà nước về hệ thống công nghệ thông tin;

- Với chiến lược xây dựng ngân hàng số đã nâng, hiện đại, bắt nhịp cùng những xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế, HĐBank tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số. Ngân hàng đã và đang triển khai nhiều chương trình cụ thể nhằm phát triển kênh giao dịch điện tử, nâng cao trải nghiệm cho người dùng cũng như thiết lập các kết nối mở nhằm hỗ trợ khai thác hệ sinh thái khách hàng. HĐBank đã cập nhật, đón đầu xu hướng chuyển đổi số để trở thành một ngân hàng năng động, hiện đại, tích hợp mọi kênh số hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của một số chức năng dùng hàng đầu về bản lẻ, tài chính tiêu dùng và SME;
- Về chính sách nhân sự: HĐBank nỗ lực trong việc hoàn thiện mô hình tổ chức nhân sự, ổn định nhân sự và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo cơ sở vững chắc, an toàn cho sự tăng trưởng nhanh về quy mô của Ngân hàng. HĐBank cũng đã và đang hoàn thiện chế độ lương, thưởng nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân sự chất lượng cao gắn bó với HĐBank, hướng tới mục tiêu "Cảm kết lợi ích cao nhất" cho mỗi cán bộ nhân viên và phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng thuộc Top dẫn đầu trả lương cao nhất trong hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam.

VỀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Trong năm 2019, bên cạnh các phong trào thi đua trong hoạt động kinh doanh, HĐBank đã triển khai một chuỗi các hoạt động phong trào nội bộ hướng đến kỷ niệm 30 năm thành lập HĐBank (04/01/1990 - 04/01/2020) như Sao Mai HĐBank, Văn phòng Xanh,... thu hút sự tham gia của nhiều cá nhân, tập thể cán bộ nhân viên Ngân hàng.
- Năm 2019 là năm thứ 9 liên tiếp HĐBank đồng hành cùng Giải Cờ vua Quốc tế HĐBank. Đây là Giải Cờ vua duy nhất tại Việt Nam có quy mô, chất lượng tầm châu lục. Đồng thời, năm 2019 cũng lần đầu tiên HĐBank tài trợ kim cương cho Giải Futsal Vô địch Quốc gia và Giải Futsal Cup Quốc gia là năm thứ hai đồng hành cùng Giải Futsal Vô địch Đông Nam Á. Với việc sát cánh cùng các mùa giải cờ vua và bóng đá Futsal, HĐBank đã đóng góp tích cực để phát triển bộ môn thể thao trí tuệ và bộ môn thể thao phù hợp với thể chất người Việt Nam;
- Tiếp nối truyền thống tương thân tương ái đã trở thành nét văn hóa doanh nghiệp đặc sắc, năm 2019, HĐBank tiếp tục đồng hành cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện 1100 ca phẫu thuật mắt miễn phí cho bệnh nhân nghèo đục thủy tinh thể có hoàn cảnh

khó khăn. Ngân hàng cũng đã tặng 7.400 thẻ bảo hiểm y tế cho Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh và Quỹ vì người nghèo Thành phố Hồ Chí Minh cùng 1.000 suất học bổng cho Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam; trao kính phí xây 05 căn nhà tình thương trên cả nước; tổ chức hoạt động hiến máu nhân đạo thường niên. Bên cạnh đó, HĐBank cũng thường xuyên tổ chức các chuyến thăm và tặng quà cho người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc đời sống tinh thần cho những hoàn cảnh kém may mắn tại các trung tâm bảo trợ xã hội; hỗ trợ xây cầu, nhà tình thương tại nhiều địa phương trên cả nước.

• Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành: Trong năm 2019, Ban Điều hành đã hoàn thành tốt các kế hoạch, mục tiêu tài chính đề ra trong năm như duy trì tăng trưởng tổng tài sản, đẩy mạnh hoạt động tín dụng, huy động tiền gửi, đảm bảo thanh khoản, an toàn vốn và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu. Các thành viên trong Ban Điều hành đã phát huy tinh thần gương mẫu, trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết người lao động trong các hoạt động của Ngân hàng.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2020 được dự báo tăng trưởng chậm lại cùng với ảnh hưởng của dịch Covid-19 tới đời sống người dân và "sức khỏe" nhiều doanh nghiệp, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động. Do vậy, Hội đồng Quản trị định hướng các chương trình hoạt động như sau:

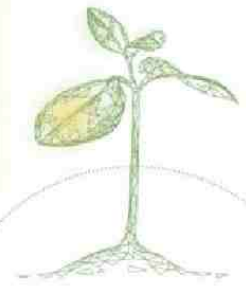
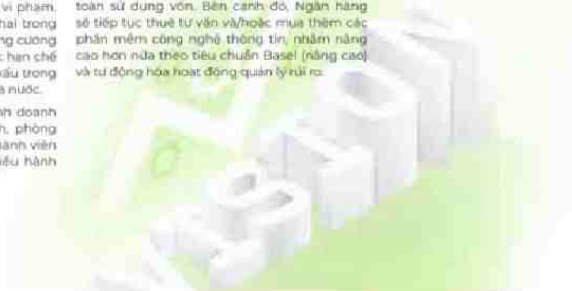
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tiếp tục kinh doanh theo nguyên tắc "Tăng trưởng bền vững, tín dụng hiệu quả, lợi nhuận tối ưu". Đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng bán lẻ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi Ngân hàng Số.



TỔ CHỨC QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

- Đảm bảo chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động Ngân hàng, nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ, điều hành và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm hạn chế các vi phạm. Tăng cường tính minh bạch, công khai trong hoạt động của Ngân hàng. Tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro và xử lý nợ xấu hạn chế tối đa rủi ro tín dụng, duy trì tỷ lệ nợ xấu trong phạm vi cho phép của Ngân hàng Nhà nước.
- Hoàn thiện mô hình tổ chức và kinh doanh Ngân hàng cũng như các chi nhánh, phòng giao dịch, các công ty con, công ty thành viên theo hướng quản trị tập trung và điều hành phân cấp.
- Tiếp tục triển khai công tác quản lý, duy trì chỉ số CAR (ICAAP) sẽ có hiệu lực từ 01/01/2021, nhằm đảm bảo CAR luôn cao hơn mức luật định và ở mức phù hợp giữa hiệu quả và an toàn sử dụng vốn. Bên cạnh đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục thuê tư vấn và/hoặc mua thêm các phần mềm công nghệ thông tin, nhằm nâng cao hơn nữa theo tiêu chuẩn Basel (nâng cao) và tự động hóa hoạt động quản trị rủi ro.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Xây dựng chương trình quy hoạch nhân sự kế thừa tổng thể, hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến cho từng chức danh, xây dựng cơ chế lương mới theo hướng lương gắn với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xứng tầm một Ngân hàng niêm yết trong Top dẫn đầu.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - CHUYỂN ĐỔI NGÂN HÀNG SỐ

Phát triển mạnh công nghệ thông tin nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử tiên tiến nhất, an toàn nhất, tiện lợi và văn minh; xây dựng ngân hàng số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và vận hành Ngân hàng. Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình số hóa nhằm nâng cao năng suất và giảm chi phí hoạt động. Xây dựng đội ngũ nhân lực có tư duy số nhằm chuẩn bị cho những bước đi mạnh mẽ hơn nữa trong việc chuyển đổi ngân hàng số trong những năm tới tạo ra được sự đột phá từ những cơ hội của nền kinh tế thông qua ứng dụng công nghệ vào thực tiễn quản trị hoạt động, phát triển kinh doanh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC, MỞ RỘNG QUY MÔ

Tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu, mở rộng quy mô ngân hàng, củng cố, gia tăng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Tiếp tục thực hiện các chương trình, công tác xã hội thể hiện trách nhiệm của HDBank với cộng đồng.

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của hoạt động Quan hệ nhà đầu tư, tạo điều kiện tốt nhất cho cổ đông và nhà đầu tư trong việc tìm hiểu, trao đổi thông tin với Ngân hàng, đảm bảo tính kịp thời khi tiếp nhận và cung cấp thông tin đến các cổ đông, nhà đầu tư, đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin đến tất cả các bên có liên quan.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Giữ vững và phát triển thương hiệu HDBank thông qua chất lượng sản phẩm dịch vụ vượt trội, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thân thiện với khách hàng, kết hợp với các hoạt động quảng bá, truyền thông phù hợp.

THẤU HIỂU MỤC TIÊU HOÀN THIỆN GIẢI PHÁP

6

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

100 TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

122 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN
TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

156 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

162 KIỂM TOÁN NỘI BỘ

166 PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

172 QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CỔ ĐÔNG





TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Hệ thống quản trị ngân hàng là nền tảng và yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả quản lý và vận hành của một ngân hàng. Tại HDBank, hệ thống quản trị ngân hàng được xây dựng khoa học và chặt chẽ, tuân thủ cao nhất các quy định của Pháp luật Việt Nam và tiệm cận các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại trên thế giới. Hệ thống quản trị ngân hàng khoa học và chặt chẽ giúp đảm bảo công tác điều hành nhất quán và linh hoạt, theo sát tình hình thực tế, thống suốt và hiệu quả, giúp ngân hàng hoạt động an toàn, bền vững và đem lại giá trị cam kết với cổ đông, khách hàng, các đối tác, cán bộ nhân viên và cộng đồng.

CÁC NGUYÊN TẮC TRỌNG YẾU TRONG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA HDBANK

- Tuân thủ các quy định có liên quan đến Pháp luật và Điều lệ HDBank;
- Đảm bảo cơ cấu quản trị, điều hành Ngân hàng hiệu quả, đề cao trách nhiệm giải trình và hướng tới chuẩn mực quốc tế tốt nhất;
- Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông;
- Ngân hàng xung đột lợi ích;
- Công khai, minh bạch trong hoạt động của HDBank.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

HDBank kiên quyết tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong mọi hoạt động của Ngân hàng, thường xuyên cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế nhằm kịp thời tuân thủ các quy định Pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân hàng như Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ HDBank nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh. Trong đó, Ngân hàng ban hành đầy đủ các văn bản phân định trách nhiệm rõ ràng cụ thể từ Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị tới Ban Điều hành và các đơn vị kinh doanh, đồng thời giám sát chặt chẽ việc tuân thủ Pháp luật và các quy định của Ngân hàng của từng cá nhân. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro hoạt động và rủi ro liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên, gắn liền với công tác đào tạo, tuyên truyền, giám sát luôn được ưu tiên thực hiện.



ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI HỢP PHÁP CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

Công khai, minh bạch trong hoạt động của HDBank. Đối với HDBank, quyền và lợi ích của cổ đông luôn là ưu tiên hàng đầu trong quản trị ngân hàng. Các hoạt động quản hệ cổ đông luôn được chú trọng với yêu cầu đảm bảo thông tin minh bạch, đầy đủ, kịp thời, giúp cổ đông hiểu rõ hoạt động của Ngân hàng và các quyền lợi của cổ đông. Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin nhằm nắm bắt và phản hồi kịp thời các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cổ đông và nhà đầu tư, qua đó củng cố mối liên kết bền chặt giữa HDBank và cổ đông.

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

Các cổ đông của HDBank luôn được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, trong đó bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. HDBank đảm bảo cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Ngân hàng và của các cổ đông khác.

NGÂN HÀNG XUNG ĐỘT LỢI ÍCH, ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA NHỮNG NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN HDBANK

Cơ cấu quản trị tại HDBank tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng về trách nhiệm giải trình và ngân hàng các xung đột về quyền lợi, bao gồm giao dịch với cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.

HDBank cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng, các quy định Pháp luật về lao động, môi trường và xã hội. Đối với người lao động, quy chế trả lương và hệ thống bảng lương của HDBank được xây dựng dựa trên kết quả lao động thực tế và xứng đáng với từng nhân viên, phù hợp với tình hình kinh doanh của Ngân hàng và thị trường, chiến lược phát triển nguồn lực của HDBank. Chính sách lương công bằng, minh bạch của HDBank tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành của Pháp luật đối với người lao động, tạo điều kiện tối ưu cho mỗi nhân viên tại HDBank phát huy năng suất lao động, nâng cao lợi thế cạnh tranh, thu hút nguồn lực trong thị trường lao động hiện nay. Mỗi nhân viên HDBank đều được tôn trọng, lắng nghe và có quyền tham gia đề xuất, kiến nghị trong việc xây dựng và phát triển HDBank. Mọi nhân viên đều có cơ hội như nhau trong hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng và cơ hội thăng tiến.

HDBank luôn tin tưởng rằng sự tăng trưởng kinh tế cần đi đôi với trách nhiệm của Ngân hàng đối với xã hội và cộng đồng. HDBank cam kết tiếp tục triển khai sâu rộng trên cả nước các chương trình thiện nguyện ý nghĩa nhằm hỗ trợ kịp thời những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương và cần sự quan tâm hỗ trợ của cộng đồng. Các hoạt động xã hội thường niên sẽ luôn được duy trì, đẩy mạnh và trở thành văn hóa truyền thống tốt đẹp của HDBank.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU, THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của HDBank hiện gồm 08 thành viên. Trong năm 2019, có 01 thành viên Hội đồng Quản trị từ nhiệm. Cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0,00%	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sava Việt Nam (Vinamitk)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị	3,67%	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sovico Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0,28%	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	0,00%	Không
Ông Nguyễn Hữu Động	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	2,70%	Thành viên Hội đồng Quản trị HD SAISON
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,00%	Không
Ông Chu Việt Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,01%	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Sovico

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác
Ông Lim Peng Khoon	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,00%	Không
Ông Lý Vĩnh Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Từ nhiệm từ ngày 23/04/2019)	0,00%	Không

HDBank tự hào có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, bản lĩnh, cam kết gắn bó lâu dài với Ngân hàng. Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Ngân hàng đảm bảo tuân thủ theo quy định Pháp luật. Theo đó, tại ngày lập báo cáo, 7/8 thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành và 1/8 thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập. Không có thành viên Hội đồng Quản trị nào đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 công ty khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhằm thể hiện sự độc lập và phân định trách nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, tăng trách nhiệm giải trình và nâng cao tính độc lập.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Năm 2019, Hội đồng Quản trị đã có 09 cuộc họp. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019; xây dựng, triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021 theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Ngân hàng và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2018, giám sát,

chỉ đạo việc thực hiện các công việc liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực Basel II vào hoạt động Ngân hàng, các vấn đề liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các nghị quyết được Hội đồng Quản trị thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh một cách hiệu quả. Ngoài ra, trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát với vai trò quan sát viên.

Chi tiết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

TT	Ngày	Nội dung chính	Kết quả
1.	22/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I năm 2019 Vấn đề về Nhân sự của Hội đồng Quản trị Chương trình và nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng Quản trị thống qua: Kết quả kinh doanh Quý I năm 2019 Vấn đề về Nhân sự của Hội đồng Quản trị Chương trình và nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

TT	Ngày	Nội dung chính	Kết quả
2	19/06/2019	Việc chuyển nhượng 2 tài sản	Hội đồng Quản trị thông qua và thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
3	19/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2019 Báo cáo cập nhật tình hình áp dụng, triển khai Basel II 	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng Quản trị thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 Hội đồng Quản trị đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng kinh doanh, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu cả năm 2019 Hội đồng Quản trị thông qua báo cáo cập nhật tình hình áp dụng, triển khai Basel II
4	13/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản Mua lại cổ phiếu HDBank làm cổ phiếu quỹ 	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng Quản trị thông qua: Tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản Mua lại cổ phiếu HDBank làm cổ phiếu quỹ
5	17/10/2019	Tình Hội đồng Quản trị phương án chi tiết mua lại cổ phiếu HDBank làm cổ phiếu quỹ	Hội đồng Quản trị thông qua mua lại cổ phiếu HDBank làm cổ phiếu quỹ
6	13/08/2019	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả kinh doanh đến hết Quý III năm 2019 và Kế hoạch Quý IV năm 2019; Định hướng kinh doanh năm 2020 Báo cáo cập nhật tình hình áp dụng, triển khai Basel II Vấn đề về Nhân sự của Hội đồng Quản trị 	<ul style="list-style-type: none"> Hội đồng Quản trị thông qua: Báo cáo kết quả kinh doanh đến hết Quý III năm 2019 và Kế hoạch Quý IV năm 2019; Định hướng kinh doanh năm 2020 Báo cáo cập nhật tình hình áp dụng, triển khai Basel II Vấn đề về Nhân sự của Hội đồng Quản trị
6A	28/11/2019	Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị về cổ đông, cổ phần	Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị về cổ đông, cổ phần
6B	28/11/2019	Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị và Ủy ban Tin dụng	Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng Quản trị và Ủy ban Tin dụng
7	27/12/2019	Tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản	Hội đồng Quản trị thông qua việc tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản

Theo đó, tình hình tham dự các cuộc họp thường kỳ của các thành viên Hội đồng Quản trị năm 2019 như sau:

TT	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Hội đồng Quản trị	Số buổi họp Hội đồng Quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 22/10/2010	09/09	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 30/06/2005	09/09	100%
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch Chuyên trách Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 03/07/2009	09/09	100%
4	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Bắt đầu 23/04/2017	08/09	88,89%
5	Ông Nguyễn Hữu Đăng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Bắt đầu 31/12/2010	09/09	100%
6	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 26/04/2013	09/09	100%
7	Ông Lâm Peng Khoon	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 25/04/2014	07/09	77,78%
8	Ông Chu Việt Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 25/04/2014	08/09	88,89%

Để tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên tham gia vào các cuộc họp định kỳ của Ban Điều hành để có thể theo dõi sát sao và đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời cho Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị HDBank có 02 thành viên độc lập không điều hành (Ông Lý Vinh Quang – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập từ nhiệm từ ngày 23/04/2019). Theo phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng Quản trị tại Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 02/2017/BH-HĐQT, các thành viên độc lập được phân công phụ trách các mảng công việc phù hợp với khả năng và kinh nghiệm của từng thành viên:

- Ông Nguyễn Thành Đồ – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: thay mặt Hội đồng Quản trị quản lý các hoạt động của khu vực Phía Bắc, làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước.

- Ông Lý Vinh Quang – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Trong thời gian đương nhiệm là Thành viên Hội đồng Quản trị (từ 01/01/2019 đến 23/04/2019), ông Quang tham gia vào Ủy ban Nhân sự với cương vị Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, tham mưu cho Hội đồng Quản trị công tác nhân sự và đào tạo.

Trong năm 2019, thành viên độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị và các ủy ban có liên quan.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Các thành viên đã hoàn thành tốt vai trò giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành nhằm đảm bảo Ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật cũng như Điều lệ của HDBank, phù hợp với chủ trương và định hướng đề ra của Đại hội đồng Cổ đông. Bên cạnh đó, thành viên độc lập còn hoàn thành tốt vai trò tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực phù hợp với chuyên môn.



PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị HDBank có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và tuân thủ với các quy định trong Điều lệ của Ngân hàng, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp cùng các văn bản pháp luật liên quan khác. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị HDBank cần đáp ứng việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- Đảm bảo các hoạt động của Ngân hàng tuân thủ chặt chẽ những quy định của Pháp luật và Điều lệ đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Ngân hàng và tôn trọng lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
- Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục để cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, bao gồm Tiêu chuẩn thành viên, Cách thức đề cử và ứng cử vào các vị trí Thành viên, Cách thức bầu cử Thành viên, Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên và đưa ra thông báo tương ứng.

- Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị, bao gồm các nội dung như: Thông báo họp Hội đồng Quản trị, Điều kiện tổ chức, Cách thức biểu quyết, Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Chi biên bản họp và thông báo các quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Xây dựng các quy trình về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quyền hạn của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ, bao gồm: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc, Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, kỳ họp đồng lao động với Tổng Giám đốc, các trường hợp miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và đưa ra thông báo tương ứng.

- Xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

- Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị và các Thành viên thuộc Ban Điều hành.
- Báo cáo các hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định nội bộ.

Hội đồng Quản trị HDBank đã thống nhất phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

Thành viên Hội đồng Quản trị	Nhiệm vụ
Bà Lê Thị Băng Tâm Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<p>Điều hành, lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động chung của Hội đồng Quản trị; Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của HDBank liên quan đến quản trị, kinh doanh, đối ngoại bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phát triển, định hướng chiến lược kinh doanh trung, dài hạn của HDBank; Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của HDBank; Xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm của Hội đồng Quản trị; Phê duyệt, chỉ đạo các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị; Phụ trách chung về hoạt động của Hội đồng Quản trị, chiến lược phát triển và kế hoạch tài cấu trúc HDBank, cơ cấu tổ chức và nhân sự cấp cao của Ngân hàng; Phụ trách đối ngoại, quan hệ với đối tác chiến lược trong và ngoài nước; Hỗ trợ các hoạt động đầu tư tài chính; Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và Đầu tư, Thành viên Ủy ban Nhân sự.
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Thay mặt Hội đồng Quản trị trực tiếp giải quyết các vấn đề theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Thường trực xử lý các vấn đề hàng ngày thuộc phạm vi trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; Theo dõi, giám sát hoạt động của Ban Điều hành; Chủ tịch Ủy ban Tín dụng, Chủ tịch Ủy ban Nhân sự;
Ông Lưu Đức Khánh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Giúp Hội đồng Quản trị chỉ đạo triển khai phương án chiến lược; Phụ trách dự án tài cấu trúc hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh của HDBank, lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài; Phụ trách hoạt động phát triển mạng lưới; Thành viên Ủy ban Tín dụng, Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro.
Ông Nguyễn Thành Đô Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Phụ trách Khu vực phía Bắc thay mặt Hội đồng Quản trị quản lý các hoạt động Khu vực phía Bắc; Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro.
Ông Nguyễn Hữu Đặng Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	<p>Trực tiếp triển khai thực hiện các lĩnh vực công tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng, trình phê duyệt và giám sát việc tổ chức thực hiện Chiến lược, Kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn của HDBank; Theo dõi, giám sát hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của HDBank; Tổ chức thực hiện các nghị quyết thông qua của Hội đồng Quản trị;

Thành viên Hội đồng Quản trị	Nhiệm vụ
Bà Nguyễn Thị Tâm Thành viên Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Trực tiếp chỉ đạo điều hành hoạt động của HDBank, tổ chức thực hiện các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị trên toàn hệ thống HDBank; Phụ trách việc tổ chức triển khai phương án tài cấu trúc hoạt động của HDBank theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Thành viên của Ủy ban Nhân sự, thành viên Ủy ban Chiến lược và Đầu tư; <p>Phối hợp với các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các công tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Quản trị ngân hàng và nâng cao kỹ năng thực hành quản trị ngân hàng tại HDBank theo quy định Pháp luật và theo chuẩn quốc tế; Quản lý nội bộ HDBank thuộc thẩm quyền; Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro, Thành viên Ủy ban Tín dụng; Chịu trách nhiệm định hướng hoạt động, tổ chức cho Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB), Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế tài chính (CIB); Theo dõi Bảng cân đối Tài sản, các chỉ số hoạt động, chỉ số rủi ro của Hệ thống; Theo dõi hoạt động của Hội đồng ALCO.
Ông Chu Việt Cường Thành viên Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Phụ trách công tác PR & Marketing, IT toàn ngân hàng; Phụ trách công tác công bố thông tin, đầu mối làm việc về cung cấp thông tin cho báo chí, cơ quan ngôn luận khác của Hội đồng Quản trị; Thành viên Ủy ban Công nghệ Ngân hàng.
Ông Lim Peng Khoon Thành viên Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Phụ trách mảng Công nghệ Thông tin toàn hệ thống HDBank; Hỗ trợ xây dựng các chỉ tiêu báo cáo của Ban Điều hành để chuẩn hóa hơn các báo cáo. Đồng thời hỗ trợ xây dựng phương pháp phân tích về số liệu huy động, cho vay, chi phí... để đánh giá hiệu quả các hoạt động của Ngân hàng, xác định hiệu quả kinh doanh của từng Chi nhánh như tính toán các chi phí tài sản cố định; Cố vấn Khối Khách hàng Cá nhân, Khối Văn hành; Chủ tịch Ủy ban Công nghệ Ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Nhân sự và Thư ký Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong quá trình thực hiện đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên trách nhiệm của Hội đồng Quản trị nêu trên và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị theo các chuẩn mực quốc tế.

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Các thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện tuân thủ đầy đủ nhiệm vụ theo quyền hạn, quy định của Điều lệ Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật liên quan và các nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và nêu ý kiến rõ ràng về các vấn đề thảo luận trong cuộc họp. Thành viên chỉ có quyền không tham dự cuộc họp trong các trường hợp bất khả kháng hoặc vì lý do công tác.
- Báo cáo đầy đủ và kịp thời với Hội đồng Quản trị về các khoản thù lao thành viên được nhận từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác, mà thành viên là người đại diện cho phần vốn góp của Ngân hàng.
- Khi thực hiện giao dịch có phiếu của Ngân hàng, các thành viên Hội đồng Quản trị cùng người có liên quan có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời thực hiện việc công bố thông tin về các giao dịch này theo đúng quy định của Pháp luật.
- Thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn một cách trung thực, thận trọng với mục đích vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và của Ngân hàng.



Các thành viên Hội đồng Quản trị HDBank họp Hội đồng năm 2018

Đánh giá chung về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị đã phát huy tốt vai trò và trách nhiệm trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt nhằm kiểm soát, giám sát hoạt động và vận hành hiệu quả mô hình quản trị, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông, hài hòa lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng. Nhờ đó, HDBank đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị của HDBank nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (đồng nghị quyết thường niên và nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra. Đến hết năm 2019, tổng tài sản của Ngân hàng đạt 229.477 tỷ đồng, Dự nợ tín dụng có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 153.004 tỷ đồng, tăng trưởng 18,0%. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 5.018 tỷ đồng, tăng 25,3% so với năm 2018 và tương đương 98,9% kế hoạch.

Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho Hội đồng Quản trị các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: quản trị nhân sự; quản lý rủi ro; hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro; tăng trưởng tín dụng; đề án cải tiến hệ thống công nghệ thông tin; chính sách phát triển vốn... nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và đáp ứng tốt nhu cầu tăng trưởng của HDBank.

Các thành viên Hội đồng Quản trị được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã tích cực, nỗ lực hết mình thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần thành công cho kết quả kinh doanh năm 2019 mà Đại hội đã thông qua. Các thành viên đã phát huy hiệu quả vai trò những người lãnh đạo trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh, hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững. Với kinh nghiệm dày dặn về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, các thành viên Hội đồng Quản trị đã chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề có thẩm quyền, tạo ra môi trường minh bạch, hiệu quả góp phần đảm bảo lợi ích cho cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan. Kết quả của mô hình quản trị minh bạch và hiệu quả đã tạo ra niềm tin cho các cổ đông và nhà đầu tư. Nhờ vậy, cổ phiếu HDBank đã lọt vào Top 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE và vào rõ chỉ số VN30 - tập hợp 30 cổ phiếu tốt nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phát huy hiệu quả vai trò trong việc triển khai các hoạt động của Hội đồng Quản trị, khuyến khích thành viên Hội đồng Quản trị tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị trước năm tài chính nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của cả Ngân hàng.



Chủ tịch Hội đồng Quản trị Lê Thị Hồng Gấm



Tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Hội đồng Quản trị HDBank luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cấp lãnh đạo Ngân hàng tham gia các khóa học, thảo luận liên quan đến hoạt động quản trị ngân hàng theo chuẩn trong nước và quốc tế. Các thành viên Hội đồng Quản trị của HDBank đã từng tham dự một số hội thảo về quản trị Công ty và có nhiều kinh nghiệm quản trị nhiều tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng.

Đánh giá quản trị công ty dựa trên quy định Pháp luật và Thẻ điểm quản trị công ty theo chuẩn quốc tế (ASEAN)

Công tác quản trị doanh nghiệp của HDBank đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật về quản trị doanh nghiệp như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP về Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Thông tư 155/2015/TT-BTC về Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư, quy định khác.

Trong năm, HDBank đã chủ động rà soát công tác quản trị doanh nghiệp với các tiêu chí tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các quy định về quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp quy định của Pháp luật, yêu cầu thực tiễn hoạt động của HDBank và tiệm cận các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại của thế giới.

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là một sáng kiến của diễn đàn thị trường vốn ASEAN (ACMF) với sự hỗ trợ và hợp tác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Đây là một dự án của 6 quốc gia ASEAN (bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) trong nỗ lực xây dựng cộng đồng kinh tế chung ASEAN.

5 lĩnh vực được đánh giá tại thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN: (i) Quyền của cổ đông; (ii) Đối xử công bằng với các cổ đông; (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; (iv) Công bố thông tin và minh bạch; và (v) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị.

Phần A - Quyền cổ đông

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
A.1 Quyền cơ bản của cổ đông			
A.1.1	Trà cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố hoặc sau khi được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.2 Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty			
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty	Tốt	
A.2.2	Cho phép phát hành thêm cổ phiếu	Tốt	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty	Tốt	
A.3 Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết			
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ tục (phi, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
A.3.2	Công ty cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
A.3.5	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành	Tốt	
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.6	Biên bản họp có tường thuật lại câu hỏi của các cổ đông và câu trả lời tương ứng	Tốt	
A.3.7	Công ty có công bố Nghị quyết đại hội bằng tiếng Anh	Tốt	
A.3.8	Trong Nghị quyết/ Biên bản họp nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phân đối và phiếu trắng cho từng mục	Tốt	
A.3.9	Trong Nghị quyết/ Biên bản họp nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phân đối và phiếu trắng cho từng mục	Tốt	
A.3.10	Chủ tịch Hội đồng Quản trị có tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.11	Tổng Giám đốc có tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.12	Trường ban kiểm soát có tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.13	Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông gần nhất ở địa điểm dễ tới	Tốt	
A.3.14	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt	Tốt	
A.3.15	Tất cả các nghị quyết ở Đại hội đồng cổ đông đều được biểu quyết thông qua bằng cách bỏ phiếu, không phải bằng cách giơ tay	Tốt	
A.3.16	Công ty có cử một bên thứ ba độc lập kiểm phiếu hoặc giám sát quá trình kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.17	Kết quả kiểm phiếu được công bố rộng rãi ngay ngày làm việc tiếp theo sau Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.18	Các tờ trình cần thiết được công bố ít nhất 21 ngày trước khi diễn ra Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.19	Các tờ trình trong tài liệu Đại hội đồng cổ đông cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề cần được thông qua trong Đại hội đồng cổ đông	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HOBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
A.4	Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch		
A.4.1	Trong trường hợp sát nhập và hợp nhất cần phải thông qua sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có cử một bên độc lập đánh giá xem xét tính công bằng của giao dịch này	Tốt	
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức		
A.5.1	Công ty có công bố chính sách và các hoạt động nhằm khuyến khích các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức, tham dự Đại hội đồng cổ đông và tham gia vào các quyết định quan trọng của công ty	Tốt	

Phần B - Đối xử bình đẳng với cổ đông

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HOBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	Tốt	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu	Tốt	
B.2	Thông báo của Đại hội đồng cổ đông		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung	Tốt	
B.2.2	Tài liệu Đại hội đồng cổ đông được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu Đại hội đồng cổ đông bằng tiếng Việt	Tốt	
Thông báo của Đại hội đồng cổ đông có những chi tiết sau không:			
B.2.3	Tài liệu Đại hội đồng cổ đông có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho Hội đồng Quản trị (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bỏ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí Hội đồng Quản trị đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác)	Tốt	
B.2.4	Tài liệu họp nêu danh sách công ty kiểm toán để lựa chọn	Tốt	
B.2.5	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông có giải thích về chính sách chia cổ tức	Tốt	
B.2.6	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông có công bố cụ thể mức chia cổ tức	Tốt	
B.2.7	Giấy ủy quyền Đại hội đồng cổ đông được cung cấp dễ dàng	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HOBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
B.3	Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên Hội đồng Quản trị và nhân viên không được kiểm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	Tốt	
B.3.2	Thành viên Hội đồng Quản trị được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc	Tốt	
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty	Tốt	
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quản trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông	Tốt	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia họp Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích	Tốt	
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên Hội đồng Quản trị, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	Tốt	
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Có GDBLQ mang tính chất hỗ trợ tài chính cho các đơn vị không phải là công ty con trực thuộc	Tốt	
B.5.2	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường	Tốt	

Phần C - Vai trò của các bên liên quan

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HOBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng		
Thông báo của Đại hội đồng có đồng có những chi tiết sau không:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng	Tốt	
C.1.2	Công ty có giải thích về nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp của mình	Tốt	
C.1.3	Công ty có công bố chính sách đảm bảo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững	Tốt	
C.1.4	Công ty có chính sách rõ ràng trong việc hỗ trợ cộng đồng	Tốt	
C.1.5	Công ty có công bố về chương trình và quy trình chống tham nhũng	Tốt	
C.1.6	Công ty có công bố chính sách bảo vệ các chủ nợ	Tốt	
Công ty có công bố các hoạt động mà công ty đã thực hiện để triển khai các chính sách nói trên?			
C.1.7	Công ty nêu các hành động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của khách hàng	Tốt	
C.1.8	Công ty nêu cụ thể các tiêu chí tuyển chọn nhà cung cấp	Tốt	
C.1.9	Công ty nêu cụ thể về việc thực hiện chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững	Tốt	
C.1.10	Công ty nêu rõ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng	Tốt	
C.1.11	Công ty nêu rõ các hoạt động trong chương trình chống tham nhũng	Tốt	
C.1.12	Công ty nêu rõ hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của chủ nợ	Tốt	
C.1.13	Công ty có mục riêng về trách nhiệm xã hội (trong Báo cáo thường niên hoặc tách thành một báo cáo riêng)	Tốt	
C.2	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiêu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (Ví dụ: Khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HOBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
C.3	Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.3.1	Công ty nêu rõ các chính sách về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	Tốt	
C.3.2	Công ty công bố các số liệu cụ thể liên quan đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	Tốt	
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên	Tốt	
C.3.4	Công ty công bố số liệu cụ thể về chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên	Tốt	
C.3.5	Công ty có chính sách khen thưởng dựa vào kết quả hoạt động của công ty trong dài hạn	Tốt	
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ		
C.4.1	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty	Tốt	
C.4.2	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty	Tốt	

Phần D - Công bố thông tin và minh bạch

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HOBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: Danh tính có đóng lớn năm giữ từ 5% cổ phần trở lên	Tốt	
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: Cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà có đóng lớn năm giữ	Tốt	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: Cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị năm giữ	Tốt	
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: Cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên Ban Điều hành năm giữ	Tốt	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh. Cả tên và số cổ phần mà công ty năm giữ ở các công ty này	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
D.2 Cấu trúc sở hữu minh bạch			
<i>Báo cáo thường niên có công bố:</i>			
D.2.1	Các rủi ro chủ yếu của công ty ngoài các rủi ro tài chính	Tốt	
D.2.2	Mục tiêu của công ty	Tốt	
D.2.3	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu cần báo sau: ROl, ROAA, ROAE và EPS	Tốt	
D.2.4	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	Tốt	
D.2.5	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	Tốt	
D.2.6	Chính sách tố giác sai phạm của công ty	Tốt	
D.2.7	Lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm đầy đủ các thông tin sau: Tuổi tác, bằng cấp, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm liên quan và các vị trí trong Hội đồng Quản trị mà thành viên đó nắm giữ ở các công ty niêm yết khác	Tốt	
D.2.8	Các chương trình đào tạo, tập huấn mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham gia trong năm đánh giá	Tốt	
D.2.9	Số lần họp của Hội đồng Quản trị	Tốt	
D.2.10	Chi tiết tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
D.2.11	Chi tiết thu lao của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
<i>Tuyên bố kháng định về quản trị công ty</i>			
D.2.12	Lời xác nhận của công ty về việc đã thực thi đầy đủ quy định Quản trị Công ty, trường hợp chưa thực hiện được thì nêu rõ vấn đề và giải thích nguyên nhân	Tốt	
D.3 Công bố giao dịch bên liên quan			
D.3.1	Về cấu công ty nêu chính sách xem xét và phê duyệt các giao dịch trong yếu của các bên liên quan	Tốt	
D.3.2	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trong yếu của các bên liên quan: Tên và mối quan hệ giữa công ty với các bên liên quan	Tốt	
D.3.3	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trong yếu của các bên liên quan: bản chất và giá trị của mỗi giao dịch trong yếu giữa công ty và các bên liên quan	Tốt	
D.4 Thành viên Hội đồng Quản trị và giao dịch cổ phiếu của công ty			
D.4.1	Công bố giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
D.5 Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán			
D.5.1	Công bố phí kiểm toán	Chưa thực hiện đầy đủ	Công ty có CBTT về kỳ kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí
D.6 Phương tiện truyền thông			
<i>Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:</i>			
D.6.1	Báo cáo quý	Tốt	
D.6.2	Trang web công ty	Tốt	
D.6.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích	Tốt	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/ họp báo	Tốt	
D.7 Nộp/công bố báo cáo thường niên/ báo cáo tài chính đúng hạn			
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tốt	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tốt	
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ Hội đồng Quản trị và các cá nhân liên quan	Tốt	
D.8 Website của Công ty			
<i>Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:</i>			
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	Tốt	
D.8.2	Báo cáo tài chính năm hiện tại và các năm trước	Tốt	
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyển giao phân tích và cơ quan truyền thông	Tốt	
D.8.4	Cấu trúc sở hữu	Tốt	
D.8.5	Cơ cấu tổ chức	Tốt	
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể tải được	Tốt	
D.8.7	Thông báo, Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Tốt	
D.8.8	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Tốt	
D.8.9	Điều lệ công ty	Tốt	
D.9 Quan hệ nhà đầu tư			
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	Tốt	

Phần E - Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
E.1 Nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị			
<i>Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng</i>			
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị công ty, điều lệ hoạt động Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên Hội đồng Quản trị có được công bố công khai	Tốt	
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị có được quy định rõ ràng	Tốt	
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh	Tốt	
E.1.5	Hội đồng Quản trị có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	Tốt	
E.1.6	Thành viên Hội đồng Quản trị có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty	Tốt	
E.2 Cơ cấu Hội đồng Quản trị			
<i>Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử</i>			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	Tốt	
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: Tất cả Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	Tốt	
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	Tốt	
<i>Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị</i>			
E.2.4	Hội đồng Quản trị có tối thiểu 50% thành viên độc lập	Chưa thực hiện đầy đủ	HDBank hiện có 1/8 thành viên độc lập và tuân thủ theo Luật các Tổ chức tín dụng
E.2.5	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có độc lập với ban lãnh đạo và cổ đông lớn	Tốt	
E.2.6	Công ty có quy định giới hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không quá 09 năm	Tốt	
E.2.7	Công ty có đặt ra chính sách: Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/không điều hành được giữ tối đa 05 vị trí Hội đồng Quản trị cùng lúc trong các công ty niêm yết khác	Tốt	
E.2.8	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đang nắm giữ tổng cộng hơn 05 chức vụ trong Hội đồng Quản trị ở các công ty niêm yết	Tốt	
E.2.9	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị điều hành đang nắm giữ hơn 02 chức vụ trong Hội đồng Quản trị ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.10	Công ty có tiểu ban nhân sự	Tốt	
E.2.11	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (hơn 50%)	Tốt	
E.2.12	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Tốt	
E.2.13	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự	Tốt	
E.2.14	Tiểu ban nhân sự họp ít nhất hai lần trong năm	Tốt	
E.2.15	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự	Tốt	
Tiểu ban Thủ lao/Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.16	Công ty có tiểu ban lương thưởng	Tốt	
E.2.17	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (hơn 50%)	Tốt	
E.2.18	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Tốt	
E.2.19	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng	Tốt	
E.2.20	Tiểu ban lương thưởng họp ít nhất hai lần trong năm	Tốt	
E.2.21	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng	Tốt	
Tiểu ban Kiểm toán			
E.2.22	Công ty có Tiểu ban kiểm toán	Tốt	
E.2.23	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập	Tốt	
E.2.24	Chủ tịch của Tiểu ban kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập	Tốt	
E.2.25	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.26	Báo cáo thường niên có công bố lý lịch và chuyên môn của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.27	Có ít nhất 01 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	Tốt	
E.2.28	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có họp tối thiểu bốn lần/năm	Tốt	
E.2.29	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.30	Có ít nhất 01 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
E.3 Quy trình Hội đồng Quản trị			
<i>Hợp và tham dự họp Hội đồng Quản trị</i>			
E.3.1	Hợp Hội đồng Quản trị có được lập kế hoạch trước năm tài chính	Tốt	
E.3.2	Hội đồng Quản trị họp ít nhất 06 lần trong năm	Tốt	
E.3.3	Hội thành viên Hội đồng Quản trị tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp Hội đồng Quản trị trong năm đánh giá	Tốt	
E.3.4	Công ty có yếu cấu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT	Tốt	
E.3.5	Có ít nhất 01 cuộc họp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	Tốt	
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Tài liệu họp Hội đồng Quản trị được gửi tới các thành viên tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	Tốt	
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò của mình	Tốt	
E.3.8	Thư ký công ty có chuyên môn về luật, kế toán hoặc thư ký	Tốt	
Bổ nhiệm và bầu lại Hội đồng Quản trị			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị mới	Tốt	
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới	Tốt	
E.3.11	Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị phải được bầu lại tối thiểu ba năm một lần	Tốt	
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với thành viên Hội đồng Quản trị điều hành và Tổng Giám đốc	Tốt	
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Tốt	
E.3.14	Cổ đông và Hội đồng Quản trị có thông qua thù lao của Ban Điều hành	Tốt	
E.3.15	Thành viên độc lập không điều hành có nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác	Tốt	
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập	Tốt	
E.3.17	Công bố danh tính của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ hoặc trưởng hợp thuê dịch vụ bên ngoài thì nêu lên tên công ty dịch vụ độc lập	Tốt	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	Tốt	
E.3.20	Hội đồng Quản trị tiến hành kiểm tra, xem xét các lĩnh vực trọng yếu cần kiểm soát (hoạt động, tài chính, tuân thủ và hệ thống quản lý rủi ro của công ty trong năm	Tốt	
E.3.21	Công ty công bố các rủi ro chính cần được kiểm soát, ngoài rủi ro tài chính	Tốt	
E.3.22	Báo cáo thường niên của công ty có lời xác nhận từ Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát rằng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác	Tốt	
E.4 Nhân sự trong Hội đồng Quản trị			
<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>			
E.4.1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc không cùng 01 người đảm nhiệm	Tốt	
E.3.2	Chủ tịch Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập	Chưa thực hiện đầy đủ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
E.4.3	Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Tổng Giám đốc của công ty trong vòng 03 năm trước đây	Tốt	
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tốt	
Kỹ năng và năng lực			
E.4.5	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty	Tốt	
E.4.6	Công ty công bố chính sách đa dạng hóa thành phần Hội đồng Quản trị.	Tốt	
E.5 Hiệu quả Hội đồng Quản trị			
<i>Phát triển thành viên Hội đồng Quản trị</i>			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên Hội đồng Quản trị mới	Tốt	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn	Tốt	
Bổ nhiệm và hiệu quả của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố kế hoạch Hội đồng Quản trị chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo tương lai (Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành chủ chốt)	Tốt	
E.5.4	Hội đồng Quản trị có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với Tổng Giám đốc	Tốt	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại HDBank	Ghi chú / Đề xuất cải thiện
Đánh giá Hội đồng Quản trị			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.6	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.7	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.8	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.9	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.10	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
Đánh giá thành viên Hội đồng Quản trị			
E.5.11	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng các tiểu ban Hội đồng Quản trị	Tốt	

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

HDBank luôn nỗ lực mang lại cho khách hàng, đối tác và xã hội các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng tốt nhất, hiệu quả nhất. Trong giai đoạn sắp tới, HDBank tiếp tục kiên định với chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ và tài chính tiêu dùng toàn diện, ứng dụng công nghệ hiện đại. Để hoàn thành những mục tiêu đó, Hội đồng Quản trị đề ra những định hướng hoạt động sau:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch hành động cụ thể cho hoạt động của Ngân hàng năm 2020.
- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch mở rộng, phát triển mạng lưới đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án tái cơ cấu Ngân hàng: Mua bán, sáp nhập, mở rộng mối quan hệ với các đối tác nhằm đưa HDBank trở thành ngân hàng nằm trong Top dẫn đầu tại Việt Nam về quy mô, có chất lượng quản trị hiệu quả, phát triển bền vững.
- Chỉ đạo triển khai xây dựng, kiên toàn mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến và hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị trong việc tham mưu, giám sát các lĩnh vực Nhân sự, Quản lý rủi ro, Tín dụng, Chiến lược và Đầu tư, Công nghệ thông tin.
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, nhằm chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh.
- Tổ chức tốt các Đại hội đồng Cổ đông định kỳ hàng năm, các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Quản lý rủi ro

Chức năng, nhiệm vụ

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức xử lý, khắc phục các tổn thất, hạn chế về quản lý rủi ro theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, của tổ chức kiểm toán độc lập và của các cơ quan chức năng khác;
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngân hàng cũng như dài hạn;
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách quản lý rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị liên quan đến vấn đề quản lý rủi ro trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy định khác của HDBank và quy định Pháp luật có liên quan;

Hoạt động

Trong năm 2019, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tiến hành họp hàng Quý với sự tham dự của các thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản lý rủi ro, Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và một số lãnh đạo của các Phòng ban liên quan, trong đó đã thông qua các biện bản họp tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tình hình Quản lý rủi ro trong toàn Ngân hàng về tin dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động;
- Đánh giá các hành động phòng chống và/hoặc hoàn thiện hơn hệ thống Quản lý rủi ro do các Khối/Phòng ban đã thực hiện theo kỳ trước.

- Đề ra các hành động phòng chống và/hoặc hoàn thiện hơn hệ thống Quản lý rủi ro, và yêu cầu;
- Giám sát triển khai việc áp dụng sớm Thông tư 41 (Basel cơ bản – trụ cột 1 & 3) và triển khai Basel Roadmap (Basel nâng cao). HDBank đã nộp hồ sơ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận về việc áp dụng sớm Thông tư 41 từ ngày 01/10/2019.

Định hướng năm 2020

Trong năm 2020, Ủy ban Quản lý rủi ro sẽ tập trung chức năng giám sát việc triển khai Hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai Chính sách Quản lý rủi ro theo yêu cầu của Thông tư 13 (theo Basel cơ bản – trụ cột 2), với sự tham mưu, hỗ trợ của các Hội đồng thuộc Tổng Giám đốc gồm: Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn.

Bên cạnh đó, Ủy ban Quản lý rủi ro cũng tiếp tục giám sát triển khai việc áp dụng sớm Thông tư 41 (Basel cơ bản – trụ cột 1 & 3) và triển khai Basel Roadmap (Basel nâng cao) theo tư vấn của Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam trong năm 2019.

Ủy ban Tín dụng

Chức năng, nhiệm vụ

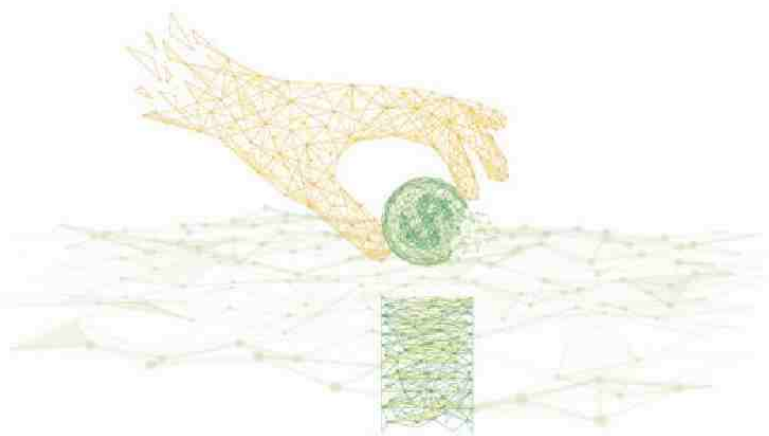
Ủy ban Tín dụng là cơ quan tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt chính sách tín dụng; phê duyệt các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị theo quy định giám sát Tổng Giám đốc/Ban Điều hành trong công tác phê duyệt tín dụng đối với các khoản tín dụng có giá trị từ 5% vốn điều lệ của HDBank do Ban Điều hành phê duyệt cấp cho khách hàng hoặc khách hàng và người có liên quan.

Hoạt động

Năm 2019, trong phạm vi thẩm quyền, Ủy ban Tín dụng đã cử nhân sự tham gia giám sát và thực hiện cơ chế giám sát thông qua 179 hồ sơ cấp tín dụng, thay đổi điều kiện cấp tín dụng Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính; phê duyệt 392 hồ sơ cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân.

Định hướng năm 2020

Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện hoạt động của Ủy ban Tín dụng nhằm tuân thủ Thông tư 13, đảm bảo tính độc lập giữa quản trị doanh nghiệp với điều hành hàng ngày phù hợp với thống lệ tốt của Hiệp ước Basel. Bên cạnh đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao hơn nữa chất lượng tín dụng của các khoản vay lớn.



Ủy ban Nhân sự

Chức năng, nhiệm vụ

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng Quản trị, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành Ngân hàng và cán bộ quản lý cấp cao theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và người lao động của ngân hàng.
- Đưa ra khuyến nghị để Hội đồng Quản trị phê chuẩn về việc lựa chọn nhân sự đảm nhiệm các vị trí Chủ tịch Ủy ban, thành viên các Ủy ban.
- Soát xét, xác định và khuyến nghị để Hội đồng Quản trị phê chuẩn các chương trình đào tạo phù hợp cho các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Soạn lập các tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá kết quả công việc hàng năm của Hội đồng Quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, từng thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo kết quả cho Hội đồng Quản trị.
- Soát xét các chương trình hoạch định nhân sự kế thừa, quản trị nhân tài và các đối tượng của các chương trình này.
- Tìm kiếm các cá nhân có đủ năng lực, đề cử cho Hội đồng Quản trị các ứng viên để đảm nhiệm các vị trí mới và/hoặc các vị trí chưa có nhân sự phù hợp.

Hoạt động

- Xây dựng trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị.
- Phụ trách các công tác liên quan đến việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
- Định kỳ soát xét và đề xuất Hội đồng Quản trị phê chuẩn chính sách, mức thù lao, thưởng đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
- Soát xét việc công bố thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- Đề xuất cho Hội đồng Quản trị phê chuẩn các kế hoạch khen thưởng ngắn và dài hạn.
- Soát xét, đề xuất cho Hội đồng Quản trị phê chuẩn việc áp dụng, sửa đổi các kế hoạch lương thưởng bằng tiền và các hình thức phi tiền tệ khác.
- Đề xuất để Hội đồng Quản trị phê chuẩn các tiêu chuẩn bổ nhiệm Tổng Giám đốc và đề xuất để Hội đồng Quản trị phê chuẩn về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các quản lý cấp cao.
- Đánh giá kết quả công việc của Tổng Giám đốc.
- Soát xét về lương, thưởng và phúc lợi của Tổng Giám đốc.
- Định kỳ soát xét kết quả công việc và đề xuất cho Hội đồng Quản trị phê chuẩn lương và các thu nhập khác của Cán bộ quản lý cấp cao. Giám sát việc đánh giá các Cán bộ quản lý cấp cao của Tổng Giám đốc.
- Soát xét và khuyến nghị để Hội đồng Quản trị phê chuẩn những thay đổi đối với những quy định của Ngân hàng về Quản trị nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng.

Hoạt động

- Xây dựng và triển khai chương trình đồng hành cùng đơn vị kinh doanh nhằm nâng chất lượng và dịch vụ nhân sự chuẩn mực hơn, chuyên nghiệp hơn.
- Hoàn thiện chế độ lương, thưởng nhân sự hút và giữ chân nguồn nhân sự chất lượng cao gắn bó với HDBank, hướng tới mục tiêu "Cam kết lợi ích cao nhất" cho mỗi cán bộ nhân viên và phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng thuộc Top dẫn đầu trả lương cao nhất trong hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam.

Định hướng năm 2020

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Điều hành, Khối Nhân sự hoàn thiện các chính sách về quản trị nhân sự và bộ máy nhân sự của Ngân hàng, xây dựng cơ chế lương mới theo hướng gắn với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh.
- Phát triển HDBank trở thành thương hiệu tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.



Ủy ban Công nghệ Ngân hàng

Chức năng, nhiệm vụ

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các chính sách, chiến lược phát triển Công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến hoạt động an toàn và tín cậy của hệ thống Công nghệ thông tin đối với hoạt động ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về mức độ an toàn đối với hoạt động vận hành liên tục hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng trước những nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin hiện hành;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt ngân sách đầu tư công nghệ thông tin hàng năm, các khoản đầu tư, các xu hướng công nghệ, chiến lược phát triển Công nghệ thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao;

Hoạt động

Trong năm 2019, Ủy ban Công nghệ đã tổ chức các cuộc họp định kỳ mỗi Quý với sự tham gia của Ban lãnh đạo Khối Công nghệ Thông tin và Ngân hàng Điện tử cùng các thành viên Hội đồng Quản trị để định hướng, tham vấn, cập nhật tình hình các dự án, chiến lược trọng điểm liên quan đến công nghệ của HDBank như: E-wallet/ Loyalty, Mobile Banking, Website, Paperless, Vietjet SkyClub, hệ thống Thẻ, hệ thống Core Banking cho HD SAISON... Đồng thời, Ủy ban Công nghệ cũng tham vấn, hoạch định chiến lược các mục tiêu công nghệ cho HDBank trong giai đoạn 2020 - 2021.

Định hướng năm 2020

Trong năm 2020, Ủy ban Công nghệ Ngân hàng tiếp tục ưu tiên tham vấn các kế hoạch tạo sự đột phá trong công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiếp thu các công nghệ hiện đại để áp dụng vào quản lý nội bộ nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện thu nhập, phát triển kinh doanh. Cụ thể:

- Tham mưu các giải pháp công nghệ nhằm chủ động khai thác trong hệ sinh thái khách hàng;
- Nền tảng phát triển Digital Banking: liên kết với các đối tác thanh toán trong và ngoài nước nhằm mục tiêu đưa HDBank trở thành ngân hàng đa năng;
- Dự án Big Data, AI...
- Tham mưu và đưa ra chỉ đạo cho các chỉ phí đầu tư liên quan đến các dự án Công nghệ Thông tin trọng điểm trong năm 2020 như: Basel II, nâng cấp Core Banking, các dự án đầu tư hạ tầng dữ liệu, vận hành, bảo mật...
- Chỉ đạo nghiên cứu, triển khai áp dụng công nghệ hiện đại vào quản trị và vận hành: đồng bộ hóa máy móc, thiết bị, phòng in ấn tập trung, công cụ hỗ trợ cuộc họp, các chiến dịch PR, Marketing thông qua mạng xã hội...

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư

Chức năng, nhiệm vụ

- Đề xuất tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược trung và dài hạn của Ngân hàng;
- Giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến chiến lược, định hướng và chính sách đầu tư, quy chế đầu tư, tiêu chí đầu tư trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- Tham mưu và hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị liên quan đến việc hợp tác với các đối tác chiến lược, kế hoạch và mục tiêu chiến lược của HDBank trong ngắn hạn và dài hạn;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị theo quy định Pháp luật có liên quan và/hoặc ban hành các quyết định có liên quan đến hoạt động đầu tư;
- Đánh giá chiến lược và việc hoạch định thông qua việc so sánh định hướng, phân tích thị trường, lợi thế cạnh tranh, môi trường, nguồn lực...
- Đo lường việc thực thi chiến lược dưới các góc độ khác nhau;
- Định kỳ báo cáo cho Hội đồng Quản trị về các danh mục đầu tư, hướng xử lý các khoản đầu tư và định hướng chiến lược đầu tư trong kỳ;
- Giám sát việc tuân thủ chính sách, quy chế đầu tư của Tổng Giám đốc/Ban Điều hành, báo cáo Hội đồng Quản trị nếu cần thiết;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy định khác của HDBank và quy định Pháp luật có liên quan.

Hoạt động

Năm 2019, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tổ chức các cuộc họp thảo luận những vấn đề liên quan đến việc thực hiện chiến lược phát triển và đầu tư của HDBank trong năm 2019 và giai đoạn 2017 - 2021.

Định hướng năm 2020

- Tham mưu Hội đồng Quản trị giám sát Ban Điều hành thực hiện việc hợp tác với các đối tác chiến lược, giám sát danh mục đầu tư;
- Tham mưu Hội đồng Quản trị giám sát Ban Điều hành thực hiện việc hợp tác với các đối tác chiến lược, giám sát danh mục đầu tư;
- Tham mưu Hội đồng Quản trị thực hiện các chương trình tái cơ cấu, mua bán, sáp nhập Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2019

Tại thời điểm 31/12/2019, Ban Kiểm soát HDBank gồm có 03 thành viên chuyên trách. Cơ cấu Ban Kiểm soát không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Danh sách cụ thể các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng cổ phần HDBank sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu
1	Ông Đào Duy Tương	Trưởng Ban Kiểm soát	2,712854 %
2	Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên Ban Kiểm soát	0,010193 %
3	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên Ban Kiểm soát	0,000258 %

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16/06/2010 và Điều lệ Ngân hàng, Ban Kiểm soát đã hoàn thành những nhiệm vụ chính như sau:

Nhằm bảo vệ lợi ích cho các cổ đông, trong năm, Ban Kiểm soát đại diện cho Đại hội đồng cổ đông HDBank thực hiện giám sát công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm đạt được những mục tiêu hành động được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ đầu năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát trực tiếp chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra giám sát tính tuân thủ của HDBank đối với nghị

quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của pháp luật, điều lệ Ngân hàng, chú trọng giám sát các chỉ số an toàn hoạt động và công tác xử lý nợ xấu toàn hàng. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính. Căn cứ kết quả kiểm tra giám sát, hệ thống kiểm soát nội bộ Ngân hàng được đánh giá nhận định toàn diện, từ đó Ban Kiểm soát kiến nghị Ban Điều hành có các điều chỉnh bổ sung phù hợp nhằm nâng cao an toàn hoạt động toàn hệ thống.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2019

Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch

Năm 2019, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán hoạt động nghiệp vụ theo đoàn tại 29 đơn vị kinh doanh, kiểm tra hồ sơ khách hàng lớn của 88 đơn vị kinh doanh, kiểm tra đột xuất 347 cuộc tại các đơn vị kinh doanh, kiểm tra 09 Phòng/Ban tại Hội sở, kiểm tra 13 chuyển đổi/sự vụ. Kết quả kiểm toán được thông tin đến Ban Kiểm soát thường xuyên thông qua các báo cáo kiểm toán theo đoàn, báo cáo kiểm tra đột xuất, báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán hàng tháng, hàng quý, báo cáo năm. Từ đó, Ban Kiểm soát đã kịp thời chỉ đạo, định hướng, hỗ trợ kịp thời cho kiểm toán nội bộ giúp công tác kiểm toán nội bộ năm 2019 được hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Ban Kiểm soát đã chỉ đạo kiểm toán nội bộ thiết lập bổ sung, điều chỉnh báo cáo quản trị, báo cáo định kỳ, thường xuyên, đảm bảo các phát hiện trọng yếu của kiểm toán nội bộ luôn được Ban Kiểm soát nắm bắt, trao đổi kịp thời đến Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp nhằm có những giải pháp điều chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động toàn hàng.



Năm 2019, HDBank đã rà soát lại bộ máy hoạt động cũng như quy định hiện hành, từ đó có những cơ cấu lại bộ máy, hoàn thiện ban hành bổ sung, ban hành mới những qui định liên quan nhằm đáp ứng theo yêu cầu hệ thống kiểm soát nội bộ tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN (TT13). Ban Kiểm soát đã chỉ đạo kiểm toán nội bộ thường xuyên giám sát công tác chuẩn bị triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ theo TT13 cũng như triển khai Basel II. Đồng thời, Ban Kiểm soát tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ, bổ sung nguồn lực, tăng cường công tác đào tạo nhằm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo đúng yêu cầu của TT13.

Danh giá công tác quản trị Ngân hàng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị ngân hàng trong năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo quy định Pháp luật, quy chế hoạt động và Điều lệ Ngân hàng. Hội đồng Quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động Ngân hàng, nắm bắt các điểm tồn tại, khó khăn vướng mắc, kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ, giám sát chặt chẽ lĩnh vực phụ trách, tình hình hoạt động kinh doanh, chỉ số an toàn hoạt động, tình hình thực hiện các công tác khác theo nghị quyết Đại hội Cổ đông luôn được Hội đồng Quản trị nắm bắt đầy đủ kịp thời.

Giám sát quá trình tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 và việc thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Ngân hàng

Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 và việc thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Ngân hàng diễn ra theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Công tác giám sát đối với doanh nghiệp niêm yết của Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định của Luật tổ chức tin dùng, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Ban Kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cập nhật thông tin định kỳ. Đồng thời thực hiện giám sát hoạt động công bố thông tin và quan hệ cổ đông của HDBank sau niêm yết theo hướng dẫn tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

Năm 2019, Ngân hàng đã hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh cũng như các chương trình hành động đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Công tác niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn giao dịch chứng khoán đã được thực hiện thành công và giao dịch ổn định từ ngày 05/01/2019.

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam và thông nhất xác nhận như sau: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của HDBank thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2019, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, đồng thời thường xuyên trao đổi với kiểm toán nội bộ về tình hình thực hiện công tác kiểm toán nội bộ được hoàn thành theo đúng kế hoạch; trực tiếp trao đổi các vấn đề trọng yếu với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, đảm bảo Ngân hàng hoàn thành các nội dung được Đại hội đồng Cổ đông giao phó. Trong năm, các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.



Ngày	Số lượng thành viên	Nội dung cuộc họp
18/02/2019	3/3	Triển khai công tác kiểm toán theo đoàn và chuyên đề.
16/05/2019	3/3	Chỉ đạo, trao đổi định hướng về một số công tác kiểm toán nội bộ.
23/08/2019	2/3	Chỉ đạo Kiểm toán nội bộ một số vấn đề về công tác nhân sự, công tác kiểm toán trong thời gian tới.
13/12/2019	3/3	Tổng kết hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ; Triển khai kế hoạch công tác năm 2020 của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ.

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đã phối hợp tốt với Ban Kiểm soát, hỗ trợ tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra giám sát hoạt động ngân hàng theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ ngân hàng và quy chế hoạt động Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát thường xuyên tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, qua đó nắm bắt kịp thời tình hình

hoạt động, định hướng chiến lược, tình hình tài chính, an toàn hoạt động của ngân hàng. Tại các cuộc họp, các kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng Quản trị, Ban điều hành tiếp thu và chỉ đạo đến các phòng ban liên quan nghiêm túc thực hiện, phản hồi kịp thời đến Ban Kiểm soát thông qua kiểm toán nội bộ.



Định hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát

Năm 2020, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, giám sát với các nhiệm vụ chính như sau:

- Giám sát hoạt động của HDBank luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ HDBank;
- Giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc quản trị điều hành hoạt động của HDBank an toàn hiệu quả, bám sát theo chương trình hành động trọng tâm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Chú trọng đánh giá hiệu quả công tác xử lý nợ xấu của Ngân hàng theo chỉ thị 05/CT-NHNN ban hành ngày 12/09/2018;
- Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch. Ngoài công tác kiểm toán các hoạt động lõi của ngân hàng như tín dụng, kế toán, ngân quỹ, hoạt động kiểm toán sẽ tập trung đánh giá hiệu quả vận hành của phòng ban HQ, các công ty con, Công ty AMC HDBank... Phân công cán bộ kiểm toán vào các nhóm quản trị chuyên trách theo từng nội dung như: Quản trị hiệu quả chi phí; Quản trị nhân sự; Quản trị rủi ro; Chuyển trách tham gia họp với các Ủy ban quản trị, với Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị...
- Thực hiện kiểm tra giám sát tính hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu tại TT13/2018/TT-NHNN, chủ trọng công tác báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ đảm bảo tình hình hoạt động ngân hàng luôn được

thông tin kịp thời đến các bên liên quan. Đồng thời giám sát việc triển khai Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng tại TT18/2018/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

• Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ kiểm toán viên nội bộ, rà soát và ban hành mới các quy định kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ quy định mới theo TT13/2018/TT-NHNN cũng như phục vụ công tác đánh giá hiệu quả triển khai Basel II;

• Trên cơ sở kế hoạch kiểm toán cho những năm tới, xem xét bổ sung nguồn lực, tăng cường nhân sự cho Kiểm toán Nội bộ và Ban Kiểm soát, đảm bảo công tác kiểm tra giám sát được triển khai hiệu quả, kịp thời;

• Tăng cường kiểm tra đột xuất các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ;

• Thẩm tra báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính;

• Giám sát hoạt động công bố thông tin và quan hệ cổ đông của HDBank sau niêm yết theo hướng dẫn tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm toán nội bộ HDBank được thành lập theo quy định Ngân hàng Nhà nước, là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của HDBank, thuộc Ban kiểm soát HDBank. Kiểm toán nội bộ được tổ chức theo hệ thống dọc theo nguyên tắc độc lập, khách quan và chuyên nghiệp.

Điều hành hoạt động của Kiểm toán nội bộ là Trưởng Kiểm toán nội bộ với sự giúp việc của các Phó trưởng kiểm toán nội bộ và các Trưởng kiểm toán nội bộ Khu vực. Đến cuối năm 2019, tổng số nhân sự của Kiểm toán nội bộ là 36 người chốt trên 03 khu vực gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đồng Nai.



QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Hoạt động kiểm toán nội bộ triển khai theo cụm đơn vị, theo khu vực và theo nghiệp vụ, với phương pháp kiểm toán đan chéo, mở rộng và phối hợp. Thực hiện theo các hình thức kiểm toán, như: kiểm toán theo đoàn tại từng đơn vị/cụm đơn vị đối với các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị trong toàn hệ thống; kiểm toán chuyên đề đối với những quy trình nghiệp vụ đánh giá theo định hướng rủi ro, có yếu tố chưa đảm bảo ngăn ngừa/kiểm soát sai sót trong vận hành; kiểm toán chuyên đề đối với các hoạt động nghiệp vụ có tính hệ thống; kiểm tra đột xuất đối với công tác an toàn kho quỹ; tiền mặt, hồ sơ tài sản đảm bảo, quản lý ấn chỉ quan trọng... nhằm phát hiện/kiểm soát

các vi phạm phát sinh có tính thời điểm, giảm sát từ xa nhằm phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động. Tổ chức kiểm toán trong năm theo kế hoạch hoặc theo yêu cầu của Ban kiểm soát, hoặc khi phát hiện thông tin về dấu hiệu sai phạm, về khả năng phát sinh rủi ro.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả kiểm toán năm trước nhằm xác định vùng rủi ro, căn cứ định hướng hoạt động của Ngân hàng, mục tiêu quản trị của Lãnh đạo để xây dựng và thông qua Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc kế hoạch kiểm toán năm kế tiếp.

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2019

Năm 2019, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện 100% kế hoạch gồm: Kiểm tra theo đoàn 29 đơn vị kinh doanh; kiểm tra hồ sơ khách hàng lớn của 88 đơn vị kinh doanh; kiểm tra đột xuất 347 cuộc tại các đơn vị kinh doanh; kiểm tra 09 Phòng/Ban tại Hội sở; kiểm tra 13 chuyên đề/sai sót.

• Qua kết quả kiểm toán, ngoài những sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán, khuyến nghị đơn vị kinh doanh khắc phục, những sai sót hoặc phát hiện rủi ro do thiếu kiểm soát của các phòng ban, Khối Hội sở, hoặc do văn bản còn bất cập, kiểm toán nội bộ làm việc và yêu cầu các Phòng, Ban, Khối nghiệp vụ Hội sở rà soát, chấn chỉnh hoặc có biện pháp tăng cường kiểm soát, làm việc với Trung tâm công nghệ thông tin thiết kế chốt chặn ngay trong chương trình nhằm ngăn chặn sai sót trong vận hành. Qua công tác kiểm toán cũng đã đánh giá được chất lượng kiểm soát theo ngành dọc đối với các Phòng ban, Khối nghiệp vụ Hội sở, góp ý sửa đổi biện pháp/tăng cường công tác kiểm soát của Hội sở.

• Ngoài ra, Kiểm toán đã phân tích, đánh giá những yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của hệ thống, đến hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục tiêu quản trị hệ thống, mặt khác để cảnh báo cho lãnh đạo đơn vị kinh doanh lưu ý có biện pháp khắc phục.

• Kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát từ xa từ việc truy xuất thông tin hàng ngày trên hệ thống theo tiêu chí giám sát để phát hiện kịp thời những bất ổn nhằm có biện pháp giải quyết/xử lý kịp thời, tăng cường biện pháp kiểm soát và từng bước ngăn chặn việc sai sót/vi phạm qua hệ thống Công nghệ thông tin.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2020

Ngoài những định hướng có tính chất thường xuyên, năm 2020 Kiểm toán nội bộ triển khai công tác kiểm toán theo các tiêu chí kiểm soát sau:

• Tiếp tục định hướng kiểm toán theo mục tiêu tìm giải pháp ngăn chặn rủi ro, bằng công nghệ thông tin và cơ chế kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ từ phân tích những sai sót được phát hiện;

• Tiếp tục triển khai giám sát từ xa nhằm phát hiện các dấu hiệu bất thường để định hướng kiểm tra, lập báo cáo và kiến nghị Tổng Giám đốc chỉ đạo chấn chỉnh;



• Tổ chức kiểm toán theo đoàn/chuyên đề, triển khai kiểm toán đối với các Phòng ban nghiệp vụ và Phòng ban có chức năng kiểm soát tại Hội sở. Từ kết quả kiểm toán nghiệp vụ, kiểm tra thực hiện quy trình, rà soát hệ thống, đánh giá cơ chế kiểm soát...

• Qua kết quả kiểm toán tiến hành phân tích, đánh giá tính đảm bảo yếu cầu theo quy định của hệ thống kiểm soát nội bộ trong từng quy định, quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức; đánh giá tính hiệu quả, hiệu lực theo từng chức năng của tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai trong hoạt động nghiệp vụ.

PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NĂM 2019

Nhận thức rõ vai trò nền tảng và xương sống của công tác pháp chế và tuân thủ trong hoạt động của một doanh nghiệp nói chung và hoạt động của doanh nghiệp trong ngành ngân hàng nói riêng, năm 2019, HDBank đã thực hiện và đạt được mục tiêu đặt ra, cụ thể như sau:

- Đảm bảo hoạt động của hệ thống HDBank an toàn pháp lý. Đặc biệt trong bối cảnh các quy định Pháp luật chính, liên quan có sự thay đổi, ban hành mới cũng như rất nhiều các Thông tư nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước được ban hành... dẫn đến các hoạt động giao dịch, kinh doanh của Ngân hàng ở góc độ pháp lý sẽ có sự thay đổi theo, do đó, việc rà soát, điều chỉnh và kiểm soát pháp lý các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, sản phẩm kinh doanh và hệ thống biểu mẫu giao dịch cũng đã được thực hiện và hoàn thiện tốt. Bên cạnh đó, một phần nghiệp vụ quan trọng và thường xuyên là công tác kiểm soát đảm bảo an toàn pháp lý, bảo vệ và gia tăng quyền, lợi ích của HDBank trong các giao dịch, hợp đồng, thỏa thuận với đối tác, khách hàng luôn được thực hiện kỹ lưỡng, chặt chẽ và kịp thời, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phát triển, an toàn của hệ thống.
- Công tác đại diện: Ngân hàng tham gia tố tụng trước các cơ quan Pháp luật, tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng cũng như tránh các thiệt hại liên quan xảy ra cũng được thực hiện bài bản và đúng quy định.
- Phổ biến Pháp luật liên quan thông qua nhiều kênh và nhiều biện pháp để cán bộ nhân viên có thể nắm bắt, ứng dụng vào nghiệp vụ của mình.
- Cho công tác tâm vì mở, HDBank đã có các góp ý xây dựng các dự thảo quy định Pháp luật liên quan và kiến nghị quy định cần thay đổi, góp phần hoàn thiện hệ thống quy định Pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước được phù hợp, rõ ràng, thông suốt và sát với thực tế, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh cho hệ thống các Ngân hàng thương mại.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NĂM 2020

Tiếp nối các kết quả đạt được cũng như định hướng, chính sách hoạt động của HDBank, công tác pháp chế và tuân thủ đặt ra mục tiêu cao hơn. Đó là:

- Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện và nâng cao công tác pháp chế ngân hàng, tư vấn Pháp luật cho toàn hệ thống, kiểm soát pháp lý cho các giao dịch, hoạt động của HDBank, sâu và rộng, đảm bảo chất lượng kết quả, thời gian thực hiện, vừa đảm bảo tính tuân thủ cao trong hoạt động, an toàn và phát triển bền vững, vừa đảm bảo hài hòa với mục tiêu kinh doanh. HDBank tiếp tục thực hiện, tuân thủ các quy định trong công bố thông tin, minh bạch trong hoạt động của công ty niêm yết, triển khai các chính sách, công tác quản trị rủi ro để thực hiện và duy trì các yêu cầu, tiêu chí của Basel II; các công tác phòng chống rửa tiền, phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của quy định và các cơ quan hữu quan sẽ được giám sát, thực thi chặt chẽ.
- Tạo thêm lợi thế cho hoạt động của HDBank, tiếp tục tư vấn pháp lý cho các giải pháp, sản phẩm, quy định phục vụ kinh doanh, chính sách, mạng kinh doanh chính của HDBank, gia tăng giá trị doanh nghiệp cao, gia tăng lợi ích cho cổ đông, cho các nhà đầu tư tín tưởng HDBank.
- Các vụ tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến hoạt động của ngành ngân hàng ngày càng phức tạp và phát sinh, cần lực lượng nhân sự chuyên nghiệp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó, bộ phận chuyên trách công tác tham gia tố tụng sẽ được quy hoạch và bồi dưỡng, đảm bảo đủ khả năng tốt đại diện bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng theo quy định Pháp luật.
- Tham gia tư vấn và thực hiện công việc pháp lý đối với các dự án chiến lược của Ngân hàng, cho sự phát triển chung của hệ thống.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CỔ ĐÔNG

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG VỀ CỔ PHIẾU HDBANK VÀ CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2019



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư (IR) của HDBank năm 2019 đã có những bước phát triển tích cực đi vào chiều sâu, được cổ đông, Hội đồng Quản trị, nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích, chuyên gia môi giới chứng khoán tiếp tục đánh giá cao.

Tiếp tục bám sát yêu cầu và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, công tác IR luôn chú trọng xây dựng và phát triển mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp với cổ đông, nhà đầu tư để kịp thời truyền tải thông tin chính xác về HDBank, giúp Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nắm bắt kịp thời những ý kiến đóng góp, chia sẻ của nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích và cập nhật diễn biến trên thị trường.

Trong năm 2019, Ban IR đã xây dựng những mục tiêu cụ thể, toàn diện gắn với chương trình hành động chi tiết, trên tinh thần đảm bảo tuân thủ cao nhất các quy định của Pháp luật đối với công ty niêm yết, đồng thời chú trọng áp dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư. Từ đó, Ban IR đã tham mưu và đề xuất với Hội đồng Quản trị những biện pháp phù hợp để nâng cao giá trị vốn hóa, sức mạnh thương hiệu HDBank, xây dựng và phát triển các kênh thông tin, chương trình chăm sóc cổ đông, nhà đầu tư hiệu quả. Nhờ vậy, quan hệ của HDBank với các cổ đông, nhà đầu tư, cộng đồng chuyên gia phân tích, môi giới và các cơ quan quản lý ngày càng gắn kết chặt chẽ.

Cụ thể, trong năm 2019, HDBank đã tham dự 05 hội nghị đầu tư trong nước và quốc tế để cập nhật thông tin về hoạt động, chiến lược phát triển và sức hấp dẫn của HDBank – một Ngân hàng Bản lẻ, SME và tiêu dùng hàng đầu Việt Nam. Các sự kiện này đã thu hút sự quan tâm, tham dự của khoảng 200 quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và cơ quan bảo đảm, với hơn 400 lượt người tham dự. Tại mỗi sự kiện, công tác chuẩn bị luôn được thực hiện chuyên nghiệp, hiệu quả và tiết kiệm. Sau sự kiện, câu hỏi của cổ đông, nhà đầu tư cùng với các ý kiến đóng góp của người tham dự đều được tổng hợp, phân tích, phản hồi hoặc trao đổi nút kinh nghiệm cho những hội nghị tiếp theo. Bên cạnh đó, xuyên suốt trong năm, các cuộc tiếp xúc với nhà đầu tư cũng được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp cổ đông và nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp xúc và trao đổi với các lãnh đạo của Ngân hàng.



Hiệu quả của các sự kiện nêu trên không ngừng được nâng cao. 92% người tham dự các hội nghị nhà đầu tư do HDBank tổ chức năm 2019 đánh giá "Tốt" và "Rất tốt" về công tác tổ chức, chất lượng thông tin và khẳng định sẽ tham dự các hội nghị tiếp theo, cao hơn mức 90% của năm 2018. Kết quả khảo sát là một trong những thước đo quan trọng để HDBank đánh giá về hiệu quả của các sự kiện, cũng như nắm bắt kịp thời những mong muốn của nhà đầu tư, qua đó kịp thời thực hiện những điều chỉnh cần thiết, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và cổ đông.

Với kết quả kinh doanh tăng trưởng rất mạnh mẽ, lợi nhuận trước thuế đạt kỷ lục 5.018 tỷ, và hoạt động IR hiệu quả, trong năm 2019, nhà đầu tư, đặc biệt là các quỹ đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài tiếp tục nắm giữ và gia tăng số lượng cổ phần sở hữu tại HDBank. Một số tên tuổi hàng đầu thế giới như: Goldman Sachs (Mỹ), Citigroup (Mỹ), Grandeur Peak (Mỹ), Baillie Gifford (Anh), UBS AG (Thụy Sĩ), Mirae (Hàn Quốc), Fides (Hàn Quốc), Daiwa (Nhật Bản), Credit Saison (Nhật Bản).

LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC QUA CÁC NĂM

Thời gian chi trả thực tế	2015	2016	2017	2018	2019*
1. Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ	-	10,0%	7,0%	13,0%	10,0%
2. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng/vốn điều lệ	-	-	2,0%	-	20,0%
Tổng cộng	0	10,0%	9,0%	13,0%	30,0%
Hình thức chi trả	-	Tiền mặt	Cổ phiếu	Tiền mặt	Cổ phiếu

(*) Việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và cổ phiếu thưởng sẽ được thực hiện trong năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-DHĐCĐ.

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU HDBANK TRONG NĂM 2019

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)		
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hồng Nga	Con gái Ông Nguyễn Thành Đô (Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Thành viên độc lập)	0	0%	15.000	0,0015%	Mua 15.000 cổ phiếu từ ngày 23/04/2019 đến ngày 23/04/2019

50 Báo cáo thường niên

Đặc biệt, trong kỳ xét duyệt tháng 11/2019, cổ phiếu HDB là mã duy nhất đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn lựa chọn khắt khe để được lựa chọn vào "vỏ" MSCI Frontier Markets Index, tập hợp 92 mã cổ phiếu (sau kỳ xét duyệt tháng 11/2019) tiêu biểu cho các thị trường mới nổi. Tại Việt Nam, chỉ có 12 cổ phiếu được chọn vào chỉ số này. Ngoài HDB còn có những tên tuổi lớn khác như VIC, MSN, VCB, GAS, BID, VNM, SAB.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2019 cùng kinh nghiệm đã được đúc rút trong thời gian qua, năm 2020, Ban IR sẽ nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao hiệu quả công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư. Mục tiêu đề ra là tiếp tục gia tăng giá trị vốn hóa của HDBank, tối ưu hóa giá trị mang lại cho cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

HDBank Cam kết lợi ích cao nhất

30 năm hình thành và phát triển, với nền tảng vững chắc, HDBank tiếp tục phát huy vai trò ra thế giới. HDBank có tiềm lực tài chính mạnh mẽ và công nghệ hiện đại, cung cấp đa dạng về dịch vụ tài chính ngân hàng cá nhân, doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Với mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ SMEs và tiêu dùng hàng đầu, HDBank tập trung phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ với tiềm lực cao trên nền tảng công nghệ hiện đại, hướng tới phục vụ hàng triệu khách hàng là thương hiệu được khách hàng tự hào tin dùng.

Nhiều năm liền, HDBank trung thành với lời hứa "cam kết lợi ích cao nhất" cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng xã hội và gặt hái nhiều thành tựu nổi bật, được nhiều tổ chức uy tín trong nước và quốc tế công nhận, giữ đầu án mạnh mẽ trên thị trường tài chính Việt Nam.

ASIAMONEY
ĐOANH NGHIỆP QUỐC TẾ TỐT NHẤT VIỆT NAM

THE ASIAN BANKER
TOP 500
NHÂN SỰ QUẢN LÝ TỐT NHẤT VIỆT NAM

EUROMONEY
ĐOANH NGHIỆP QUỐC TẾ TỐT NHẤT VIỆT NAM

Moody's
INVESTORS SERVICE
81
HỆ THỐNG TÍN DỤNG CHAI VÀ THUỐC VIỆT NAM

ĐIỀU KIỆN
BẠC COMPANY'S
TUYỂN DỤNG
MÁI ANA 2019
PHÂN NHẢY TỰ DO NHỎ NHẤT

CSI
100
TOP 10 DOANH NGHIỆP QUỐC TẾ NĂM 2019

ĐIỀU KIỆN
BẠC COMPANY'S
TUYỂN DỤNG
MÁI ANA 2019
PHÂN NHẢY TỰ DO NHỎ NHẤT

VIỆT NAM
BANKING
AWARDS
NHÂN SỰ QUẢN LÝ TỐT NHẤT VIỆT NAM

ĐIỀU KIỆN
BẠC COMPANY'S
TUYỂN DỤNG
MÁI ANA 2019
PHÂN NHẢY TỰ DO NHỎ NHẤT

ĐIỀU KIỆN
BẠC COMPANY'S
TUYỂN DỤNG
MÁI ANA 2019
PHÂN NHẢY TỰ DO NHỎ NHẤT

ĐIỀU KIỆN
BẠC COMPANY'S
TUYỂN DỤNG
MÁI ANA 2019
PHÂN NHẢY TỰ DO NHỎ NHẤT



1900 60 60 (24/7)

Báo cáo thường niên 51

7

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

170 GIỚI THIỆU
VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

180 CÁC NỘI DUNG
VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HOÀ CA SỨ MỆNH
PHÁT TRIỂN VỮNG BỀN



GIỚI THIỆU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là mối quan tâm toàn cầu và được khẳng định là hướng đi tất yếu để đảm bảo một tương lai tốt hơn và bền vững hơn cho toàn nhân loại. Năm 2015, toàn bộ các thành viên của Liên Hợp Quốc đã nhất trí thông qua 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2035, nhằm định hướng cho toàn bộ các nỗ lực ứng phó những thách thức toàn cầu, bao gồm nghèo đói, bất bình đẳng, biến đổi khí hậu, môi trường thiên nhiên, hòa bình và công lý.

Tại HDBank, kinh doanh phát triển bền vững gắn với thực thi trách nhiệm xã hội từ nhiều năm qua là định hướng xuyên suốt, được cụ thể hóa bằng những chính sách và chương trình hành động hiệu quả. Ngân hàng đã ban hành quy định về cấp tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường xã hội, áp dụng những khuyến nghị quốc tế về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và triển khai nhiều gói tín dụng xanh với quy mô hàng nghìn tỷ đồng nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn và nâng lương tái tạo Bền cạnh đó, Ngân hàng còn đặc biệt chú trọng hỗ trợ những đối tượng dễ bị tổn thương, kém may mắn trong cộng đồng.

PHẠM VI, GIAI ĐOẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo phát triển bền vững được lập trong phạm vi hoạt động của HDBank trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm Ngân hàng mẹ có trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh, các công ty con và tất cả chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng và các công ty con, bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 31/12/2019. Các thông tin về việc làm, an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động thực tế tại HDBank, phản ánh kết quả hoạt động năm 2019, đồng thời đề cập đến định hướng và chiến lược của HDBank trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Việc công bố thông tin được xây dựng dựa trên Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, khuyến nghị của IFC và Thông tư số 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Người phụ trách công bố thông tin:	Ông Nguyễn Hữu Đăng - Tổng Giám đốc HDBank
Email:	vanphonglanhdaohdbank@hdbank.com.vn
Điện thoại:	(028) 62 915 916
Website:	www.hdbank.com.vn (mục Liên hệ)
Địa chỉ:	Tòa nhà HD Tower, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HDBANK

Ảnh hưởng tích cực trong Ngân hàng

- Tăng trưởng hoạt động kinh doanh bền vững;
- Xây dựng môi trường làm việc xanh, chuyên nghiệp, bình đẳng, mang lại nhiều giá trị lợi ích cho nhân viên;
- Tích cực đầu tư phát triển nguồn nhân lực;
- Quản trị rủi ro và giám sát tuân thủ theo các chuẩn mực tốt nhất của ngành tài chính, ngân hàng thế giới;
- Minh bạch thông tin.

Ảnh hưởng tích cực trong xã hội

- Nâng cao ý thức thực thi các trách nhiệm tài chính với Nhà nước;
- Chung tay hành động và đóng góp vì cộng đồng;
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và góp phần thúc đẩy toàn xã hội nâng cao nhận thức về phát triển bền vững.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA HDBANK

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, HDBank thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa HDBank với các bên liên quan nhằm đảm bảo

Mô hình phát triển bền vững của HDBank được xây dựng nhằm mục tiêu tạo ra ảnh hưởng tích cực đến ba (03) nhóm đối tượng: Ngân hàng, các bên liên quan và xã hội.

Ảnh hưởng tích cực đến các bên liên quan

- Cam kết đem lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan, gồm khách hàng, các đối tác, cổ đông và nhà đầu tư;
- Góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính, ngân hàng Việt Nam;
- Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế;
- Thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương nơi rộng và xã hội nơi chung.

thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược cũng như định hướng phát triển bền vững.

Chương trình phát triển bền vững được áp dụng vào thực tiễn của công ty thông qua mô hình quản trị sau đây:

Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của Ngân hàng liên quan đến phát triển bền vững;
- Phê duyệt các mục tiêu và chương trình hành động;

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các mục tiêu, chương trình hành động về phát triển bền vững của HDBank;
- Triển khai chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Ngân hàng;
- Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.

Các khối và bộ phận chức năng

- Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành;
- Đề xuất các kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của kế hoạch phát triển bền vững.

Nhân viên

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững của HDBank;

Các bên liên quan trọng yếu của HDBank bao gồm tất cả tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc có lợi ích từ hoạt động của Ngân hàng. Để đảm bảo tính hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, HDBank thường xuyên tương tác, gắn kết với các bên liên quan thông qua chuỗi hoạt động:

GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Chủ đề trao đổi
Khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> Cấp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, email với đội ngũ cán bộ tư vấn, nhân viên quan hệ khách hàng; Trung tâm chăm sóc khách hàng; Các kênh truyền thông khác; Các buổi hội thảo và hội nghị; Hộp thư góp ý tại các điểm giao dịch. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng; Chất lượng dịch vụ tài chính ngân hàng HDBank cung cấp; Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng; Các phản hồi, góp ý khác.
Cổ đông/ Nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> Đại hội đồng Cổ đông thường niên; Trao đổi qua điện thoại, email; Cấp gỡ trực tiếp tại hội nghị, hội thảo; Bản tin nhà đầu tư; Website HDBank. 	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin đã được công bố bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính; Báo cáo thường niên; Cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý; Định hướng, chiến lược phát triển; Các thông tin công bố theo quy định của Ủy ban Chứng khoán.
Người lao động	<ul style="list-style-type: none"> Kênh truyền thông nội bộ: Mạng nội bộ; Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên; Điện thoại và email; Các chương trình đào tạo; Các hoạt động giao lưu nội bộ như thể thao, văn nghệ. 	<ul style="list-style-type: none"> Các chế độ, chính sách về lương, thưởng, phúc lợi công ty đang áp dụng; Lộ trình thăng tiến; Hiệu quả công việc; Môi trường làm việc; Đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Chủ đề trao đổi
Cơ quan quản lý	<ul style="list-style-type: none"> Các cuộc họp, làm việc song phương, đa phương; Tham gia các hội nghị, hội thảo do Bộ, ban, ngành tổ chức; Báo cáo xin ý kiến, hướng dẫn thực hiện; Các kênh truyền thông khác (website, email, điện thoại). 	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình tài chính được công bố trong Báo cáo thường niên, Báo cáo hàng tháng/hàng quý theo quy định; Việc tuân thủ các quy định của Pháp luật; Những khó khăn Ngân hàng gặp phải trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của pháp luật.
Truyền thông/ Báo chí	<ul style="list-style-type: none"> Họp báo và phỏng vấn; Diễn đàn và hội thảo do Báo chí tổ chức; Các kênh truyền thông khác: Điện thoại và email; Thông cáo báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> Công bố minh bạch kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, cập nhật thông tin về chiến lược; Công bố thông tin khi có sự kiện quan trọng.
Đối tác, nhà cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> Đối thoại, gặp gỡ; Điện thoại, email. 	<ul style="list-style-type: none"> Chất lượng dịch vụ; Các yếu tố về môi trường sản xuất, an toàn trong sức khỏe người lao động.
Cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> Cấp gỡ, đối thoại trực tiếp; Phối hợp chính quyền địa phương; Báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> Các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng; Các sự kiện từ thiện và quyên góp; Các hoạt động vì môi trường và phát triển địa phương.

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TIÊU CHUẨN VỀ KINH TẾ (GRI 200)

Sự hiện diện trên thị trường (GRI 202)

HDBank trả lương cho người lao động theo quy chế tiền lương rõ ràng, minh bạch và tham bảng lương cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, cạnh tranh trên thị trường và gắn với mục tiêu kinh doanh.

Thang bảng lương tại HDBank chia theo điểm bậc và tính theo vị trí công việc, kết quả hoàn thành, hoàn toàn không có yếu tố vùng miền, giới tính, hay bất kỳ yếu tố nào khác.

Thông lệ mua sắm

HDBank đã triển khai thành công phần mềm mua sắm, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại để kiểm soát và quản trị toàn bộ hệ thống cung ứng, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, công cụ, dụng cụ cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Việc triển khai thành công ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua sắm tập trung giúp HDBank quản trị đồng bộ giải pháp từ kiểm soát nhu cầu mua hàng, cấp phát hàng tồn kho, quản trị nhà cung cấp, quản lý hợp đồng, quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ được cung cấp, thúc đẩy nhanh chóng phục vụ khách hàng của Ngân hàng một cách tốt nhất và tiết giảm chi phí sử dụng chứng từ giấy.

Hoạt động mua sắm của HDBank được thực hiện tập trung, đảm bảo sử dụng đồng bộ, đạt được quy mô mua sắm lớn, tiết kiệm chi phí và thời gian. Tất cả các loại hàng hóa mua sắm thường xuyên được quy định chuẩn hàng hóa trong từng thời kỳ, được tổng hợp nhu cầu mua sắm năm và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp chính vào đầu mỗi năm tài chính. Việc mua sắm phải luôn đảm bảo hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.

Định kỳ hàng năm HDBank tiến hành tổ chức đánh giá nhà cung cấp, lựa chọn và bổ sung các nhà cung cấp chiến lược đáp ứng năng lực về vốn, kinh nghiệm triển khai, khách hàng đã cung cấp và ưu tiên chọn những nhà cung cấp có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, có uy tín trong kinh doanh.

Chống tham nhũng

Ngân hàng thành lập ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng với Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Trưởng ban chỉ đạo, và tại mỗi cụm Chi nhánh trong hệ thống thành lập Tiểu ban chỉ đạo với Giám đốc Chi nhánh là Trưởng tiểu ban.

Ban chỉ đạo xây dựng Kế hoạch hành động 5 năm (2016 – 2020) và chi tiết theo từng năm theo đúng tinh thần Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng.

Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng:

— Tăng cường quản lý, giám sát cán bộ nhân viên:

Ngân hàng đã thực hiện công khai quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, phân công cấp quản lý cán bộ về tuyển dụng, điều động, đào tạo, nâng lương, chuyển ngạch, tiêu chuẩn kỷ hợp đồng lao động đối với cán bộ nhân viên xem xét, xử lý trách nhiệm của Trưởng đơn vị/Phòng ban khi để xảy ra hành vi tham nhũng.

— Tăng cường công khai minh bạch: Ngân hàng công khai, minh bạch trong việc tăng vốn điều lệ, vốn tự có, chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Ngân hàng nhà nước; Công khai báo cáo tài chính năm trên website; Công khai các kết quả kiểm tra, thanh tra trong nội bộ; Công khai minh bạch các khoản chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng với quy định về chi tiêu nội bộ hiện hành của HDBank.

— Hoàn thiện cơ chế chính sách góp phần tăng hiệu quả của công tác phòng chống tham nhũng:

• Ngân hàng đã và đang thực hiện nghiên cứu để nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, triển khai áp dụng công nghệ thông tin cho các nghiệp vụ như Phòng, chống rửa tiền, theo dõi hồ sơ tín dụng, quản lý rủi ro, quản lý nhân sự, thực hiện đấu thầu và sử dụng công nghệ trong việc mua sắm tài sản cho Ngân hàng... để hạn chế việc can thiệp thủ công vào quy trình.

• Ngân hàng đã xây dựng và hoàn thiện dần các tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Trong năm 2019 đã ban hành 45 văn bản, sửa đổi 77 văn bản quy định về hạn mức, chi phí trong toàn hệ thống;

• Ngân hàng thường xuyên rà soát văn bản (bao gồm quy định, quy trình, thông báo, hướng dẫn) nên nhiều văn bản được ban hành mới, thay thế, sửa đổi với mục đích cải tiến, đơn giản hóa để không xảy ra việc nhầm lẫn, vu lợi nhưng vẫn đảm bảo việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và luật của các tổ chức tín dụng;

• Hàng năm, Ngân hàng đều tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng kịp thời phát hiện những trường hợp ứng xử chưa phù hợp để chấn chỉnh.

— Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ: Ngân hàng đã tăng cường kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro, vi phạm Pháp luật, bảo đảm sự an toàn ổn định của hệ thống, đấu tranh phòng chống tham nhũng và vi phạm Pháp luật trong lĩnh vực liên hệ ngân hàng; Xử lý kiên quyết những hành vi tham nhũng.

— Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò trách nhiệm cán bộ nhân viên:

• Ngân hàng đã xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp ban hành từ năm 2015 và điều chỉnh thay đổi vào đầu năm 2019; thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân viên và khách hàng;

• Ngân hàng đẩy mạnh việc quản trị, tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách pháp luật phòng chống tham nhũng đến cán bộ nhân viên thông qua các buổi họp phổ biến văn bản, sao gửi văn bản để nghiên cứu, phổ biến qua Website, trung tâm đào tạo của HDBank.

TUÂN THỦ VỚI MÔI TRƯỜNG (GRI 300)

Phát thải (GRI 305)

Các biện pháp giảm thiểu tác động của khí thải, nước thải, chất thải, tiếng ồn và độ rung:

Khí thải

— Đối với phương tiện vận chuyển

- Ngân hàng luôn trang bị những phương tiện vận chuyển đời mới, đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải Euro 4 theo quy định của Nhà nước.
- Định mức tiêu hao nhiên liệu được áp dụng cho tất cả phương tiện vận chuyển trên toàn hệ thống HDBank. Mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện vận chuyển luôn được theo dõi, báo cáo hàng tháng (thực hiện theo Quy định 2885/2017/QĐ-TGĐ).
- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu.
- Đội ngũ nhân viên lái xe được đào tạo, liên tục nhắc nhở về công tác đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả khai thác phương tiện vận chuyển, tiết kiệm nhiên liệu.
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được kiểm tra an toàn, vệ sinh sạch sẽ, tuân thủ quy định đăng kiểm lưu thông theo quy định của Nhà nước.
- Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thực hiện rà soát và đánh giá phương tiện vận chuyển trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ có mức tiêu hao nhiên liệu, phát thải không đạt chuẩn.

— Đối với khí thải từ máy phát điện

- Ngân hàng trang bị các máy phát điện hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về khí thải và tiếng ồn. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy phát điện theo đúng khuyến nghị của nhà sản xuất để đảm bảo hiệu quả sử dụng và hạn chế khí thải, tiếng ồn.
- Thông thường, Ngân hàng chỉ sử dụng máy phát điện trong những trường hợp đột xuất khi phát sinh sự cố điện, cúp điện. Những ngày cúp điện thường được thông báo trước nên Ngân hàng đã chủ động chuẩn bị trước, hạn chế tối đa sử dụng máy phát điện nhiều, vừa tốn kém chi phí, vừa ảnh hưởng môi trường. Tại vị trí lắp đặt máy phát điện, thiết kế lắp đặt ống khói cao để tránh tích tụ khí thải, tăng cường khuếch tán khí, tránh ô nhiễm cục bộ. Như vậy, lượng khí thải phát sinh do máy phát điện thực tế không đáng kể.
- Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thiết bị điều hòa không khí
- Ngân hàng luôn chọn trang bị những thiết bị điều hòa không khí hiện đại, thân thiện với môi trường. Công tác bảo dưỡng được thực hiện đúng lịch trình và kỹ thuật của nhà cung cấp, đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng.
- Điều hòa nhiệt độ luôn được thiết lập ở mức nhiệt độ phù hợp nhất (26-28 độ C), đảm bảo hiệu năng cao. Tất cả điều hòa ngay sau giờ làm việc và khuyến khích các đơn vị thực hành tiết kiệm điện khi sử dụng quạt và điều hòa không khí. Riêng hệ thống lạnh trung tâm được phân chia làm nhiều khu vực để dễ dàng điều tiết, sử dụng vừa tiết kiệm điện vừa giảm thiểu phát sinh khí thải, thay thế kịp thời thiết bị khi cũ, hư hỏng.

Nước thải

- Ngân hàng sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước.
- Mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ hàng tháng.

Chất thải

- Chất thải rắn không nguy hại nguồn phát sinh chất thải rắn không nguy hại gồm rác thải sinh hoạt và rác thải tái chế (phế liệu) bao gồm rác thải tái chế các loại bao bì carton, thùng giấy, giấy văn phòng.
- Chất thải rắn được phân loại, thu gom tại từng tầng và có nhân viên vệ sinh xử lý theo quy định.
- Thường xuyên tái sử dụng bình mực máy in/ photocopy bằng cách bơm mực thêm thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường.
- Đèn điện huỳnh quang được thay thế, các vật dụng văn phòng hư hỏng (bàn, ghế, tủ, bàn phím chuột máy tính, băng hiệu, biển quảng cáo cũ...) được phân loại riêng và xử lý đúng quy trình.
- Chất thải nguy hại không phát sinh.

Tiếng ồn và độ rung

không phát sinh.

Tuân thủ với môi trường (GRI 307)

Ngân hàng luôn ý thức chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường. Hướng đến ngân hàng thân thiện với môi trường và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động.

Văn phòng

- HDBank đang triển khai dự án văn phòng làm việc không sử dụng giấy in thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chữ ký điện tử. Nếu cao ý thức giảm thiểu chất thải thông thường tại văn phòng, sử dụng email để chuyển tiếp thông tin đối với những trường hợp không cần in ấn. HDBank đang triển khai dự án văn phòng làm việc không sử dụng giấy in thông qua ứng dụng công nghệ thông tin và chữ ký điện tử.
- Thực hiện tuyên truyền ý thức tiết kiệm điện, nước tại Ngân hàng.
- Thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt trước khi xử lý.

Phương thức thực hiện

- Thực hiện sử dụng email để chuyển tiếp thông tin, hạn chế sử dụng giấy in và xả thải ra môi trường.
- Triển khai toàn bộ hệ thống thực thi tiết kiệm điện, nước. Tất cả các thiết bị điện và điều hòa khi không sử dụng và khi ra khỏi văn phòng.
- Trang bị các thùng rác để phân loại rác tái chế, rác vỏ và rác hữu cơ trước khi đem đi xử lý.
- Thực hiện chuẩn hóa trang trí văn phòng làm việc trên toàn hệ thống; thực hiện phát động phong trào tạo dựng một môi trường làm việc thân thiện, xanh, sạch, đẹp với nhiều lợi ích cho sức khỏe, tạo hiệu ứng truyền thông nội bộ và bên ngoài về tinh thần HDBank, tinh thần yêu lao động, phát động phong trào văn hóa tổ chức thông qua chương trình "Văn phòng Xanh" các Phòng/Ban đơn vị đã thực hiện trang trí và chăm sóc cây xanh tại bàn làm việc và không gian chung tại văn phòng làm việc. Bên cạnh đó, cán bộ nhân viên luôn thực hiện cải tiến nội làm việc theo tiêu chí "5S": Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng - Sáng tạo.

TIÊU CHUẨN VỀ XÃ HỘI (GRI 400)

Liên quan đến người lao động (GRI 401-402)

Việc làm

HDBank luôn tạo sự bình đẳng giữa mọi người lao động trong cơ hội được tuyển dụng, mức thu nhập, cơ hội được đào tạo và lộ trình phát triển nghề nghiệp.

Tổng số cán bộ, nhân viên của HDBank (hợp nhất đến 31/12/2019) là 14.529 người, trong đó nhân sự của riêng Ngân hàng mẹ là 6.478 người.

Phúc lợi của người lao động

Xác định người lao động là tài sản quý giá nhất, HDBank luôn quan tâm và mang đến cho các cán bộ công nhân viên chế độ phúc lợi cạnh tranh, phù hợp quy định của Pháp luật và giúp người lao động yên tâm gắn bó và cống hiến cho Ngân hàng. Ngoài chế độ của Nhà nước, HDBank còn có những chế độ phúc lợi khác cho người lao động, như: cán bộ cấp quản lý được mua bảo hiểm sức khỏe và người lao động được mua bảo hiểm tai nạn 24/24, với mức bồi thường tối đa 30 tháng lương.



HDBank còn mua Bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên có thâm niên tại HDBank từ 05 năm trở lên.

Người lao động nghỉ thai sản được hưởng trợ cấp tương đương 1,5 tháng lương. Năm 2019, 100% cán bộ nhân viên HDBank đi làm lại sau nghỉ thai sản. Người lao động nghỉ hưu được nhận 01 tháng lương trước tháng nghỉ hưu. Ngân hàng cũng chi trả tiền nghỉ mát, thưởng thâm niên, thưởng Tết, trợ cấp cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Cán bộ nhân viên có nhu cầu vay vốn cải thiện chất lượng cuộc sống sẽ được Ngân hàng xem xét hỗ trợ.

Mối quan hệ giữa lãnh đạo với người lao động

Ban lãnh đạo HDBank luôn thực hiện việc tham vấn ý kiến người lao động trước khi đưa ra một quyết định cụ thể. Các quy trình, quy định, chính sách về nghiệp vụ được xây dựng và lấy ý kiến thông qua email, cuộc họp trực tiếp, họp với các bên liên quan, các cấp có thẩm quyền trước khi ban hành. Đối với những việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động như cho nghỉ việc, kỷ luật, sa thải, thay đổi nơi làm việc, Ngân hàng luôn tham khảo ý kiến của Công đoàn và người lao động được thông báo, đối thoại trước khi có quyết định chính thức. Thời hạn báo trước hay đối thoại được quy định cụ thể trong các văn bản như Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Quy trình xử lý kỷ luật, Quy trình nghỉ việc.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tại HDBank, trong những năm qua không xảy ra trường hợp nào tử vong, có thương tích hay bệnh nghề nghiệp liên quan đến công việc.

Hàng năm, người lao động đều được khám sức khỏe định kỳ, được tham gia các khóa đào tạo về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với các mối đe dọa an ninh, phòng chống bạo lực. Đối với các công việc liên quan đến vận hành máy móc, làm việc nặng nhọc, người lao động đều được tập huấn, đào tạo trước khi sử dụng, làm việc.

Ngoài hình thức chi tiền mặt, HDBank bổ sung thêm hình thức chi bằng hiện vật để bồi dưỡng sức khỏe cho cán bộ nhân viên thuộc nghiệp vụ kho quỹ.

Giáo dục và đào tạo

Tổ chức đào tạo tập trung cho trên 27.000 lượt cán bộ nhân viên. Trong đó, đào tạo qua hình thức online cho trên 13.000 lượt cán bộ nhân viên tham gia.

Triển khai 190 khóa đào tạo cho các nhân viên tân tuyển ngay khi được tiếp nhận vào ngân hàng với trên 5.000 lượt cán bộ nhân viên tham gia.

Tái đào tạo và cập nhật kiến thức cho cán bộ nhân viên hiện hữu với gần 400 khóa học.

Tăng cường công tác đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên về các lĩnh vực như: Quản lý rủi ro tín dụng, Quản lý rủi ro hoạt động, Phân tích báo cáo tài chính, Nghiệp vụ ngoại hối và phái sinh hàng hóa, Nghiệp vụ nâng cao cho cán bộ nhân viên khối Công nghệ Thông tin và Ngân hàng Điện tử gồm các khóa học như Chuyên gia phân tích báo cáo tài chính (ECSA/LPT), Oracle Introduction SQL, Lập trình Python cơ bản và nâng cao, Big Data.

Đào tạo kỹ năng mềm cho cán bộ nhân viên thông qua các khóa huấn luyện về Kỹ năng bán hàng và bán chéo sản phẩm, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng bán hàng tại quầy, Kỹ năng làm việc nhóm, Phương pháp nhận biết chữ ký, Hình dấu và tài liệu giả mạo trong hoạt động ngân hàng, Kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống khi có kẻ gian tấn công.

Chính sách tuyển dụng, lương và lộ trình nghề nghiệp

— Chính sách tuyển dụng

HDBank xây dựng chính sách tuyển dụng trên nguyên tắc minh bạch, chuyên nghiệp và công bằng. Cụ thể:

- Minh bạch: Mọi bước trong quy trình tuyển dụng, rõ ràng trong mọi chính sách chế độ dành cho ứng viên;
- Chuyên nghiệp: Quá trình tuyển dụng nhanh gọn, thuận tiện cho mọi ứng viên trên cả nước;
- Công bằng: Cam kết mọi ứng viên đều được đối xử bình đẳng, công bằng trong suốt quá trình tuyển dụng, từ khâu tham gia phỏng vấn trực tiếp đến thi nghiệp vụ.

— Chính sách lương và phụ cấp

HDBank trả lương cho người lao động theo quy chế tiền lương rõ ràng, minh bạch và thang bảng lương cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật, cạnh tranh trên thị trường và gắn với mục tiêu kinh doanh. Thang bảng lương tại HDBank chia theo điểm bậc và tính theo vị trí công việc, kết quả hoàn thành, hoàn toàn không có yếu tố vùng miền, giới tính, hay bất kỳ yếu tố phân biệt đối xử nào khác.



• Ngân hàng luôn quan tâm đến việc xem xét năng lực, trả lương đúng, đủ, trong đó đặc biệt chú trọng đến tính cạnh tranh về lương trên thị trường, nhằm phát triển và giữ chân nhân tài. Người lao động được đảm bảo thu nhập ổn định và đủ tính khuyến khích mọi cá nhân gia tăng năng suất và hiệu quả hoàn thành công việc.

— Lộ trình phát triển nghề nghiệp

HDBank đã xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng vị trí chức danh để tạo cơ hội cho tất cả các nhân viên tiềm năng trở thành những nhà lãnh đạo ngân hàng trong tương lai.

— Không phân biệt đối xử

HDBank tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm người lao động dựa trên các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, năng lực, kết quả công việc, tuyệt đối không có trường hợp nào phát sinh trên cơ sở phân biệt tôn giáo, quốc tịch, màu da, giới tính...

— Tự do thành lập hội, quyền tham gia Công đoàn và thương lượng tập thể

Người lao động tại HDBank tham gia vào tổ chức công đoàn các cấp: Tổ chức Công đoàn cơ sở, tổ chức Công đoàn doanh nghiệp. HDBank và người lao động đã tiến hành thương lượng, ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể.

Ngoài Thỏa ước lao động tập thể, các văn bản khác liên quan đến quyền của người lao động như Nội quy lao động, Quy chế dân chủ cơ sở cũng được lấy ý kiến ràng rài thông qua các tổ chức công đoàn hoặc lấy ý kiến trực tiếp của người lao động.

Các hoạt động phong trào đoàn thể, nâng cao đời sống tinh thần của người lao động được Ngân hàng quan tâm đầu tư và nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ từ người lao động. Tại

Hội thi Duyên dáng áo dài 2019 do Liên đoàn Lao động TP.HCM tổ chức nhân dịp kỷ niệm 109 năm Ngày quốc tế Phụ nữ (08/03/1910 - 08/03/2019) và 1979 năm cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, HDBank đã vinh dự đoạt Giải Nhất tiết mục cá nhân và Giải Ba tiết mục tập thể.

Cán bộ nhân viên HDBank đã khẳng định tài năng không chỉ trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng mà còn trong các hoạt động nghệ thuật. Hội thi Duyên dáng Áo dài Việt 2019 là cơ hội để HDBank tham gia hoạt động cộng đồng, góp phần giữ gìn, phát huy vẻ đẹp chiếc áo dài Việt Nam, đồng thời còn là một dịp quảng bá hình ảnh HDBank đến với bề bộn khắp thành phố và cả nước.

— Không sử dụng lao động trẻ em

HDBank không sử dụng lao động trẻ em trong tổ chức của mình. Người lao động làm việc tại HDBank phải ít nhất từ đủ 18 tuổi trở lên.

Người lao động có độ tuổi trẻ nhất tại HDBank là 22 tuổi (sinh năm 1998).

— Chống lao động cưỡng bức và ép buộc

HDBank tuân thủ nghiêm túc Luật lao động và các quy định liên quan về quyền và nghĩa vụ của người lao động. Theo đó, 100% người lao động làm việc tại HDBank được ký Hợp đồng lao động theo quy định của Pháp luật, trong đó có nêu rõ nội dung việc, chế độ lương, thưởng, nghỉ ngơi, công việc được giao và các quyền và lợi ích hợp pháp khác. Khi có thay đổi về điều kiện làm việc so với Hợp đồng lao động đã ký, hay phát sinh nhu cầu cần làm thêm giờ người lao động luôn được hỏi ý kiến rõ ràng, cụ thể. Mọi quyết định liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động chỉ được đưa ra sau khi có sự thỏa thuận, thương lượng với người lao động.



Trách nhiệm đối với khách hàng và cộng đồng địa phương

HDBank luôn gắn liền hoạt động kinh doanh với trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội. Trong năm qua, Ngân hàng tiếp tục đề tài những dấu ấn tốt đẹp thông qua những hoạt động ý nghĩa trên cả nước.

Tin dụng xanh vì một tương lai thịnh vượng, bền vững và tiến bộ

Trong chiến lược phát triển bền vững của mình, HDBank dành một nguồn lực đáng kể phát triển Tín dụng xanh. Tín dụng xanh là một bộ phận cấu thành tài chính xanh, góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển xã hội một cách bền vững, thân thiện với môi trường.

Trong năm qua, HDBank đã dành nguồn vốn trung và dài hạn để phát triển tín dụng xanh và được đánh giá là một trong những ngân hàng đang tiên phong về phát triển tín dụng Xanh hiện nay.



Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng khách hàng tham gia lũy kế (doanh nghiệp)	307	327	386	443	553
Doanh số giải ngân lũy kế (tỷ đồng)	390	558	631	839	963

Cụ thể, HDBank đã triển khai mạnh Chương trình tín dụng xanh với quy mô 10.000 tỷ đồng trong năm 2019. Ngoài ra, HDBank dành 10.000 tỷ đồng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

Điển hình là dự án "Mua, Xây, Sửa nhà xanh" nhằm hỗ trợ các cá nhân, hộ kinh doanh có khả năng xây lắp hệ thống điện mặt trời trên mái nhà với lãi suất ưu đãi. Với chính sách của Nhà nước khuyến khích phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo, rất nhiều hệ thống điện mặt trời đã được triển khai, xây lắp tại các hộ dân thông qua chương trình "Mua, Xây, Sửa nhà xanh" của HDBank. Chương trình không

chỉ giúp cho các hộ gia đình, hộ kinh doanh có thêm nguồn điện mà còn góp phần giảm áp lực đảm bảo nguồn cung của lưới điện quốc gia và nâng cao nhận thức của các chủ thể trong nền kinh tế về các vấn đề môi trường, xã hội.

Ngoài ra, để người dân tại địa bàn nông thôn có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng dễ dàng, tăng gia sản xuất, HDBank đã triển khai nhiều hội nghị, hội thảo tại khu vực nông thôn nhằm cung cấp kiến thức giải pháp tài chính, kiến thức về kỹ thuật canh tác thông qua sự hợp tác của HDBank với các đối tác lớn, góp phần thiết thực cải thiện, nâng cao đời sống của người dân tại địa bàn nông thôn.

Thêm vào đó, với nguồn lực tài chính vững mạnh và uy tín không ngừng nâng cao, HDBank tiếp tục được chọn là đối tác của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Ngân hàng đã có 10 năm giải ngân vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp SME với quy mô tín dụng và số lượng doanh nghiệp được hưởng lợi ngày một tăng.

Những chương trình nêu trên của HDBank là minh chứng cụ thể cho sự đồng hành của Ngân hàng với Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp trong thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,

nông nghiệp sạch ứng dụng những thành tựu tiên tiến của cuộc cách mạng 4.0, đồng thời góp phần kiến tạo một tương lai thịnh vượng hơn, xanh đẹp hơn cho thế hệ trẻ.

Bên cạnh hoạt động cấp tín dụng xanh, Ngân hàng cũng chú trọng từng bước "xanh hóa" công tác vận hành. Các quy trình xử lý hồ sơ được HDBank dân từ đồng hóa, ứng dụng IPaper nhằm hạn chế phê duyệt trên hồ sơ giấy và qua đó nâng cao năng lực bảo mật dữ liệu, thông tin khách hàng tốt hơn.

Hỗ trợ nâng cao sức khỏe cộng đồng

Trao thẻ Bảo hiểm y tế cho người dân cận nghèo trên cả nước là hoạt động thiện nguyện thường niên của HDBank từ năm 2012 đến nay, hưởng ứng lời kêu gọi Bảo hiểm y tế toàn dân. Sau 8 năm, HDBank phối hợp với Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP. Hồ Chí Minh đã trao tặng hơn 28.000 thẻ Bảo hiểm y tế do HDBank tài trợ kinh phí cho những người dân cận nghèo trên cả nước. Riêng năm 2019, HDBank trao 7.400 thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo. Song song đó, tham gia hành trình "Đem lại ánh sáng cho người mù nghèo" do Hội Bảo trợ Bệnh Nhân nghèo tổ chức, tính đến nay HDBank đã tài trợ chi phí cho hàng trăm ngàn người nghèo bị đục thủy tinh thể được điều trị phẫu thuật và khôi phục thị lực. Năm 2019, HDBank đã tài trợ hơn 900 triệu đồng và phối hợp tổ chức 1.110 ca phẫu thuật mắt cho bà con.



Chương trình hỗ trợ miễn phí đem lại ánh sáng cho người mù nghèo.



Ngày hội nhân mẫu nhân đạo

Đầu tư cho giáo dục, lan tỏa yêu thương trong cộng đồng

Xác định đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho tương lai, nhiều năm qua, HDBank đã nỗ lực tập trung hỗ trợ trao cơ hội học tập, tiếp thêm sức mạnh cho hàng nghìn em học sinh, sinh viên trên cả nước để các em vững bước đến trường.

Từ năm 2018 đến nay, Ngân hàng phối hợp cùng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam đã trao 2.000 suất học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước. Bên cạnh đó, HDBank với mạng lưới trải rộng khắp cả nước, đã trao hàng trăm suất học bổng mỗi năm tiếp sức cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, đồng thời tạo cơ hội việc làm cho các em sau khi tốt nghiệp.

Trong năm qua, Ban lãnh đạo và nhân viên HDBank đã tiếp tục có thêm nhiều chuyến thăm hỏi, tặng quà tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội trên cả nước. Thăm Trung tâm Bảo trợ dạy nghề tạo việc làm cho người tàn tật TP. HCM, Trung tâm Bảo trợ trẻ em khuyết tật Thị Nghè TP. HCM.

Ngoài ra, Công đoàn và Đoàn Thanh niên HDBank cũng tổ chức nhiều chuyến thăm hỏi, tặng quà tại các địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế khó khăn trên cả nước.



Chợ gạo yêu thương cho trẻ em có thị nghèo - TP. HCM



Trao tặng trong buổi lễ trao Hưởng Tài trợ Thị trấn Sapa

Đầu tư cho thể thao trẻ Việt Nam

Gần một thập kỷ qua, HDBank ghi đậm dấu ấn là một tổ chức tin dùng tích cực chung tay vì một Việt Nam tươi sáng, với những chương trình tài trợ giàu ý nghĩa.

2019 là năm thứ 9 liên tục HDBank đồng hành cùng Giải Cờ vua Quốc tế. Sau 09 năm tổ chức thành công, gây tiếng vang trên làng cờ thế giới, giải Cờ vua Quốc tế HDBank đã trở thành sân chơi mong đợi của các anh tài cờ vua cũng như nhận được sự quan tâm của cộng đồng những người yêu cờ vua trên thế giới. Từ cái nôi là Giải Cờ vua Quốc tế HDBank, thương hiệu trí tuệ Việt Nam đã được chấp cánh vươn xa trên làng cờ thế giới với những cái tên như Lê Quang Liêm, Đào Thiên Hải, Phạm Lê Thảo Nguyên, Nguyễn Anh Khôi, Nguyễn Ngọc Trường Sơn, Nguyễn Thị Mai Hưng... Cờ vua Việt Nam hiện xếp hạng thứ 7 trên bản đồ cờ vua thế giới.

Ngoài cờ vua, từ năm 2017, HDBank dành nhiều tâm huyết cho bộ môn bóng đá Futsal với vai trò là nhà tài trợ kim cương cho Giải Futsal Vô địch Quốc gia, Giải Futsal Cup Quốc gia và Giải Futsal Vô địch Đông Nam Á.

HDBank mong muốn góp sức nuôi dưỡng thế hệ cầu thủ trẻ tài năng, đồng thời đưa Futsal trở thành giải bóng đá uy tín, hấp dẫn, vươn tầm khu vực và thế giới.



2019 là năm thứ 9 liên tục HDBank đồng hành cùng Giải Cờ vua Quốc tế



HDBank đồng hành cùng các mùa giải Futsal từ năm 2017 đến nay

Hỗ trợ truyền thông về kiến thức tiêu dùng

2019 là năm thứ 3 HDBank tham gia tài trợ cho chương trình truyền hình "Tiền khéo, tiền khôn" trên kênh VTV3. Thông qua việc phổ biến kiến thức về những tiện ích, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, HDBank và đơn vị sản xuất chương trình đã thành công khi góp phần nâng cao ý thức và thay đổi hành vi của người dân, giúp phòng ngừa các rủi ro và sử dụng đồng tiền hiệu quả nhất. "Tiền khéo, tiền khôn" đã trở thành chương trình quen thuộc, được nhiều khán giả quan tâm đón xem.



Thương mại nhân đạo giao lưu tại HDBank



Khai mạc Dartsouth đến giao lưu tại HDBank



HDBank tài trợ chương trình "Tiền khéo - Tiền khôn"

8

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 THÔNG TIN CHUNG
- 2 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 3 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- 4 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
- 5 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
- 6 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- 7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

HIỂN THỊ MINH BẠCH
CHINH PHỤC THỬ THÁCH



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THÔNG TIN CHUNG**NGÂN HÀNG**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") là ngân hàng thường mại có phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 2 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-CP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngân hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngân hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà HD Tower, số 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một (1) văn phòng đại diện khu vực miền Bắc, một (1) văn phòng đại diện tại Myanmar, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm hai mươi một (221) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỐ NHIỆM/ TÁI BỐ NHIỆM/ TỪ NHIỆM
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Đông	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lim Peng Khoun	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lý Vinh Quang	Thành viên độc lập	Từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY TÁI BỐ NHIỆM
Ông Đào Duy Tường	Trưởng ban	Ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	Ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên	Ngày 21 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỐ NHIỆM/ TÁI BỐ NHIỆM
Ông Nguyễn Hữu Đông	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2019 (*)
Ông Phạm Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2003
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2018
Ông Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2019
Ông Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Văn Điều	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2009
Bà Hồ Đông Hoàng Quyên	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2011

(*) Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí ngày 1 tháng 1 năm 2019 và tái nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hữu Đông, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng và các công ty con.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Ông Nguyễn Hữu Đăng
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Các cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 16 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có tồn tại sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các Công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các Công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
Nguyễn Anh
Thủ trưởng Kiểm toán
Số Giấy Chứng nhận kiểm toán: 2071.2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2020


Vu Tien Giang
Kiểm toán viên
Số Giấy Chứng nhận kiểm toán: 3221-2020-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	5	2.004.563	2.096.395
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	4.503.540	5.385.604
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		24.664.877	32.425.544
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	23.854.877	30.695.162
Cho vay các TCTD khác	7.2	810.000	1.730.382
Chứng khoán kinh doanh	8	4.643.488	2.596.626
Chứng khoán kinh doanh:		4.650.988	2.603.376
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(7.500)	(6.750)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9		208.294
Cho vay khách hàng		144.699.636	121.791.723
Cho vay khách hàng:	10	146.324.378	123.131.648
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	(1.624.742)	(1.339.925)
Chứng khoán đầu tư		36.041.894	42.694.913
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	15.749.443	25.754.996
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		20.696.368	17.888.621
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	12.5	(403.917)	(948.704)
Cấp vốn, đầu tư dài hạn		166.821	164.931
Đầu tư dài hạn khác		185.117	185.117
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	13	(18.296)	(20.186)
Tài sản cố định		903.562	1.615.456
Tài sản cố định hữu hình	14	532.148	569.227
Nguyên giá tài sản cố định		1.179.232	1.171.919
Khấu hao tài sản cố định		(647.084)	(602.692)
Tài sản cố định vô hình	15	371.414	1.046.229
Nguyên giá bất động sản cố định		575.870	1.240.443
Hao mòn tài sản cố định		(204.456)	(194.214)
Bất động sản đầu tư	16	44.098	51.955
Nguyên giá bất động sản đầu tư		44.295	52.347
Khấu hao bất động sản đầu tư		(197)	(392)

	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tài sản Cố khác			
Các khoản phải thu	17.1	6.719.990	1.974.124
Các khoản lãi, phí phải thu	17.2	3.397.571	3.519.215
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	24.2	2.413	-
Tài sản Cố khác	17.3	1.924.402	1.571.947
Trong đó: Lợi thế thương mại	4	22.068	27.851
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Cố nội bảng khác	17.4	(39.593)	(39.321)
TỔNG TÀI SẢN		229.477.262	216.057.406
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	209.151	7.911.883
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	49.793.517	40.689.261
Tiền gửi của các TCTD khác	19.1	26.220.754	22.837.748
Vay các TCTD khác	19.2	23.572.763	17.851.513
Tiền gửi của khách hàng	20	126.018.576	128.060.094
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	14.262	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	21	3.043.492	3.045.666
Phát hành giấy tờ có giá	22	25.013.063	14.927.000
Các khoản nợ khác		5.004.085	4.595.362
Các khoản lãi, phí phải trả	23.1	3.249.358	3.143.348
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	24.2	-	1.585
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.2	1.754.727	1.450.429
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		209.096.146	199.229.266
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		11.693.415	11.852.342
Vốn điều lệ		9.810.000	9.810.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		89	89
Thặng dư vốn cổ phần		2.042.255	2.042.255
Cổ phiếu quỹ		(158.929)	(2)
Các quỹ dự trữ		1.248.389	775.800
Lợi nhuận chưa phân phối		6.130.768	3.007.022
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.308.544	1.192.976
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	25.1	20.381.116	16.828.140
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ & VỐN CHỦ SỞ HỮU		229.477.262	216.057.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Bảo lãnh vay vốn	61.869	8.565
Cam kết giao dịch hối đoái	77.375.402	74.523.122
Cam kết mua ngoại tệ	6.981.635	4.414.221
Cam kết bán ngoại tệ	6.570.181	3.471.919
Cam kết giao dịch hoán đổi	63.823.586	66.636.982
Cam kết trong nghiệp vụ thu tín dụng	4.883.307	4.891.115
Bảo lãnh khác	4.403.712	3.337.898
Các cam kết khác	5.019.770	2.698.939
39	91.744.060	85.459.639

Người lập:

Bà Hồ Đăng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Đăng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	19.618.067
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(9.871.512)
Thu nhập lãi thuần	9.746.555	7.645.693
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	821.429	541.049
Chi phí hoạt động dịch vụ	(195.553)	(102.874)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	625.876	438.175
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	229.802	314.661
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	80.459	124.336
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	239.949	341.516
Thu nhập từ hoạt động khác	474.880	523.279
Chi phí hoạt động khác	(36.602)	(56.629)
Lãi thuần từ hoạt động khác	438.278	466.650
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	27.069	109.324
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	11.387.988	9.440.355
Chi phí cho nhân viên	(2.615.979)	(2.376.710)
Chi phí khấu hao	(81.947)	(88.799)
Chi phí hoạt động khác	(2.382.566)	(1.975.927)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(5.080.492)	(4.441.456)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	6.307.496	4.998.899
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	11	(1.289.083)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	5.018.413	4.004.628
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(1.002.077)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	3.998
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(998.079)	(803.117)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	4.020.334	3.201.511
Trong đó:		
Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Ngân hàng	3.604.766	2.842.085
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	415.568	359.426
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	26	3.675
		2.892

Người lập:

Bà Hồ Đăng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2020

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Đăng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	THUYẾT MINH	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự/ nhân được		20.189.182	17.067.238
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.705.821)	(8.782.394)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhân được		610.673	437.648
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		462.071	774.359
Thu nhập khác		203.387	237.015
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	33	189.016	173.957
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(5.549.674)	(4.418.126)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(851.655)	(749.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		5.547.179	4.740.006
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		(359.618)	(344.382)
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		4.902.953	5.129.903
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		208.294	(208.294)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(23.192.730)	(18.626.871)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản [tin dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn và tài sản cố định]		(1.565.060)	(1.028.303)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(3.815.562)	1.712.544
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		9.344.897	24.069.351
(Giảm)/tăng các khoản nợ NHNN Việt Nam		(1.702.732)	7.755.630
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		9.104.256	3.471.883
(Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng		(2.041.518)	7.522.625
Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		14.262	(70.098)
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		(2.174)	117.925
Tăng phát hành giấy tờ có giá		10.086.063	5.134.000
(Giảm)/tăng khác về nợ phải trả hoạt động		(109.829)	141.563
Chi từ các quỹ của Ngân hàng và các công ty con	251	(3.431)	(4.177)
Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(8.929.647)	15.443.954

	THUYẾT MINH	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(183.219)	(84.350)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định		132.012	15.003
Tiền chi từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định		(6.348)	
Mua sắm bất động sản đầu tư		(221)	(6.310)
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		25.100	
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	65.771
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	34	27.069	109.324
Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(5.607)	99.438
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		(158.927)	-
Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	(1.275.284)
Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(158.927)	(1.275.284)
Tiền thuần trong năm		(9.094.181)	14.268.108
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	36	39.457.161	25.189.053
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	36	30.362.980	39.457.161

Người lập:

Bà Hồ Đông Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Đăng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại có phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

• Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 2 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

• Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 9.810 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 9.810 tỷ đồng).

• Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà HD Tower, số 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một (1) văn phòng đại diện khu vực miền Bắc, một (1) văn phòng đại diện tại Myanmar, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm hai mươi một (221) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

• Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	TỈ LỆ SỞ HỮU (%)
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	36.02376446 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, được điều chỉnh lần thứ sáu (6) vào ngày 13 tháng 1 năm 2015	Quản lý tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON ("HD SAISON"), tên gọi trước đây là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	0304990133 ngày 13 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, được điều chỉnh lần thứ mười năm (15) vào ngày 19 tháng 2 năm 2020	Tài chính/ Ngân hàng	50%

• Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào 31 tháng 12 năm 2019 là 14.528 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 13.992 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và các Công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng và các Công ty con là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("Triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Ngân hàng mẹ và các Công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Ngân hàng mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.6 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp

Ngày 8 tháng 8 năm 2019, Bộ tài chính ban hành Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các thay đổi chính của Thông tư 48 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung cách xác định dự phòng giảm giá chứng khoán
- Bổ sung các trường hợp được phép trích lập dự phòng cho các khoản phải thu

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019, thay thế cho Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09").

Theo đó, Ngân hàng và các Công ty con trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 3.5.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và các Công ty con không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

3.4 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được cộng bộ và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 3.5.

3.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

NHÓM NỢ	DIỄN GIẢI	TỶ LỆ DỰ PHÒNG CỤ THỂ (%)
1	Nợ đủ tiêu chuẩn (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn (a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. 	20%
4	Nợ nghi ngờ (a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%

NHÓM NỢ	DIỄN GIẢI	TỶ LỆ DỰ PHÒNG CỤ THỂ (%)
5	Nợ có khả năng mất vốn (a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ có cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng và các công ty con được phép thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ một lần theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng và các Công ty con mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và các Công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng và các Công ty con phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

3.6 Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam ("VAMC")

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN "Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8493/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua, bán nợ xấu của VAMC và TCTD". Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phân chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Thu nhập khác".

3.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chỉ phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần số hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Định kỳ Ngân hàng phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.8 Chứng khoán kinh doanh

3.8.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

3.8.2 Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại thông tư 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 3.5.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện

khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

3.8.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

3.9 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

3.9.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp công dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu từ chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu từ chứng khoán.

3.9.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

Đối với chứng khoán nợ chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 3.5.

3.10 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liên kế trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X(m) = \frac{Y}{n} \times m - (Zm + Xm - 1)$$

Trong đó:

- $X(m)$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m ;
 - $Xm-1$ là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ $m-1$;
 - Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
 - n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
 - m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
 - Zm là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phải hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.
- Trường hợp $Zm + Xm - 1$ (tức $X(m)$ khi số tiền trích lập dự phòng cụ thể (DPM) được tính là không đủ).
- Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tất toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự".

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán hơ được Ngân hàng mua hân với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hân trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

3.11 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

3.12 Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 1% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư	=	Tỷ lệ số hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng	X	Vốn đầu tư thực tế của các chủ số hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.	-	Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng
--	---	---	---	--	---	---

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.13 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuận từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14. Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuế tài sản hay không, dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu theo hợp đồng thuế tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuế tài sản khác được phân loại là thuế hoạt động.

Các khoản tiền thuế theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

3.15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và các Công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 10 - 40 năm

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và kết thúc không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.16. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 14 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	6 - 49 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

3.17. Các khoản phải thu

3.17.1. Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng và các Công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh 3.5.

3.17.2. Các khoản nợ phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động khác" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.18. Chi phí trả trước và chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.19. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

3.20. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các Công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.21. Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 3.5.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và các Công ty con không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

3.2.2 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ hộ mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và các Công ty con, và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con.

3.2.3 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Ngân hàng và các Công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các Công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng kỳ hạn.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

3.2.4 Vốn cổ phần

3.2.4.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

3.2.4.2 Thặng dư vốn cổ phần

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

3.2.4.3 Cổ phiếu quỹ

Cổ công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.2.4.4 Các quỹ và dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	TỶ LỆ PHÂN TRẢM CỦA LỢI NHUẬN SAU THUẾ	MỨC TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập Công ty.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH HD SAISON

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

3.2.5 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và Thông tư 09 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng và các Công ty con thực nhận.

Phí dịch vụ và hoa hồng: Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của Ngân hàng;
 - Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm tài chính;
 - Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.
- Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc; dự nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Thu nhập khác: Doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

3.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng và các Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng và các Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nộp khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nộp trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nộp trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Ngân hàng và các Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Ngân hàng và các Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tiếp theo lại khi các khoản trong yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.27 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và các Công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các Công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh SO). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và các Công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên tài khoản "Vốn chủ sở hữu" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

3.28 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các Công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và các Công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

3.29 Lợi ích của nhân viên

3.29.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các Công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,50% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng và các Công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.29.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng và các Công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.29.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng và các Công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH

Tại ngày 30 tháng 10 năm 2013, Ngân hàng đã mua 100% vốn của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDFI-nance) (tên gọi trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Việt Société Générale) theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 2532/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 629.376 triệu đồng được thanh toán bằng tiền trong năm 2013. Lợi thế thương mại phát sinh là 115.251 triệu đồng được phân bổ trong 10 năm.

Trong năm 2014, Ngân hàng đã bán 49% tỷ lệ sở hữu trong HDFI-nance cho Công ty Credit Saison, và đổi tên là Công ty Tài chính TNHH HD SAISON ("HD SAISON"). Trong tháng 5 năm 2015, Ngân hàng cũng đã tiếp tục hoàn tất việc chuyển nhượng 1,00% vốn góp tại HD SAISON cho một nhà đầu tư trong nước với tổng giá bán là 17,000 triệu đồng và ghi nhận khoản lợi nhuận là 9.604 triệu đồng. Theo đó, Ngân hàng đã ghi nhận giảm lợi thế thương mại tương ứng với tỷ lệ thoái vốn trong năm tương ứng.

Thay đổi giá trị lợi thế thương mại trong năm như sau:

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Tổng giá trị Lợi thế thương mại ("LTTM")	115.251	115.251
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	(87.400)	(81.637)
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	27.851	33.614
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(5.763)	(5.763)
Giá trị LTTM phân bổ trong năm (Thuyết minh 33)	(5.763)	(5.763)
Lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	22.088	27.851

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tiền mặt bằng VND	1.258.325	1.117.265
Tiền mặt bằng ngoại tệ	712.772	962.428
Vàng tiền tệ	33.466	16.212
	2.004.563	2.096.395

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Bằng VND	3.786.971	5.373.113
Bằng Đô la Mỹ ("USD")	116.569	12.491
Tiền gửi phong tỏa	600.000	-
	4.503.540	5.385.604

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Đối với tiền gửi của khách hàng		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam tại thời điểm cuối năm như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,80	1,20
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05	0,05

7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC

7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tiền gửi không kỳ hạn	14.127.234	20.524.462
- Bằng VND	12.352.022	12.809.619
- Bằng ngoại tệ	1.775.212	7.714.843
Tiền gửi có kỳ hạn	9.727.643	10.170.700
- Bằng VND	6.070.000	7.150.000
- Bằng ngoại tệ	3.657.643	3.020.700
	23.854.877	30.695.162

Mức lãi suất hàng năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Bằng VND	1,20 - 6,00	4,50 - 5,60
Bằng ngoại tệ	0,01 - 1,90	0,00 - 3,00

7.2 Cho vay các TCTD khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Bằng VND	810.000	1.730.382
Trong đó: Cho vay chiết khấu, tái chiết khấu	-	250.382
	810.000	1.730.382

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay các TCTD khác như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Bằng VND	4,50 - 6,00	4,40 - 6,00

7.3 Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các TCTD khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Nợ dự tiêu chuẩn	10.537.543	11.901.082
Tiền gửi có kỳ hạn	9.727.643	10.170.700
Cho vay các TCTD	810.000	1.730.382

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Chứng khoán Ng		
Trái phiếu Chính phủ	1.114.332	1.001.753
Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	2.462.000	401.623
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.074.656	1.200.000
	4.650.988	2.603.376
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung	(7.500)	(6.750)
	4.643.488	2.596.626

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Đã niêm yết	1.114.332	1.001.753
Chưa niêm yết	3.536.656	1.601.623
	4.650.988	2.603.376

Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số đầu năm	6.750	3.000
Số trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	750	3.750
Số cuối năm	7.500	6.750

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHẢI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/ KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	TỔNG GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG (theo tỷ giá ngày hiệu lực nạp đồng) (Triệu đồng)	GIÁ TRỊ GHỊ SỔ KẾ TOÁN RỘNG (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		TÀI SẢN (Triệu đồng)	CÔNG NỢ (Triệu đồng)
Công cụ tài chính phải sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.301.580	5.525	-
Giao dịch hoàn đổi tiền tệ	32.119.652	39.473	59.260
	35.421.232	44.998	59.260
Số thuận			14.262
Công cụ tài chính phải sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.884.973	-	1.142
Giao dịch hoàn đổi tiền tệ	33.242.955	228.205	18.769
	36.127.928	228.205	19.911
Số thuận		208.294	

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	141.694.777	117.485.224
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.860.602	1.837.491
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	1.702.327	2.630.200
Cho vay thấu chi và thẻ tín dụng	1.018.069	1.039.162
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	23.811	131.789
Các khoản trả thay khách hàng	26.852	7.782
	146.324.378	123.131.648

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	142.024.359	119.646.947
Nợ cần chú ý	2.303.354	1.599.751
Nợ dưới tiêu chuẩn	483.922	525.191
Nợ nghi ngờ	583.859	626.723
Nợ có khả năng mất vốn	928.884	733.036
	146.324.378	123.131.648

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Nợ ngắn hạn	79.260.865	67.115.639
Nợ trung hạn	23.861.577	24.748.486
Nợ dài hạn	43.201.936	31.267.523
	146.324.378	123.131.648

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	(%)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)	(%)
Cho vay các tổ chức kinh tế	74.042.414	50,60	62.568.265	50,82
Công ty cổ phần khác	38.574.197	26,36	33.584.239	27,28
Công ty TNHH khác	29.870.400	20,42	24.016.754	19,50
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.977.677	1,35	2.137.205	1,74
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.688.542	1,15	383.636	0,31
Hệ kinh doanh	1.251.797	0,86	1.364.633	1,11
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong điều lệ của công ty	335.511	0,23	368.811	0,30
Công ty Nhà nước	133.472	0,09	210.380	0,17
Doanh nghiệp tư nhân	66.895	0,05	36.838	0,03
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	6.815	-	401.011	0,33
Khác	137.168	0,09	164.778	0,05
Cho vay cá nhân	72.281.964	49,40	60.563.383	49,18
	146.324.378	100,00	123.131.648	100,00

10.4 Phân tích dự nợ cho vay theo tiền tệ

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)		SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)	
		%		%
Bằng VND	135.101.978	92,33	113.025.679	91,79
Bằng ngoại tệ	11.222.400	7,67	10.105.969	8,21
	146.324.378	100,00	123.131.648	100,00

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng và công ty con tại thời điểm cuối năm như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Bằng VND	0,00 - 80,90	0,00 - 79,02
Bằng ngoại tệ	0,01 - 9,30	0,01 - 8,50

10.5 Phân tích dự nợ cho vay theo ngành

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)		SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)	
		%		%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình	52.928.782	36,17	46.370.797	37,66
Xây dựng	15.594.390	10,66	13.504.461	10,97
Hoạt động kinh doanh bất động sản	11.504.446	7,86	8.414.957	6,83
Công nghiệp chế biến, chế tạo	10.639.394	7,27	7.810.834	6,34
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	9.416.255	6,44	3.233.808	2,63
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7.875.077	5,38	6.935.091	5,63
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	6.616.331	4,52	4.009.915	3,26
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.798.589	3,96	6.977.653	5,67
Vận tải kho bãi	3.044.265	2,08	2.541.493	2,06
Thông tin và truyền thông	1.223.893	0,84	1.236.420	1,00
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	894.656	0,61	1.396.710	1,13
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	616.043	0,42	170.462	0,14
Khai khoáng	305.814	0,21	164.212	0,13
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	209.376	0,14	200.449	0,16
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	179.282	0,12	99.103	0,08
Giáo dục và đào tạo	174.043	0,12	129.755	0,11
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	125.564	0,09	216.099	0,18
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	50.754	0,03	42.333	0,03
Hoạt động dịch vụ khác	19.126.834	13,08	19.678.096	15,99
	146.324.378	100,00	123.131.648	100,00

11. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Số dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	1.624.742	1.339.925
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12.5	355.096	915.890
		1.979.838	2.255.815

Chỉ phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	THUYẾT MINH	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số trích lập dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ			3.555
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11.1	1.337.820	905.990
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12.5	151.263	84.806
		1.289.063	994.271

11.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Theo Điều 8 của Thông tư 02, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu dự phòng và phân loại nợ của Ngân hàng và các Công ty con được lập dựa trên số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2019.

Kết quả phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2019 như sau:

PHÂN LOẠI	DƯ NỢ CHO VAY (Triệu đồng)	DỰ PHÒNG CỤ THỂ (Triệu đồng)	DỰ PHÒNG CHUNG (Triệu đồng)	TỔNG SỐ DỰ PHÒNG (Triệu đồng)
Nợ đủ tiêu chuẩn	139.027.895	-	1.042.709	1.042.709
Nợ cần chú ý	2.401.539	38.397	18.011	56.408
Nợ dưới tiêu chuẩn	496.582	50.028	3.724	53.752
Nợ nghi ngờ	603.321	195.881	4.525	200.406
Nợ có khả năng mất vốn	922.598	240.356	-	240.356
	143.451.935	524.662	1.068.969	1.593.631

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm nay như sau:

	DỰ PHÒNG CỤ THỂ (Triệu đồng)	DỰ PHÒNG CHUNG (Triệu đồng)	TỔNG SỐ DỰ PHÒNG (Triệu đồng)
Số đầu năm	432.346	907.579	1.339.925
Số trích lập trong năm	969.770	168.050	1.137.820
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(853.003)	-	(853.003)
Số cuối năm	549.113	1.075.629	1.624.742

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	DỰ PHÒNG CỤ THỂ (Triệu đồng)	DỰ PHÒNG CHUNG (Triệu đồng)	TỔNG SỐ DỰ PHÒNG (Triệu đồng)
Số đầu năm	401.804	758.895	1.160.699
Số trích lập trong năm	757.226	148.684	905.910
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(726.684)	-	(726.684)
Số cuối năm	432.346	907.579	1.339.925

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Chứng khoán Nợ	14.735.470	24.741.023
Trái phiếu Chính phủ (a)	8.418.514	15.074.784
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	4.412.137	6.332.229
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (c)	1.904.819	3.334.010
Chứng khoán Vốn	1.013.973	1.013.973
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.013.973	1.013.973
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(17.321)	(32.814)
Dự phòng giảm giá	(1.383)	-
Dự phòng chung	(13.960)	(32.814)
Dự phòng cụ thể	(2.078)	-
	15.732.122	25.722.182

- (a) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 5 năm đến 15 năm và lãi suất từ 2,90%/năm đến 9,50%/năm, lãi trả hàng năm. Trong đó, một số trái phiếu với tổng mệnh giá là 5.010.333 triệu đồng đang được cầm cố để thực hiện vay vốn tại một số TCTD khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (b) Trái phiếu do các TCTD khác phát hành có thời hạn từ 24 tháng đến 37 tháng, lãi suất từ 6,60%/năm đến 6,80%/năm, lãi trả hàng năm. Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác phát hành có thời hạn từ 9 tháng đến 24 tháng và lãi suất từ 7,00%/năm đến 10,30%/năm, lãi trả định kỳ 3 tháng/lần, 6 tháng/lần, 9 tháng/lần hoặc 1 năm/lần.
- (c) Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm, lãi trả định kỳ 3 tháng/lần, hoặc 1 năm/lần. Lãi suất hiện tại của các trái phiếu là từ 8,90%/năm đến 12,57%/năm và thay đổi định kỳ 3 tháng/lần, hoặc 1 năm/lần tùy theo loại trái phiếu của từng Công ty. Trái phiếu của một số tổ chức kinh tế có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, dự án bất động sản, cổ phiếu.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Chứng khoán Nợ	14.735.470	24.741.023
Đã niêm yết	8.418.514	15.074.784
Chưa niêm yết	6.316.956	9.666.239
Chứng khoán Vốn	1.013.973	1.013.973
Đã niêm yết	1.013.973	1.013.973
	15.749.443	25.754.996

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Trái phiếu Chính phủ (a)	7.976.125	7.845.362
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam (b)	1.461.317	1.673.857
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (c)	7.073.182	5.002.845
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành (d)	3.700.000	1.958.759
	20.210.624	16.480.773

- (a) Đây là các trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 3 năm đến 15 năm với lãi suất từ 2,90%/năm đến 11,10%/năm, lãi trả hàng năm.
- (b) Đây là các trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thời hạn từ 5 năm đến 10 năm với mức lãi suất từ 2,90%/năm đến 11,50%/năm, lãi trả hàng năm.
- (c) Đây là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành. Trong đó, các trái phiếu có thời hạn từ 2 năm đến 10 năm và có lãi suất từ 6,60%/năm đến 8,50%/năm, lãi trả hàng năm; chứng chỉ tiền gửi có thời hạn từ 12 tháng đến 13 tháng và có lãi suất từ 6,80%/năm đến 7,70%/năm, lãi thanh toán cuối kỳ.
- (d) Đây là trái phiếu có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm với lãi suất 10,00%/năm đến 11,00%/năm, lãi trả 6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Chứng khoán Ng		
Đã niêm yết	9.637.442	9.519.169
Chưa niêm yết	10.773.182	6.961.604
	20.210.624	16.480.773

12.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	485.744	1.407.848
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(355.096)	(915.890)
	130.648	491.958

Trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, lãi suất 0,00%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

Biến động tăng/giảm của trái phiếu VAMC trong năm như sau:

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số đầu năm	1.407.848	1.838.855
Tắt toán trong năm	(922.104)	(431.007)
Số cuối năm	485.744	1.407.848

12.4 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành		
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.542.560	5.230.510
Nợ có khả năng mất vốn	62.259	62.259
	5.604.819	5.292.769

12.5 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số đầu năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	32.814	354.161
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	-	-
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	915.890	876.077
	948.704	1.230.238

Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 32)	(15.493)	(83.606)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) (Thuyết minh 32)	31.500	-
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh 11)	151.263	84.806
	167.270	1.200

Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	(237.741)
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(712.057)	(44.993)
	(712.057)	(282.734)

Số cuối năm

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	17.321	32.814
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	31.500	-
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	355.096	915.890
	403.917	948.704

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số đầu năm	20.186	111.850
Số hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 35)	(1.890)	(91.664)
Số cuối năm	18.296	20.186

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC (Triệu đồng)	MÁY MÓC THIẾT BỊ (Triệu đồng)	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI (Triệu đồng)	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ (Triệu đồng)	TÀI SẢN KHÁC (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Nguyên giá						
Số đầu năm	474.272	153.535	254.913	278.447	10.752	1.171.919
Tăng trong năm	44.655	8.890	36.336	26.993	1.205	118.079
Giảm trong năm	(91.699)	(1.505)	(15.726)	(1.623)	(213)	(110.766)
Số cuối năm	427.228	160.920	275.523	303.817	11.744	1.179.232
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	98.897	123.543	131.267	240.447	8.538	602.692
Khấu hao trong năm	16.138	8.091	31.986	14.375	1.008	71.598
Thanh lý, nhượng bán	(9.025)	(1.505)	(14.872)	(1.591)	(213)	(27.206)
Số cuối năm	106.010	130.129	148.381	253.231	9.333	647.084
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	375.375	29.992	123.646	38.000	2.214	569.227
Số cuối năm	321.218	30.791	127.142	50.586	2.411	532.148

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 426.918 Triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 370.132 Triệu đồng).

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DUNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN (Triệu đồng)	QUYỀN SỬ DUNG ĐẤT KHÔNG THỜI HẠN (Triệu đồng)	PHẦN HIỂM MÁY VI TÍNH (Triệu đồng)	TÀI SẢN KHÁC (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Nguyên giá					
Số đầu năm	90.743	946.179	200.159	3.362	1.240.443
Tăng trong năm	13.490	49.317	14.661	-	77.468
Giảm trong năm	-	(742.041)	-	-	(742.041)
Số cuối năm	104.233	253.455	214.820	3.362	575.870
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	4.329	-	187.573	2.312	194.214
Hao mòn trong năm	1.778	-	8.004	460	10.242
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	6.107	-	195.577	2.772	204.456
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	86.414	946.179	12.586	1.050	1.046.229
Số cuối năm	98.126	253.455	19.243	590	371.414

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 182.224 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 161.313 triệu đồng).

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm các Quyền sử dụng đất không có thời hạn và nhà ở gắn liền trên đất mà Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu từ việc bán đầu giá tài sản gắn xiết nợ. Các tài sản này được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thông tin tại ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

	NHÀ CỬA VÀT KIẾN TRÚC (Triệu đồng)	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.383	48.964	52.347
Tăng trong năm	-	8.628	8.628
Giảm trong năm	(1.300)	(15.380)	(16.680)
Số cuối năm	2.083	42.212	44.295
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	392	-	392
Khấu hao trong năm	107	-	107
Giảm trong năm	(302)	-	(302)
Số cuối năm	197	-	197
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.991	48.964	51.955
Số cuối năm	1.886	42.212	44.098

17. TÀI SẢN CỐ KHÁC

17.1 Các khoản phải thu

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Phải thu liên quan đến nghiệp vụ thủ tín dụng trả chậm	3.815.818	-
Phải thu từ thanh lý tài sản (i)	738.000	-
Tạm ứng mua sắm TSCĐ (ii)	532.169	577.447
Chi phí công trình	458.717	344.231
Phải thu từ hoạt động bán chứng khoán trả chậm (iii)	239.980	239.980
Phải thu liên minh thể	219.451	104.719
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	179.294	162.805
Phải thu hoa hồng đại lý (iv)	92.204	54.712
Kỳ quỹ tài khoản giao dịch chứng khoán (v)	73.073	-
Kỳ quỹ giao dịch phái sinh	67.880	-
Kỳ quỹ thuê văn phòng, TSCĐ và công cụ dụng cụ	51.472	83.684
Phải thu liên quan đến hoạt động chi trả kiểu hối	35.511	28.527
Tạm ứng chi phí xử lý tài sản bảo đảm	25.748	23.699
Phải thu đối tác thu hộ tiền vay	20.097	58.442
Phải thu dịch vụ thu hộ kèm hồ trợ quản lý trái phiếu	16.249	-
Tạm ứng cho khoản tiền gửi tiết kiệm trả lãi trao ngay	12.445	13.571
Phải thu ngân sách nhà nước	-	58.973
Phải thu tiền hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật	-	51.391
Các khoản phải thu khác	141.882	171.943
	6.719.990	1.974.124

- (i) Đây là các khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cho một tổ chức kinh tế với tổng giá trị là 738.000 triệu đồng, được thanh toán trong vòng 7 năm với lãi suất 7%/năm. Gốc và lãi trả chậm được thanh toán hàng năm.
- (ii) Tạm ứng mua sắm TSCĐ bao gồm:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Mua sắm nhà, trụ sở	437.446	554.718
Phương tiện vận tải	13.435	256
Phần mềm	65.520	12.500
Mua sắm tài sản khác	15.768	9.973
	532.169	577.447

- (iii) Đây là khoản phải thu trả chậm không lãi suất liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn, đáo hạn vào năm 2022.
- (iv) Đây là các khoản phải thu hoa hồng nhận được từ các chương trình khuyến mại với các đại lý và từ hoạt động phát triển sản phẩm bảo hiểm.
- (v) Đây là khoản tiền kỳ quỹ vào tài khoản giao dịch chứng khoán tại một công ty chứng khoán để thực hiện mua cổ phiếu quỹ.

17.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.802.788	1.994.972
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.303.065	1.468.504
Lãi phải thu từ tiền gửi	5.350	25.295
Lãi và phí phải thu khác	86.378	30.444
	3.197.571	3.519.215

17.3 Tài sản Có khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Chi phí trả trước chờ phân bổ (i)	1.619.784	1.306.790
Tài sản gắn nợ chờ xử lý (ii)	220.913	389.548
Vật liệu và công cụ	58.167	44.308
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 4)	22.088	27.651
Tài sản Có khác	3.450	3.450
	1.924.402	1.571.947

- (i) Chi phí trả trước chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ trả trước, chi phí thuê tài sản, thuê đường truyền dữ liệu, chi phí bảo trì, sửa chữa tài sản, chi phí hoa hồng đã trả cho đại lý cho việc tìm kiếm khách hàng và chi phí trả trước tiền thưởng nhân viên kinh doanh.
- (ii) Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gắn nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

17.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu, tạm ứng quá hạn theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số đầu năm	39.321	60.881
Số trích lập/hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 35)	272	(10.304)
Số dự phòng để sử dụng để xử lý rủi ro	-	(11.456)
Số cuối năm	39.593	39.321

18. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Vay Ngân hàng Nhà nước	209.151	5.911.883
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	-	5.753.272
Vay khác	209.151	158.611
- Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (i)	208.069	157.049
- Quỹ Phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (ii)	1.082	1.562
Tiền gửi của kho bạc Nhà nước	-	2.000.000
Tiền gửi bằng VND	-	2.000.000
	209.151	7.911.883

- (i) Đây là khoản vay theo dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và giai đoạn III do Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ thông qua HNNVN Việt Nam. Theo thỏa thuận khung về cho vay tại ngày 1 tháng 11 năm 2007, Ngân hàng được vay để tài trợ cho các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiện quy định của dự án. Gốc trả theo lịch trả nợ định kỳ kèm từng hợp đồng, lãi trả hàng quý.
- (ii) Đây là khoản vay từ Quỹ Phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SMEDF) với lãi suất 7,00%/năm, thời hạn vay là 61 tháng. Gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

19.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tiền gửi không kỳ hạn	12.200.121	12.100.998
Bằng VND	12.166.215	12.100.998
Bằng ngoại tệ	33.906	-
Tiền gửi có kỳ hạn	14.020.633	10.736.750
Bằng VND	10.895.000	10.157.000
Bằng ngoại tệ	3.125.633	579.750
	26.220.754	22.837.748

Mức lãi suất hàng năm các khoản tiền gửi của các TCTD khác như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Tiền gửi CKH bằng VND	1,20 - 4,60	3,90 - 5,60
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	1,70 - 2,50	2,55 - 2,75

19.2. Vay các TCTD khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Vay các TCTD trong nước bằng VND	14.899.382	14.094.733
Vay các TCTD trong nước và ngoài nước bằng ngoại tệ	8.713.381	3.756.780
	23.572.763	17.851.513

- Các khoản vay các TCTD khác bằng VND có thời hạn từ 14 ngày đến 364 ngày, chịu lãi suất từ 3,00%/năm đến 7,80%/năm, lãi trả cuối kỳ.
- Các khoản vay các TCTD khác bằng ngoại tệ có thời hạn từ 6 tháng đến 5 năm, chịu lãi suất từ 1,55%/năm đến 8,50%/năm, trả lãi hằng năm.
- Bao gồm trong các khoản tiền gửi và tiền vay này có các khoản tiền gửi và tiền vay trị giá 12.873.035 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 11.847.733 triệu đồng) được đảm bảo bằng các chứng khoán với tổng mệnh giá là 13.156.333 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 12.275.333 triệu đồng).

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

20.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tiền gửi không kỳ hạn ("KKH")	15.314.372	10.697.917
Tiền gửi KKH bằng VND	12.689.043	9.720.341
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	2.578.542	851.210
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	4.355	7.299
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	42.432	119.067
Tiền gửi có kỳ hạn ("CKH")	109.854.174	116.391.485
Tiền gửi CKH bằng VND	39.684.647	41.994.610
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	1.203.607	268.457
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	68.324.686	73.371.890
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	641.234	756.526
Tiền gửi vốn chuyển đúng	92.699	248.151
Tiền gửi vốn chuyển đúng bằng VND	89.484	226.586
Tiền gửi vốn chuyển đúng bằng ngoại tệ	3.235	21.565
Tiền ký quỹ	490.301	530.088
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	456.519	456.645
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	33.782	73.443
Các khoản phải trả khách hàng khác	267.030	192.453
Tiền gửi tiết kiệm khác	267.030	192.453
	126.018.576	128.060.094

Mức lãi suất hằng năm của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Tiền gửi KKH bằng VND	0,00 - 0,80	0,00 - 1,00
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	0,70	0,70
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00 - 0,20	0,00 - 0,20
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,00 - 0,10	0,00
Tiền gửi CKH bằng VND	0,60 - 8,10	0,80 - 7,80
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	0,00 - 9,00	0,00 - 9,50
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,00 - 1,80	0,00 - 1,60

Đối với tiền gửi có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

20.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	53.331.243	51.123.349
Công ty cổ phần khác	19.011.482	20.213.673
Công ty TNHH khác	11.577.908	7.652.399
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	8.729.967	10.110.800
Công ty Nhà nước	7.682.874	7.464.863
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.871.305	1.239.612
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chỉ phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.164.624	1.144.567
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.147.213	1.013.501
Công ty liên doanh nước ngoài	520.909	807.580
Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chỉ phối	267.540	236.794
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	211.812	201.027
Công ty hợp danh	14.955	8.269
Doanh nghiệp tư nhân	9.766	22.182
Hộ kinh doanh	2.695	2.166
Khác	1.118.193	1.005.916
Tiền gửi của cá nhân	72.687.333	76.936.745
	126.018.576	128.060.094

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	-	691
Vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn	-	691
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	3.043.492	3.044.975
Vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn	1.059	1.145
Vốn tài trợ dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch - Giai đoạn II	76.673	75.530
Vốn tài trợ chương trình hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện - Giai đoạn III (i)	2.965.760	2.968.320
	3.043.492	3.045.666

(i) Đây là khoản vay 128 triệu Đô la Mỹ từ Bộ tài chính để tài trợ chương trình hỗ trợ chính sách cải cách ngành điện - Giai đoạn III, thời hạn 29 năm từ ngày 4 tháng 8 năm 2015 đến ngày 4 tháng 8 năm 2043 với lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng của Đô la Mỹ cộng với khoản chênh lệch biến đổi được Ngân hàng Thế giới điều chỉnh định kỳ vào ngày 1 tháng 1 và ngày 1 tháng 7 hàng năm.

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	1.624.000	779.000
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	4.820.000	5.011.000
Từ 5 năm trở lên	137.000	137.000
Trái phiếu thường		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	15.400.000	6.000.000
Từ 5 năm trở lên	3.032.063	3.000.000
	25.013.063	14.927.000

Mức lãi suất hàng năm của giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm cuối năm của Ngân hàng và công ty con như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (%/năm)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (%/năm)
Chứng chỉ tiền gửi dưới 12 tháng	5,00 - 8,40	5,50 - 8,15
Chứng chỉ tiền gửi từ 12 tháng đến dưới 5 năm	6,20 - 11,00	7,63 - 13,00
Chứng chỉ tiền gửi từ 5 năm trở lên	14,00	14,00
Trái phiếu từ 12 tháng đến dưới 5 năm	6,30 - 6,90	6,30 - 6,80
Trái phiếu từ 5 năm trở lên	7,70 - 8,70	7,70 - 8,50

23. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

23.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	1.584.504	1.663.962
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	806.716	819.086
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VND	593.432	341.940
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	149.074	161.696
Lãi phải trả cho tiền vay bằng ngoại tệ	40.095	35.573
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch hoán đổi	35.764	89.121
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	31.998	30.068
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch kỳ hạn	5.356	1.387
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	449	308
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	1.970	187
	3.249.358	3.143.548

23.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Các khoản phải trả nội bộ	111.012	172.440
Các khoản phải trả công nhân viên	96.013	159.394
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	14.999	13.046
Các khoản phải trả bên ngoài	1.226.051	911.329
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	320.713	269.268
Phải trả cho đại lý (ii)	131.709	368.156
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 24)	335.611	172.365
Hoa hồng phải trả	138.018	101.540
Phải trả từ nhận góp vốn	300.000	-
Các khoản phải trả khác	417.664	366.660
Doanh thu chờ phân bổ	115.534	129.963
Phải trả về xây dựng cơ bản	6.637	6.017
Các khoản phải trả khác	295.493	228.680
	1.754.727	1.450.429

(i) Biến động tăng(giảm) của Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Số đầu năm	13.046	11.079
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 25.3)	5.000	3.000
Sử dụng quỹ trong năm	(3.047)	(1.033)
Số cuối năm	14.999	13.046

(ii) Phải trả cho đại lý là các khoản giải ngân phải trả cho đại lý do đại lý đã cung cấp hàng hóa cho khách hàng vay mua hàng.

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	PHÁT SINH TRONG NĂM			
	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)	SỐ PHẢI NỘP (Triệu đồng)	SỐ ĐÃ NỘP (Triệu đồng)	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)
Thuế giá trị gia tăng	9.331	93.970	(84.882)	18.419
Thuế thu nhập doanh nghiệp	95.675	1.002.077	(792.681)	305.071
Các loại thuế khác	8.386	120.925	(117.190)	12.121
Thuế thu nhập cá nhân	8.101	101.311	(99.446)	9.966
Thuế nhà thầu	285	18.978	(17.108)	2.155
Thuế môn bài	-	295	(295)	-
Thuế khác	-	341	(341)	-
	113.392	1.216.972	(994.753)	335.611
Trong đó:	172.365			335.611

Thuế và các khoản phải trả
ngân sách Nhà nước
(Thuyết minh 23.2)

24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Ngân hàng và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành (Năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.018.413	4.004.628
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con	1.003.683	800.926
Các khoản điều chỉnh giảm:		
• Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(5.414)	(20.432)
• Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(3.139)	(4.010)
• Điều chỉnh dự phòng không được trừ	-	(18.000)
• Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	(254)	1.153
Các khoản điều chỉnh tăng:		
• Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	3.998	-
• Chi phí không được khấu trừ	1.587	2.724
• Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	1.616	17.933
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	1.002.077	780.294

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.413	-	2.413	(1.438)
Dự phòng chứng khoán đầu tư	-	-	-	(19.800)
	2.413	-	2.413	(21.238)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	(1.585)	1.585	(1.585)
Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại thuần			3.998	(22.823)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	THẮNG DƯ VỐN CỔ PHẦN (Triệu đồng)	CỔ PHIẾU QUỸ (Triệu đồng)	VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (Triệu đồng)	QUỸ CỦA TCTD (Triệu đồng)	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI (Triệu đồng)	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Số đầu năm	9.810.000	2.042.255	(2)	89	775.800	3.007.022	1.192.976	16.828.140
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	3.604.766	415.568	4.020.334
Tăng cổ phiếu quỹ	-	-	(158.927)	-	-	-	-	(158.927)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	476.020	(476.020)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.000)	-	(5.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(3.431)	-	-	(3.431)
Chia lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(300.000)	(300.000)
Số cuối năm	9.810.000	2.042.255	(158.929)	89	1.248.389	6.130.768	1.308.544	20.381.116

Tình hình thay đổi các quỹ của Ngân hàng và các công ty con trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

CHỈ TIÊU	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (Triệu đồng)	QUỸ DƯ PHÒNG TẠI CHÍNH (Triệu đồng)	QUỸ DƯ THỎ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Số đầu năm	70	564.693	150.503	60.534	775.800
Trích lập các quỹ	-	303.321	152.699	20.000	476.020
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(3.431)	(3.431)
Số cuối năm	70	868.014	303.202	77.103	1.248.389

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (Cổ phiếu)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	980.999.979	980.999.979
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
• Cổ phiếu phổ thông	980.999.979	980.999.979
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
• Cổ phiếu phổ thông	5.902.778	208
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
• Cổ phiếu phổ thông	975.097.201	980.999.771

25.2 Cổ tức

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Cổ tức phải trả đầu năm	771	765
Cổ tức phải trả trong năm	300.000	1.425.300
Cổ tức đã trả trong năm	(300.000)	(1.425.284)
Cổ tức phải trả cuối năm	771	771

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC Trình bày lại
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (Triệu đồng)	3.604.766	2.842.085
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Triệu đồng)	-	(5.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Triệu đồng)	3.604.766	2.837.085
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	980.864.248	980.999.771
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	3.675	2.892

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và TCTD khác	15.624.726	13.292.588
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Ng	2.447.413	2.266.253
• Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	2.375.627	2.227.725
• Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	71.586	38.528
Thu nhập lãi tiền gửi	239.958	223.601
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	164.469	77.939
Thu khác từ hoạt động tín dụng	941.501	936.686
	19.618.067	16.797.067

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Trả lãi tiền gửi	7.703.360	9.331.952
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.310.034	1.079.403
Trả lãi tiền vay	620.844	710.331
Chi phí hoạt động tín dụng khác	37.274	29.688
	9.671.512	9.151.374

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	821.429	541.049
Thu phí dịch vụ bảo hiểm	414.946	262.709
Thu từ dịch vụ thanh toán	308.804	184.209
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	18.221	16.879
Thu phí dịch vụ bảo quản tài sản	283	3.546
Thu từ dịch vụ ủy thác và đại lý	230	202
Thu khác	78.945	68.504
Chi phí hoạt động dịch vụ	(195.553)	(102.874)
Chi dịch vụ thanh toán	(153.767)	(71.906)
Chi dịch vụ ngân quỹ	(12.325)	(11.447)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(5.215)	(4.719)
Chi phí hoa hồng môi giới	(11.789)	(3.902)
Nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(2.713)	(663)
Chi khác	(9.750)	(12.839)
	625.876	438.175

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.650.362	1.018.561
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.335.322	625.941
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	312.306	392.258
Thu từ kinh doanh vàng	2.734	362
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(2.420.560)	(703.900)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(2.230.249)	(546.880)
Chi về kinh doanh vàng	(64)	(111)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(190.247)	(156.909)
	229.802	314.661

31. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	100.452	133.139
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(19.243)	(5.053)
Chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(750)	(3.750)
	80.459	124.336

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư (*)	280.518	390.422
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư (*)	(24.562)	(133.287)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (Thuyết minh 12.5)	15.493	83.606
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 12.5)	(31.500)	-
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	806
Chi phí về thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	(31)
	239.949	341.516

(*) Chênh lệch giữa thu nhập thuần từ khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ (bao gồm thu nhập lãi và thu nhập thuần từ mua bán) và chi phí duy động bình quân của các khoản tiền gửi có kỳ hạn sử dụng để mua trái phiếu Chính phủ là 195.080 triệu đồng (Năm trước: 116.829 triệu đồng).

33. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Thu nhập từ hoạt động khác	474.880	523.279
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	189.016	173.957
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	50.087	45.678
Thu nhập thuần từ thanh lý tài sản cố định	38.062	13.160
Thu nhập cho thuê lại văn phòng	26.760	41.317
Thu nhập khác	170.955	158.274
Thu nhập hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật	-	51.391
Thu nhập từ dịch vụ thu hộ và hỗ trợ quản lý trái phiếu	-	29.273
Thu bồi thường bảo hiểm	-	12.229
Chi phí hoạt động khác	(36.602)	(56.629)
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 4)	(5.763)	(5.763)
Chi phí về thanh lý tài sản khác	(4.230)	(39.364)
Chi tài trợ	(2.477)	(7.645)
Chi phí khác	(24.132)	(3.857)
	438.278	466.650

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Cổ tức nhận được từ góp vốn, mua cổ phần		
• Từ chứng khoán vốn đầu tư [i]	26.809	105.554
• Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	260	3.770
	27.069	109.324

Đây là khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sẵn sàng để bán.

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Chi nộp thuế và các khoản lệ phí	2.781	2.745
Chi phí cho nhân viên	2.615.979	2.376.730
• Chi lương và phụ cấp	2.304.211	2.121.318
• Các khoản chi đóng góp theo lương	221.079	197.980
• Chi trợ cấp	90.689	57.432
Chi về tài sản	626.753	566.012
• Chi phí thuê văn phòng	307.467	263.998
• Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	140.365	124.239
• Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.947	88.799
• Chi khác về tài sản	96.974	88.976
Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ	1.724.000	1.484.422
• Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	1.064.193	853.988
• Công tác phí	54.468	56.106
• Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	1.959	2.092
• Chi phí khác	603.380	572.236
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	112.597	113.315
Hoàn nhập dự phòng (không tính dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán)	(1.618)	(101.768)
• Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng rủi ro tài sản Có khác (Thuyết minh 17.4)	272	(10.104)
• Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 13)	(1.890)	(91.664)
	5.080.492	4.441.456

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Tiền mặt và vàng	2.004.563	2.096.395
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	4.503.540	5.385.604
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	14.127.234	20.524.462
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	9.727.643	11.450.700
	30.362.980	39.457.161

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Tổng số nhân viên trung bình (người)	14.062	13.767
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	2.182.930	2.018.741
2. Thu nhập khác	121.291	102.577
3. Tổng thu nhập (1+2)	2.304.221	2.121.318
4. Tiền lương bình quân tháng (Triệu đồng/người)	12,92	12,22
5. Thu nhập bình quân tháng (Triệu đồng/người)	13,64	12,84

38. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỐ SÁCH TÀI SẢN THẾ CHẤP

38.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tài chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị số sách của tài sản thế chấp của khách hàng:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Bất động sản	216.098.223	146.538.706
Giấy tờ có giá	48.691.587	39.109.574
Động sản	48.299.044	29.876.250
Tài sản khác	113.870.501	45.546.815
	426.959.355	261.071.345

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Giấy tờ có giá	-	250.000

38.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tài chiết khấu

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng đưa đi cầm cố, thế chấp đã được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua tài chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Giấy tờ có giá	14.656.333	19.956.249

39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và các Công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết giao dịch hối đoái, cam kết bảo lãnh và rủi ro tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thu tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thu hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thu tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thu tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thu hưởng. Các thu tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thu hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tín cậy của khách hàng do Ngân hàng và các công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và các Công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng 2 (hai) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào thời điểm cuối năm như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Bảo lãnh vay vốn	61.869	8.565
Cam kết giao dịch hối đoái	77.375.402	74.523.122
• Cam kết mua ngoại tệ	6.981.635	4.414.227
• Cam kết bán ngoại tệ	6.570.181	3.471.919
• Cam kết giao dịch hoán đổi	63.823.586	66.636.982
Cam kết trong nghiệp vụ thu tín dụng	4.975.700	5.025.360
• Thu tín dụng trả ngay	1.338.195	1.528.934
• Thu tín dụng trả chậm	3.637.515	3.496.426
Bảo lãnh khác	4.510.343	3.677.557
• Cam kết bảo lãnh thanh toán	2.876.646	1.446.789
• Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	546.017	668.807
• Cam kết bảo lãnh dự thầu	72.131	35.161
• Cam kết bảo lãnh khác	1.110.549	1.466.800
Cam kết khác	5.019.770	2.698.939
	92.043.084	85.873.343
Trừ: Tiền ký quỹ	(299.024)	(413.704)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	91.744.060	85.459.639

40. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và các công ty con;
 - có vốn góp (số hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và các công ty con;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và các công ty con;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (số hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành (bao gồm Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng) của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chỉ tiết giao dịch trong yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

BÊN LIÊN QUAN	CÁC GIAO DỊCH	NĂM NAY (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (Triệu đồng)
Có đóng góp và các bên liên quan với cổ đông lớn	Gửi tiền vào tài khoản và trả lại tiền gửi	29.122.406	33.797.792
	Rút tiền từ tài khoản	29.874.071	36.890.352
	Thu gốc cho vay	112.680	112.680
	Thu nhập lãi cho vay	38.733	102.435
	Thu nhập lãi trái phiếu	34.693	31.500
Các công ty Ngân hàng đầu tư góp vốn	Gửi tiền vào tài khoản và trả lại tiền gửi	98.554.062	120.928.722
	Rút tiền từ tài khoản	97.161.862	122.452.203
	Cho vay	8.872.660	13.237.076
	Thu gốc cho vay	8.724.528	12.907.570
	Thu nhập lãi cho vay	38.004	27.924
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Cổ tức nhận được	26.809	98.390
	Gửi tiền vào tài khoản và trả lại tiền gửi	49.797.219	22.295.495
	Rút tiền từ tài khoản	49.799.278	22.534.291
	Cho vay, bảo lãnh và thế chấp	127.144	282.791
	Thu gốc cho vay	135.476	271.233
	Thu nhập lãi cho vay	912	3.804
	Phí dịch vụ thu hộ kèm hỗ trợ quản lý trái phiếu	68.560	-
	Lương và thưởng	52.896	53.997

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

BÊN LIÊN QUAN	CÁC GIAO DỊCH	PHẢI THU/PHẢI TRẢ	
		SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán	(114.057)	(189.689)
	Tiền gửi có kỳ hạn	(212.332)	(964.617)
	Tiền gửi kỳ quỹ	(76.292)	(47)
	Cho vay	248.940	1.011.620
	Dự thu lãi cho vay	535	26.633
	Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	-	350.000
	Dự thu lãi chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	-	23.905
Các công ty Ngân hàng đầu tư góp vốn	Tiền gửi thanh toán và vốn chuyên dụng	(2.674.602)	(416.341)
	Tiền gửi có kỳ hạn	(643.381)	(1.509.628)
	Tiền gửi kỳ quỹ	(2)	(2)
	Cho vay	1.371.134	1.224.055
	Dự thu lãi cho vay	931	699
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Tiền gửi thanh toán	(139.142)	(80.135)
	Tiền gửi tiết kiệm	(301.147)	(426.405)
	Tiền gửi có kỳ hạn	(900.000)	(901.526)
	Cho vay	9.841	17.342
	Dự thu lãi cho vay	39	98
	Phải thu dịch vụ thu hộ kèm hỗ trợ quản lý trái phiếu	16.249	-

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	TRONG NƯỚC (Triệu đồng)	NƯỚC NGOÀI (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2019			
• Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	24.251.428	413.449	24.664.877
• Cho vay khách hàng - góp	146.324.378	-	146.324.378
• Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư - góp	41.096.799	-	41.096.799
• Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	185.117	-	185.117
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019			
• Tiền gửi và vay các TCTD khác	43.036.784	6.756.733	49.793.517
• Tiền gửi của khách hàng	126.018.576	-	126.018.576
• Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	3.043.492	-	3.043.492
• Phát hành giấy tờ có giá	25.013.063	-	25.013.063
• Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	35.421.232	-	35.421.232
Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	92.043.084	-	92.043.084

42. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	MIỀN BẮC (Triệu đồng)	MIỀN TRUNG (Triệu đồng)	MIỀN NAM (Triệu đồng)	TỔNG BỘ PHẬN ĐẢ BẢO CAO (Triệu đồng)	LOẠI TRỪ (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.256.362	3.045.717	31.958.380	41.260.459	(21.642.392)	19.618.067
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(4.729.855)	(2.255.151)	(24.528.898)	(31.513.904)	21.642.392	(9.871.512)
Thu nhập lãi thuần	1.526.507	790.566	7.429.482	9.746.555		9.746.555
Các khoản thu nhập ngoài lãi	54.028	27.048	1.560.357	1.641.433		1.641.433
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.580.535	817.614	8.989.839	11.387.988		11.387.988
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(539.938)	(331.840)	(4.208.714)	(5.080.492)		(5.080.492)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.040.597	485.774	4.781.125	6.307.496		6.307.496
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(80.734)	(68.354)	(1.159.995)	(1.289.083)		(1.289.083)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	979.863	417.420	3.621.130	5.018.413		5.018.413
TÀI SẢN						
Tiền mặt và vàng	571.605	296.527	1.136.431	2.004.563		2.004.563
Tiền gửi tại và cho vay NHNN Việt Nam và các TCTD khác	57.017	64.124	29.047.276	29.168.417		29.168.417
Cho vay khách hàng - góp	28.233.784	24.016.598	94.073.996	146.324.378		146.324.378
Đầu tư - góp	5.006.140	6.484	36.269.292	41.281.916		41.281.916
Tài sản khác	5.046.802	604.491	19.120.334	24.771.627	(11.979.591)	12.792.036
TỔNG TÀI SẢN	38.915.348	24.988.224	179.647.329	243.550.901	(11.979.591)	231.571.310
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	209.151	209.151		209.151
Tiền gửi và vay các TCTD khác	40.033	2	49.753.482	49.793.517		49.793.517
Tiền gửi của khách hàng	36.357.032	12.101.547	77.559.997	126.018.576		126.018.576
Nợ phải trả khác	1.058.528	12.270.638	31.725.527	45.054.693	(11.979.591)	33.074.902
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	37.455.593	24.372.187	159.247.957	221.075.737	(11.979.591)	209.096.146

43. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

(i) Cơ cấu Quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

(ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

(iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

(iv) Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

(v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

(vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lương hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được tập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

(vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và các công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

44. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tín cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Lãi suất thực tế cho các khoản tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 6, 7, 10 và 20.

44.1 Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, được trình bày như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng		
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	24.664.877	32.425.544
Chứng khoán kinh doanh - Chứng khoán Ng	3.536.656	1.601.623
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	208.294
Cho vay khách hàng		
• Cho vay khách hàng cá nhân	72.281.964	60.563.383
• Cho vay khách hàng là tổ chức	74.042.414	62.568.265
Chứng khoán đầu tư		
• Chứng khoán Ng - sẵn sàng để bán	6.316.956	9.666.239
• Chứng khoán Ng - giữ đến ngày đáo hạn	11.258.926	8.369.452
Tài sản tài chính khác	8.579.751	3.880.479
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	4.672.202	3.626.122
Các cam kết trong thu tín dụng	4.975.700	5.025.160

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

44.2 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN, các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Ngân hàng và các công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và các công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

44.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày dưới đây:

	QUÁ HẠN				
	DUỚI 90 NGÀY (Triệu đồng)	TỪ 91 ĐẾN 180 NGÀY (Triệu đồng)	TỪ 181 ĐẾN 360 NGÀY (Triệu đồng)	TRÊN 360 NGÀY (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Cho vay khách hàng	411.823	64.300	49.862	245.084	771.069

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đồng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác.

45. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

45.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giá định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con:

• Tiền mặt và vàng; chứng khoán kinh doanh; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành; các công cụ tài chính phái sinh, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Cố khác) và các khoản nợ khác được phân loại vào khoản mục không chịu lãi;

• Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng;

• Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành), các khoản cho vay khách hàng; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản nợ NHNN Việt Nam; phát hành giấy tờ có giá, các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng; thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;

• Các khoản mục có lãi suất thả nổi; thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

	THỜI HẠN ĐỊNH LẠI LÃI SUẤT								
	QUÁ HẠN (Triệu đồng)	KHÔNG CHỊU LÃI (Triệu đồng)	ĐẾN 1 THÁNG (Triệu đồng)	1-3 THÁNG (Triệu đồng)	3-6 THÁNG (Triệu đồng)	6-12 THÁNG (Triệu đồng)	1-5 NĂM (Triệu đồng)	TRÊN 5 NĂM (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.004.563	-	-	-	-	-	-	2.004.563
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	4.503.540	-	-	-	-	-	4.503.540
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	21.678.687	2.786.190	200.000	-	-	-	24.664.877
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	4.650.988	-	-	-	-	-	-	4.650.988
Cho vay khách hàng - gộp	4.300.079	-	38.753.731	64.777.016	16.736.384	15.858.162	5.859.243	39.823	146.324.378
Chứng khoán đầu tư - gộp	62.259	1.499.718	1.159.255	2.089.355	4.578.088	6.361.276	15.460.307	5.235.753	36.445.811
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	185.117	-	-	-	-	-	-	185.117
Tài sản cố định	-	903.562	-	-	-	-	-	-	903.562
Bất động sản đầu tư	-	44.098	-	-	-	-	-	-	44.098
Tài sản Cố khác - gộp	40.023	11.065.583	770	-	-	-	-	738.000	11.844.376
Tổng tài sản	4.402.301	20.353.629	66.095.983	69.652.561	21.514.472	22.219.438	21.319.350	6.013.576	231.571.310
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	46	208.023	-	-	1.082	-	209.151
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	3.815.818	30.132.329	11.605.362	2.199.450	2.040.560	-	-	49.793.517
Tiền gửi của khách hàng	-	280.928	44.395.683	20.205.854	27.854.824	29.091.249	4.188.530	1.508	126.018.576
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	14.262	-	-	-	-	-	-	14.262
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	1.058	2.965.760	-	-	-	76.674	3.043.492
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	450.000	239.000	2.815.000	4.990.000	16.473.063	46.000	25.013.063
Các khoản nợ khác	-	5.004.085	-	-	-	-	-	-	5.004.085
Tổng nợ phải trả		9.115.093	74.979.114	35.223.999	32.869.274	36.121.809	20.662.675	124.182	209.096.146
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.402.301	11.238.536	(8.883.131)	34.428.562	(11.354.802)	(13.902.371)	656.675	5.889.394	22.475.164

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất (kể cả các tài sản và nợ phải trả có lãi suất cố định) có ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

	THAY ĐỔI LÃI SUẤT	ẢNH HƯỞNG TĂNG/GIẢM LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Triệu đồng)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
VND	0,2%	11.482
VND	(0,2%)	(11.482)
USD	0,2%	5.054
USD	(0,2%)	(5.054)

Các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện mô hình quản lý tài sản - tài sản Có (ALM), với tư vấn của công ty tư vấn nước ngoài, trong đó có phân tích rủi ro lãi suất và phân tích độ nhạy thu nhập lãi thuần thông qua các tình huống thay đổi của lãi suất thị trường.

45.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 50.

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI (Triệu đồng)	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI (Triệu đồng)	GIÁ TRỊ VÀNG TIỀN TỆ ĐƯỢC QUY ĐỔI (Triệu đồng)	CÁC NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	93.645	377.118	33.466	242.009	746.238
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	116.569	-	-	116.569
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	26.054	579.747	-	4.827.054	5.432.855
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản tài sản tài chính khác	-	3.502.055	-	-	3.502.055
Cho vay khách hàng - góp	-	11.145.727	-	76.673	11.222.400
Tài sản Có khác - góp	35	2.710.275	-	5.528	2.715.839
Tổng tài sản	119.734	18.431.492	33.466	5.151.264	23.735.956
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	10.872.760	-	1.000.160	11.872.920
Tiền gửi của khách hàng	61.672	4.300.005	-	141.155	4.502.832
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	51.944	-	-	3.905.152	3.957.096
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	2.966.889	-	76.673	3.043.492
Các khoản nợ khác	565	145.444	217	7.767	153.993
Tổng nợ phải trả	114.181	18.285.028	217	5.130.907	23.530.333
Trạng thái tiền tệ nội bảng	5.553	146.464	33.249	20.357	205.623
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	70.096	-	(23.568)	46.528
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	5.553	216.560	33.249	(3.211)	252.151

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các Công ty con do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng và các Công ty con là không đáng kể.

	THAY ĐỔI TỶ GIÁ	ẢNH HƯỞNG TĂNG/(GIẢM) LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Triệu đồng)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
EUR	5%	222
EUR	(5%)	(222)
USD	5%	8.662
USD	(5%)	(8.662)
SJC	5%	1.330
SJC	(5%)	(1.330)

45.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và các Công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và các Công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản nợ phải trả này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và các Công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và các Công ty con, đồng thời Ngân hàng và các Công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và các Công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các Công ty con:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường;
- Thời gian đến hạn của các khoản nợ NHNN Việt Nam; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	QUÁ HẠN			TRONG HẠN					TỔNG CỘNG (Triệu đồng)
	TRÊN 3 THÁNG (Triệu đồng)	ĐẾN 3 THÁNG (Triệu đồng)	ĐẾN 1 THÁNG (Triệu đồng)	1-3 THÁNG (Triệu đồng)	3-12 THÁNG (Triệu đồng)	1-5 NĂM (Triệu đồng)	TRÊN 5 NĂM (Triệu đồng)		
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	-	2.004.563	-	-	-	-	2.004.563	
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	4.503.540	-	-	-	-	4.503.540	
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	21.678.687	2.786.190	200.000	-	-	24.664.877	
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	-	-	1.672.284	2.135.060	843.644	4.650.988	
Cho vay khách hàng - góp	1.996.665	2.303.354	8.531.297	17.948.677	63.526.859	29.061.189	22.956.337	146.324.378	
Chứng khoán đầu tư - góp	62.259	-	2.031.272	1.104.274	6.128.091	18.084.336	9.035.579	36.445.811	
Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	-	185.117	185.117	
Tài sản cố định	-	-	290.553	252	3.570	129.287	479.900	903.562	
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	44.098	44.098	
Tài sản Cố khác - góp	39.498	525	2.288.970	2.574.497	3.359.231	1.954.837	1.626.818	11.844.376	
Tổng tài sản	2.098.422	2.303.879	41.328.882	24.413.890	74.890.035	51.364.709	35.171.493	231.571.310	
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	46	152	3.898	160.225	44.830	209.151	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	30.036.034	10.784.423	4.825.630	4.167.430	-	49.793.517	
Tiền gửi của khách hàng	-	-	44.676.611	20.205.854	56.946.073	4.188.530	1.508	126.018.576	
Các công ty tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(34.828)	10.946	38.019	125	-	14.262	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	3.043.492	3.043.492	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	450.000	239.000	6.305.000	15.473.063	2.546.000	25.013.063	
Các khoản nợ khác	-	-	2.317.769	646.237	1.929.552	69.756	40.791	5.004.085	
Tổng nợ phải trả	-	-	77.445.612	31.886.612	70.048.172	24.039.129	5.676.621	209.096.146	
Mức chênh lệch khoản ròng	2.098.422	2.303.879	(36.116.730)	(7.472.722)	4.841.863	27.325.580	29.494.872	22.475.164	

45.4 Rủi ro giá cả thị trường

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và các công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

46. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	SỐ CUỐI NĂM (Triệu đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (Triệu đồng)
Các cam kết thuê hoạt động	1.317.137	1.287.941
Trong đó:		
• Đến hạn trong 1 năm	33.202	13.227
• Đến hạn từ 1 đến 5 năm	459.520	379.916
• Đến hạn sau 5 năm	824.415	894.798

47. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thống tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thống tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và các công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

• Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
 - Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
 - **Các khoản cho vay và phải thu:**
Là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
 - Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Các khoản được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc;
 - Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
 - **Tài sản sẵn sàng để bán:**
Là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
 - Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

• Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
 - Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

• Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phần bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ						GIÁ TRỊ HỢP LÝ (Triệu đồng)
	KINH DOANH (Triệu đồng)	GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (Triệu đồng)	CHO VAY VÀ PHẢI THU (Triệu đồng)	SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (Triệu đồng)	TÀI SẢN KHÁC VÀ NỢ TÀI CHÍNH HẠCH TOÁN THEO GIÁ TRỊ PHÂN BỐ (Triệu đồng)	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ GHI SỔ (Triệu đồng)	
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	-	-	2.004.563	2.004.563	2.004.563
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	-	-	4.503.540	4.503.540	4.503.540
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	810.000	-	23.854.877	24.664.877	(*)
Chứng khoán kinh doanh	4.643.488	-	-	-	-	4.643.488	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	144.699.636	-	-	144.699.636	(*)
Chứng khoán đầu tư	-	20.309.772	-	15.732.122	-	36.041.894	(*)
Cóp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	166.821	-	166.821	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	8.579.751	-	-	8.579.751	(*)
	4.643.488	20.309.772	154.089.387	15.898.943	30.362.980	225.304.570	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	-	209.151	209.151	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	49.793.517	49.793.517	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	126.018.576	126.018.576	(*)
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	14.262	14.262	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	3.043.492	3.043.492	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	25.013.063	25.013.063	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.570.071	3.570.071	(*)
	-	-	-	-	207.662.132	207.662.132	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

48. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết như sau:

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	NĂM TRƯỚC (SỐ LIỆU ĐÃ TRÌNH BÀY) (Triệu đồng)	PHÂN LOẠI LẠI (Triệu đồng)	NĂM TRƯỚC (PHÂN LOẠI LẠI) (Triệu đồng)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	298.315	16.346	314.661
Thu nhập từ hoạt động khác	539.625	(16.346)	523.279
Lãi thuần từ hoạt động khác	482.996	(16.346)	466.650

Trong năm, Công ty con đã thực hiện phân loại lại "thu nhập từ chênh lệch tỷ giá" do đánh giá lại các khoản mục tài sản có gốc ngoại tệ từ khoản mục "thu nhập từ hoạt động khác" sang khoản mục "lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" số tiền 16.346 tỷ đồng cho năm 2018 nhằm phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ.

49. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 6 tháng 2 năm 2020, đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đã thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ cho người lao động. Theo đó, Ngân hàng sẽ bán 3.345.000 cổ phiếu tương đương 0,341% vốn điều lệ cho người lao động với giá bán bằng mệnh giá. Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con.

50. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 (Đồng)	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 (Đồng)
USD	23.170	23.190
EUR	25.972	26.560
GBP	30.390	29.366
CAD	17.753	17.030
SGD	17.194	16.943
AUD	16.237	16.342
CNY	3.319	3.385
JPY	212,80	209,59
Vàng SJC (lượng)	42.450.000	36.460.000

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2020

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG:

- 286 điểm giao dịch ngân hàng tại Việt Nam
- 01 Văn phòng Đại diện tại Myanmar
- 17.101 điểm giao dịch tài chính trên toàn quốc

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý với 400 ngân hàng và chi nhánh tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm toàn bộ các thị trường trọng yếu.

MIỀN NAM

TP. Hồ Chí Minh
Bà Rịa Vũng Tàu
Bình Dương
Bình Phước
Đồng Nai
Tây Ninh
An Giang
Bạc Liêu
Bến Tre
Cà Mau
Cần Thơ
Đồng Tháp
Hậu Giang
Kiên Giang
Long An
Sóc Trăng
Tiền Giang
Trà Vinh
Vĩnh Long

**MIỀN TRUNG
& TÂY NGUYÊN**

Thanh Hóa
Nghệ An
Hà Tĩnh
Quảng Bình
Quảng Trị
Thừa Thiên – Huế
Đà Nẵng
Quảng Nam
Quảng Ngãi
Bình Định
Phước Yên
Khánh Hòa
Ninh Thuận
Bình Thuận
Kon Tum
Gia Lai
Đắk Lắk
Lâm Đồng

MIỀN BẮC

Hà Nội
Bắc Ninh
Hà Nam
Hải Dương
Hải Phòng
Hưng Yên
Nam Định
Thái Bình
Vĩnh Phúc
Ninh Bình
Phủ Thọ
Hà Giang
Tuyên Quang
Cao Bằng
Bắc Kạn
Thái Nguyên
Lạng Sơn
Bắc Giang
Quảng Ninh
Hòa Bình
Sơn La
Điện Biên
Lai Châu
Lào Cai
Yên Bái